



**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ**

Địa chỉ: Tổ 27, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội
Điện thoại: 0243.882.1651. Email: truongcdnktcn@gmail.com
Fax: 024.38820306 Website: <http://www.httc.edu.vn/>

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2022 (2019-2022)**

Hà Nội, năm 2022

MỤC LỤC	
NỘI DUNG	Trang
CÁC TỪ VIẾT TẮT	2
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1. Thông tin chung về trường CDN Kỹ thuật Công nghệ	3
2. Thông tin khái quát về Khoa Điện tử - Điện lạnh	10
3. Thông tin về chương trình đào tạo	14
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	23
1. Tổng quan chung	23
1.1. Căn cứ tự đánh giá	23
1.2. Mục đích tự đánh giá	23
1.3. Yêu cầu tự đánh giá	23
1.4. Phương pháp tự đánh giá	24
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	24
2. Tự đánh giá:	25
2.1. <i>Tổng hợp kết quả tự đánh giá</i>	25
2.2. <i>Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn: Báo cáo đánh giá chi tiết tiêu chí</i>	29
Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	31
Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	38
Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	51
Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	64
Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	88
Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	111
Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	120
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	153
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	155
PHỤ LỤC	
1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo	156
2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo	158
3. Bảng mã minh chứng	163

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Ý nghĩa
1	TCGDNN	Tổng cục giáo dục nghề nghiệp
2	LĐ-TB&XH	Lao động – Thương binh và Xã hội
3	TĐGCLCTĐT	Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
4	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
5	KTCN	Kỹ thuật Công nghệ
6	HSSV	Học sinh, sinh viên
7	CĐ	Cao đẳng
8	TC	Trung cấp
9	CĐN	Cao đẳng nghề
10	TCN	Trung cấp nghề
11	ĐTĐL	Điện tử điện lạnh
12	KTV	Kỹ thuật viên
13	NV	Nhân viên
14	MTCL	Mục tiêu chất lượng
15	KHCB	Khoa học cơ bản

PHẦN I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2022

1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ:

- Tên tiếng Việt: TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

- Tên tiếng Anh: TECHNIQUE TECHNOLOGY COLLEGE viết tắt là TTC

- Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Địa chỉ trường: Tổ 27, Thị trấn Đông Anh Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 0243.882.1651

Số fax: 043. 8820306

Email: TruongCDNKTCN@gmail.com.

Website: www.httc.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 2000

- Năm nâng cấp thành trường cao đẳng nghề: 2006

Loại hình trường: Công lập ; Tư thục

1.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ tiền thân là Trường công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng lao động xuất khẩu, được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thành lập theo Quyết định số 434/2000/QĐ-BLĐTBXH ngày 24/4/2000 với nhiệm vụ chính là đào tạo công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ và giáo dục định hướng cho người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; thực hiện hợp tác quốc tế về dạy nghề.

Ngày 10/12/2003, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ra Quyết định số 1639/QĐ-LĐTBXH đổi tên Trường thành Trường Kỹ thuật - Công nghệ. Được sự chỉ đạo thường xuyên của lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục dạy nghề (nay là Tổng cục GDNN), Trường đã hoạt động ổn định, phát triển vững chắc, hình thành môi trường sư phạm chuyên nghiệp với đội ngũ giáo viên đạt chuẩn, cơ sở vật chất khang trang, sạch đẹp.

Ngày 29/12/2006, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ký: Quyết định số 1983/QĐ-BLĐTBXH thành lập Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ trên cơ sở nâng cấp trường Kỹ thuật - Công nghệ.

Trường đã tuyển sinh và đào tạo được 23 khoá với hơn 10.000 HSSV, trong đó hệ công nhân kỹ thuật là 9 khoá, Hệ cao đẳng và trung cấp là 14 khoá.

Với những thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng, phát triển và phục vụ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã đạt được nhiều danh hiệu cao quý:

Trường có 01 giáo viên đạt Huy chương đồng tại hội thi kỹ năng nghề khu vực Đông Nam Á (MY SKILL), 04 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp Quốc gia, trong đó có 1 giải nhất, 21 giáo viên dạy giỏi cấp thành phố, trong đó có 1 giải nhất.

Trường có 09 thiết bị tự làm đạt giải quốc gia trong đó có 02 giải nhất; 14 thiết bị tự làm đạt giải cấp thành phố, trong đó có 3 giải nhất.

Trường có 04 học sinh đạt giải nhất học sinh giỏi quốc gia được cử đi dự thi quốc tế; gần 57 học sinh đạt học sinh giỏi thành phố Hà Nội trong đó có 06 giải nhất; có 311 học sinh giỏi cấp trường.

Chất lượng đào tạo nghề của Trường còn được khẳng định thông qua kết quả học tập của học sinh: hơn 98% học sinh tốt nghiệp ra trường.

Với những thành tích đã đạt được, Nhà trường đã 02 lần được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen (năm 2005 và 2009); được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng ba (năm 2007); được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng Cờ thi đua xuất sắc (năm 2004, 2005, 2009) và tặng 05 Bằng khen (năm 2012, 2013, 2014, 2017, 2019) và nhiều Giấy khen cho các cá nhân, tập thể có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Các thành tích của GV, CBCNV cũng được ghi nhận: 02 CBGV được tặng huân chương lao động hạng ba, 03 CBGV được thủ tướng thính phủ tặng bằng khen, 04 CBGV được công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, được đại diện các cá nhân điển hình tiên tiến báo cáo trước hội nghị điển hình tiên tiến, hàng chục cá nhân được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng bằng khen. Ngoài ra, tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng bằng lao động sáng tạo cho 01 giáo viên năm 2020 của trường; nhiều cá nhân được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng Kỷ niệm chương...

Đảng bộ Trường, Công đoàn trường nhiều năm liền được công nhận là đơn vị vững mạnh, xuất sắc. Đoàn Thanh niên CSHCM thường xuyên được khen tặng, công nhận là “Đoàn Trường vững mạnh, xuất sắc”.

1.2. Mục tiêu, sứ mệnh của Trường

Mục tiêu của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ phấn đấu trở thành Trường đào tạo chất lượng cao đạt thương hiệu Quốc gia và khu vực; là Trung tâm luyện thi tay nghề cho các thí sinh tham gia dự các Hội thi tay nghề quốc tế; là nơi

bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ giáo viên, cán bộ quản lý GDNN trong cả nước; tổ chức bồi dưỡng, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia và là cơ sở nghiên cứu khoa học, ứng dụng các mô hình giáo dục nghề nghiệp tiên tiến, phát triển phương tiện, thiết bị GDNN và chuyển giao công nghệ.

1.3. Chức năng, nhiệm vụ của Trường

a) Chức năng của Trường

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện đào tạo nguồn nhân lực 3 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật - công nghệ phục vụ nhu cầu đào tạo và chuyển giao công nghệ.

b) Nhiệm vụ của Trường

- Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong và ngoài nước;

- Tổ chức hoạt động dạy và học, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, cấp bằng, chứng chỉ nghề và các hoạt động khác theo quy định;

- Tổ chức nghiên cứu khoa học; nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; chuyển giao công nghệ; tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gắn với hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo nghề theo quy định của pháp luật;

- Tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí cho người học nghề;

- Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và gia đình người học trong hoạt động dạy nghề;

- Liên kết và hợp tác đào tạo trong và ngoài nước; liên kết đào tạo với các trường đại học; liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế để đào tạo tại chỗ, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo vừa làm vừa học theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức giáo dục nghề nghiệp cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của Bộ;

- Tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ;

- Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ;

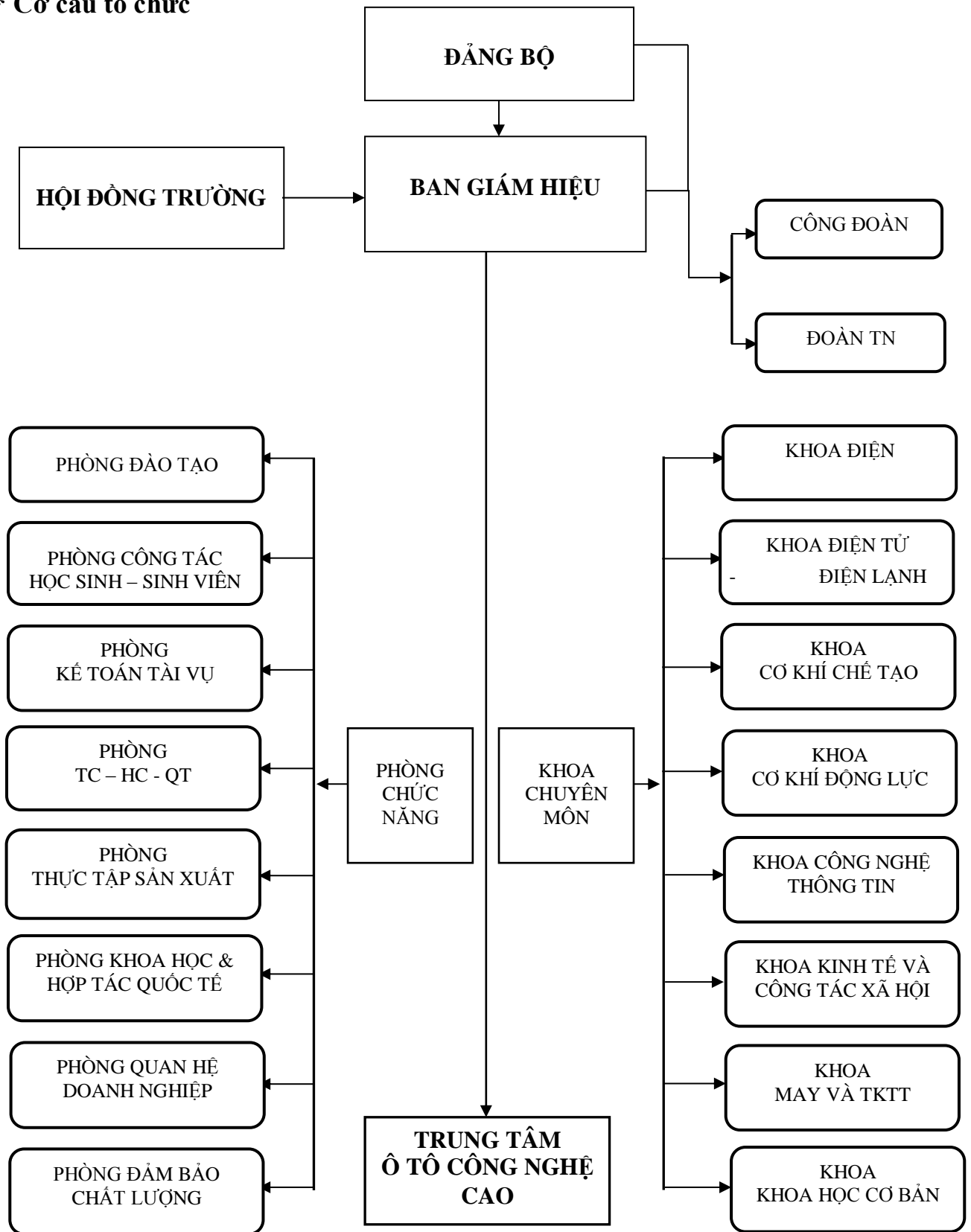
- Đánh giá kỹ năng nghề quốc gia;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo phân công của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.4. Cơ cấu tổ chức nhân sự của Trường

Hiện tại, Nhà trường có 8 phòng chức năng (Phòng Quan hệ doanh nghiệp, Phòng Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác HSSV; Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị; Phòng Kế toán - Tài vụ; Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Thực tập sản xuất và dịch vụ) phục vụ hoạt động đào tạo; Trường có 8 Khoa chuyên môn (Khoa Khoa học cơ bản; Khoa Điện tử - Điện lạnh; Khoa Cơ khí Động lực; Khoa Cơ khí chế tạo; Khoa Công nghệ thông tin; Khoa Kinh tế và công tác xã hội; Khoa Điện và Khoa May thời trang); Trường có 1 Trung tâm là Trung tâm Ô tô Công nghệ cao.

*** Cơ cấu tổ chức**



1.5. Tổng số cán bộ, giáo viên, người lao động của Trường

(tính đến 30/10/2020): 105 người (kể cả Hợp đồng lao động)

- Nam: 52
- Nữ: 53
- Biên chế: 60
- Hợp đồng: 45
- Giáo viên giảng dạy cơ hữu: 55 và 15 GV kiêm nhiệm; CBNV: 35
- Thỉnh giảng: 04 (nam 02, nữ 02).

Nội dung	Năm 2019 (31/12/2019)	Năm 2020 (31/12/2020)	Năm 2021 (31/12/2021)	Năm 2022 (31/8/2022)
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	111	105	103	102
- Tiến sĩ:	02	03	01	01
- Nghiên cứu sinh	02	01	02	02
- Thạc sĩ	34	38	39	39
- Sau ĐH	05	03	05	05
- Đại học	55	49	47	47
- Cao đẳng	02	01	01	01
- Trung cấp	01	01	01	01
- Trình độ khác	10	09	07	07
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	57	49	51	50
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	61/72	63/74	64/74	63/73
4. Số giáo viên Thỉnh giảng	8	04	03	03

1.6. Cơ sở vật chất của nhà trường

Mặt bằng tổng thể của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ được bố trí tại 2 khu với tổng diện tích đất là 99.625m², cụ thể:

- Khu làm việc: 1057 m²
- Khu học lý thuyết: 4120 m²

- Khu nhà xưởng thực hành: 7 913 m²
- Ký túc xá: 4448 m²;
- Thư viện: 850 m²

TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
I	Đất đai	m ²	99.625	
1	Đất giao năm 2004 (Khu mới)	m ²	60.630	<i>QĐ số 9593/QĐ-UB ngày 18/12/2004 của UBND TP. Hà Nội</i>
2	Đất giao năm 2008 (Khu mới)	m ²	26.195	<i>QĐ số 1218/QĐ-UBND ngày 04/4/2008 của UBND TP. Hà Nội</i>
3	Đất giao năm 1982 (Khu cũ tính theo diện tích thực tế đang sử dụng)	m ²	12.800	<i>QĐ số 4489/QĐ-UB ngày 16/11/2008 của UBND TP. Hà Nội</i>
II	Diện tích xây dựng các công trình			
	Khu A (1,3ha)		5.789	
1	Nhà học lý thuyết 1	m ²	4.120	<i>Đang sử dụng</i>
2	Nhà xưởng 4 tầng	m ²	3.736	<i>Đang sử dụng</i>
3	Nhà xưởng thực hành ô tô cơ khí	m ²	1,500	<i>Đang sử dụng</i>
4	Nhà để xe	m ²	464	<i>Đang sử dụng</i>
5	Nhà thường trực	m ²	48	<i>Đang sử dụng</i>
6	Trạm bơm	m ²	32	<i>Đang sử dụng</i>
7	Trạm điện I (1600 KW)	m ²	64	<i>Đang sử dụng</i>
8	Ký túc xá số 11A	m ²	4.448	<i>Đang sử dụng</i>
9	Nhà Đa năng	m ²	850	<i>Đang sử dụng</i>
	Khu B (8,7ha)		2.091	
10	Nhà hiệu bộ C1, C2	m ²	1.057	<i>Đang sử dụng</i>
11	Nhà học + Xưởng thực hành	m ²	2.677	<i>Đang sử dụng</i>
12	Nhà KTX	m ²	3.075	<i>Đang sử dụng</i>
13	Trạm điện	m ²	21	<i>Đang sử dụng</i>
15	Nhà thường trực	m ²	15	<i>Đang sử dụng</i>

	Cộng diện tích xây dựng	m ²	7.880	
--	--------------------------------	----------------	--------------	--

Tổng diện tích Phòng học LT+ xưởng thực hành đang sử dụng : **1.950 m²**;

Ngoài ra, trường còn Hợp đồng liên kết đào tạo hệ Trung cấp GDNN với các Trung tâm GDNN - GDTX tại Bắc Giang như: Lục Ngạn, Lục Nam, Lạng Giang, Hiệp Hòa, Tân Yên; Trung tâm GDNN - GDTX Phố Nối - Hưng Yên; Trung tâm GDNN - GDTX Đông Anh, Trung tâm GDNN - GDTX Sóc Sơn.

2. Thông tin khái quát về Khoa Điện tử - Điện lạnh

2.1. Thông tin khái quát

Tên khoa: Điện tử - Điện lạnh

Tên Tiếng Anh: Electronic refrigeration

Email: Đtdl.ktcn@gmail.com

Năm thành lập đơn vị: 2004

*** Nghề đào tạo: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Điện tử công nghiệp, Cơ điện tử.**

Khoa Điện tử - Điện lạnh được Nhà trường giao nhiệm vụ đào tạo 03 nghề . Với các hệ đào tạo: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Điện tử công nghiệp, Cơ Điện tử.

*** Chức năng, nhiệm vụ chính:**

- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục, ngoại khóa theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hàng năm của trường.
- Thực hiện việc biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề của các nghề đào tạo thuộc khoa khi được phân công; tổ chức nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.
- Tổ chức triển khai và thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật - công nghệ vào quá trình dạy nghề, sản xuất kết hợp và dịch vụ.
- Quản lý giáo viên, nhân viên và học sinh - sinh viên thuộc đơn vị.
- Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định của Hiệu trưởng; Đề xuất, xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì trang thiết bị dạy nghề thuộc khoa quản lý.
- Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên của khoa.
- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Nhà trường phân công.

*** Lịch sử phát triển đơn vị và một số thành tích nổi bật**

Khoa Điện tử - Điện lạnh được thành lập từ năm 2004 với mục tiêu là đào tạo công nhân kỹ thuật cao có trình độ về chuyên ngành Điện tử công nghiệp, Cơ điện tử, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí phục vụ cho thị trường lao động trong và ngoài nước. Cùng với sự phát triển của Nhà trường, Khoa đã không ngừng phát triển và là một trong những Khoa mạnh về đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên ngành Điện tử công nghiệp, Cơ điện tử, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí khu vực Phía Bắc.

Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đang đào tạo đã được Bộ Lao động – Thương binh và 2011, Nghề Xã hội lựa chọn đầu tư Năm Nghề trọng điểm tiếp cận trình độ Quốc tế và khu vực.

+ Thành tích của Giáo viên:

- Chất lượng đào tạo

Hàng năm tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp đều đạt trên 95% và khoảng 80 ÷ 90% số học sinh, sinh viên ra trường tìm được việc làm phù hợp với ngành nghề trong khoảng thời gian từ 9 – 12 tháng sau khi tốt nghiệp với mức lương bình quân từ 5 triệu – 7 triệu đồng/ tháng.

- **Giáo viên:** Giáo viên trong Khoa Điện tử - Điện lạnh có trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, tâm huyết với nghề và đều đạt trình độ chuẩn. 100% giảng viên/giáo viên trong khoa đạt kỹ năng nghề quốc gia bậc 3/5.

+ Hội giảng giáo viên dạy nghề Thành phố Hà Nội: giáo viên trong khoa tham gia và đạt nhất, giải nhì, giải ba,

+ Hội giảng giáo viên dạy nghề toàn quốc: 01 nhất 02 khuyến khích.

- Nghiên cứu khoa học và thiết bị tự làm:

+ Nghiên cứu khoa học: Các năm, khoa có tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học và hoàn thành 01 đề tài cấp bộ và nhiều đề tài cấp trường .

+ Hội thi thiết bị đào tạo tự làm thành phố, toàn quốc: Khoa tham gia hội thi thiết bị tự làm cấp thành phố, cấp Quốc gia và đạt giải nhất, nhì cấp thành phố, Giải nhất Quốc gia nghề Điện tử công nghiệp với thiết bị đào tạo về vi điều khiển, kỹ thuật số...

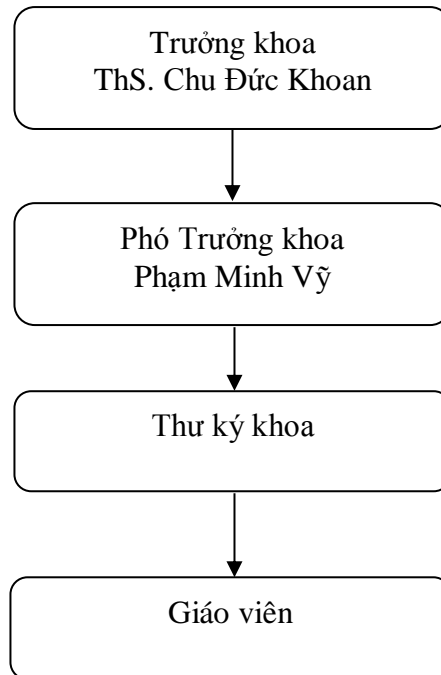
- Học sinh sinh viên :

Học sinh, sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, nghề Điện tử công nghiệp, đã đạt được một số giải thưởng trong các hội thi tay nghề:

Hội thi tay nghề cấp trường: hàng năm đều có từ 8-10 HSSV tham gia và đạt danh hiệu HSSV giỏi nghề cấp trường.

Hội thi tay nghề thành phố: 01 giải nhì; 02 giải ba; nhiều giải khuyến khích.

2.2. Cơ cấu tổ chức



2.3. Đội ngũ Giảng viên/giáo viên cơ hữu tại khoa

Đội ngũ Giảng viên/giáo viên cơ hữu tại khoa hiện nay là 08 người, trong đó:

Giáo viên dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí là 04 giáo viên.

Viên chức: 05

Người lao động: 03

Giảng viên/giáo viên thỉnh giảng: không

2.4. Các chương trình đào tạo được giao phụ trách

STT	Tên chương trình đào tạo	Ghi chú
1	Điện tử công nghiệp	
2	Cơ điện tử	
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	

2.5. Cơ sở vật chất

Khoa được Nhà trường giao quản lý và sử dụng 04 xưởng cụ thể bao gồm:

- + Xưởng thực hành Điện lạnh cơ bản
- + Xưởng thực hành Điện lạnh dân dụng và thương mại

- + Xưởng thực hành Điều hòa không khí trung tâm
- + Xưởng thực hành Máy lạnh Công nghiệp

2.6. Kinh phí đầu tư cho đào tạo

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần kinh phí. Ngoài kinh phí cấp hàng năm cho đào tạo, nhà trường còn có nguồn thu từ học phí và dịch vụ khác. Hàng năm trên cơ sở dự toán chi cho hoạt động đào tạo và nguồn ngân sách nhà nước cấp, để có các nguồn thu khác đáp ứng cho hoạt động đào tạo, nhà trường đã nghiên cứu xác định định mức chi tối thiểu cho một người học. Theo báo cáo quyết toán các năm, tổng số chi cho đào tạo như sau:

Năm 2018: 17.342.000.000 đồng

Năm 2019: 18.060.784.000 đồng

Năm 2020: 18.036.497.000 đồng

Năm 2021: 21.704.300.000 đồng

Để thực hiện chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật Máy lạnh và điều hòa không khí, ngoài nguồn thu từ ngân sách cấp, còn có nguồn thu từ học phí và dịch vụ khác bổ sung. Cụ thể: Nguồn thu phục vụ cho đào tạo nghề Máy lạnh và điều hòa không khí trong 3 năm (1.3.03 – Tổng hợp nguồn kinh phí nghề máy lạnh và điều hòa không khí):

Đvt: 1.000 đồng

Năm	Ngân sách cấp	Học phí	Dịch vụ khác bổ sung	Tổng nguồn thu nghề ML và ĐHKK	Bình quân/1HSSV
2019	415.008	583.200	113.832	1.112.040	15.445
2020	386.724	662.300	73.778	1.122.802	15.173
2021	374.850	705.000	21.750	1.101.600	14.688

Theo báo cáo quyết toán các năm, tổng số chi cho đào tạo (1.3.04- Báo cáo quyết toán tài chính năm 2018, 2019, 2020, 2021) như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Tổng số chi cho đào tạo	17.342.000	18.060.784	18.036.497	21.704.300
2	Số học sinh bình quân	1.341	1.376	1.394	1.620
3	Chi bình quân/HS/năm	12.932	13.125	12.938	13.397

Đối với riêng nghề Kỹ thuật Máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ Cao đẳng:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Năm 2019 - 2020	Năm 2020 - 2021	Năm 2021 - 2022
1	Tổng số chi cho đào tạo	997.920	1.029.340	1.078.500
2	Số học sinh bình quân	72	74	75
3	Chi bình quân/HS/năm	13.860	13.910	14.380

Như vậy:

Năm 2019 - 2020: Mức thu bình quân 1 HSSV: 15.445.000 đồng

Mức chi bình quân 1 HSSV: 13.860.000 đồng

Năm 2020 - 2021: Mức thu bình quân 1 HSSV: 15.173.000 đồng

Mức chi bình quân 1 HSSV: 13.910.000 đồng

Năm 2021 - 2022: Mức thu bình quân 1 HSSV: 14.688.000 đồng

Mức chi bình quân 1 HSSV: 13.380.000 đồng

Như vậy, qua biểu số liệu trên, Nguồn thu bình quân cho 1 HS của nghề Máy lạnh và ĐHKK, trình độ Cao đẳng của Trường luôn lớn hơn mức chi cho mỗi học sinh. Như vậy, Nhà trường có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

3. Thông tin về chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí

3.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1.1. Mục tiêu chung:

Mục tiêu chung của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí là tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, vững về kiến thức chuyên môn, có kỹ năng nghề đạt chuẩn để tham gia trực tiếp trong các cơ sở sản xuất, lắp đặt, vận hành, sửa

chữa và bảo trì – bảo dưỡng các thiết bị điều hòa không khí, hệ thống máy lạnh dân dụng, công nghiệp và thương nghiệp, đáp ứng nhu cầu yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí chú trọng đến các môn, mô đun là cơ sở ngành và chuyên ngành với 2/3 thời gian học thực hành – thực tế tại các xưởng của nhà trường và tại doanh nghiệp.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể:

a. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Hiểu và phân tích được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

+ Hiểu và phân tích được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí trung tâm, cục bộ an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

+ Hiểu và phân tích được quy trình: bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

+ Phân tích được các hư hỏng về điện, lạnh trong các hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí.

+ Phân tích được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong các hệ thống lạnh.

+ Đọc, hiểu, cập nhật, ứng dụng được các tài liệu kỹ thuật liên quan đến nghề.

+ Am hiểu các dụng cụ, máy móc chính được sử dụng trong nghề.

+ Tính toán phụ tải lạnh, chọn, thiết kế lắp đặt sơ bộ được hệ thống điện - lạnh của máy lạnh, điều hòa không khí có năng suất lạnh nhỏ.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

+ Thực hiện được quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí trung tâm, cục bộ an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

+ Thực hiện được quy trình bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

+ Kiểm tra được chất lượng hệ thống thiết bị, thiết bị, nguyên vật liệu chuyên ngành đầu vào.

+ Sửa chữa được các hư hỏng về điện, lạnh trong các các hệ thống lạnh.

+ Sửa chữa được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong hệ thống lạnh.

- + Sử dụng được các dụng cụ, máy móc chính trong nghề.
- Thái độ:
 - + Có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng tốt kỹ thuật, công nghệ vào công việc.
 - + Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

b. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng.

- Chính trị, đạo đức:

+ Nhận biết và tự hào về truyền thống dân tộc, có giác ngộ XHCN, có phẩm chất đạo đức của giai cấp công nhân, có tác phong công nghiệp.

+ Hiểu biết về đường lối, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam; Quyền và nghĩa vụ công dân; Tổ chức nhà nước, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Biết áp dụng và thực hiện trong cuộc sống và sinh hoạt ở nhà trường và xã hội; đồng thời tuyên truyền, vận động được gia đình, người thân, bạn bè cùng thực hiện.

+ Hiểu rõ vai trò, vị trí, nhiệm vụ của người kỹ thuật viên trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước; trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới, nhằm mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Rèn luyện thân thể đảm bảo sức khoẻ học tập và lao động, đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cấp 2. Thực hiện được các bài tập thể dục, các bài thể thao như điền kinh, cầu lông để rèn luyện sức khoẻ thường xuyên trong cuộc sống sau này.

+ Có kiến thức quân sự phổ thông, có khả năng chiến đấu và chỉ huy chiến đấu cấp tiểu đội, phân đội tăng cường. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự.

3.1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Người làm nghề “Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí” tốt nghiệp trình độ cao đẳng thường được bố trí làm việc ở các cơ sở, các công ty dịch vụ chuyên ngành, siêu thị; Các nhà máy bia, chế biến sữa, bảo quản thủy hải sản; các nhà máy chế tạo thiết bị máy lạnh, ĐHKK, các công ty, tập đoàn thi công lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí; ngoài làm việc độc lập còn có khả năng lãnh đạo nhóm; Có thể làm giáo viên lý thuyết và thực hành ở các trung tâm dạy nghề, làm giáo viên thực hành ở các trường cao đẳng nghề sau khi được bổ sung các kiến thức và kỹ năng về sư phạm dạy nghề.

3.2. Phương thức đào tạo

Phương thức đào tạo đang áp dụng: Đào tạo theo Niên chế, tín chỉ, Mô đun.

Sinh viên được nghe giáo viên trực tiếp giảng dạy trên lớp, được học tập và thực hành ngay trên những thiết bị hiện đại, đồng bộ, có tính ứng dụng cao trong trường.

3.3. Tóm tắt nội dung chương trình dạy nghề

Chương trình dạy nghề chi tiết của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng nghề đã được ban hành theo quyết định. Trên cơ sở chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh và ban hành các chương trình dạy nghề. Tất cả các chương trình dạy nghề của Trường trước khi ban hành đều được đánh giá, thẩm định và nghiệm thu.

Chương trình năm 2017

- Số lượng môn học, mô đun: 27
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 83 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 450 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1680 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 672 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1332 giờ
- Số tuần thực hiện 66 tuần

Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi /Kiểm tra
I	Các môn học chung	23	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	5	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	2	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4	75	58	13	4
MH 05	Tin học	3	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	7	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	19	340	166	142	32
MH ĐL 07	An toàn lao động	2	30	23	4	3

MH ĐL 08	Vật liệu điện lạnh	2	30	23	4	3
MH ĐL 09	Vẽ kỹ thuật – Vẽ điện	2	30	20	7	3
MĐ ĐL 10	Đo lường điện lạnh	1	30	6	20	4
MH ĐL 11	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và ĐHKK	4	70	45	20	5
MĐ ĐL 12	Kỹ thuật điện tử	2	30	12	15	3
MĐ ĐL 13	Điện cơ bản	2	30	7	20	3
MĐ ĐL 14	Trang bị điện	2	45	15	26	4
MĐ ĐL 15	Thực tập hàn	2	45	15	26	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	45	1340	265	1007	68
MĐ ĐL 16	Lạnh cơ bản	5	150	35	105	10
MĐ ĐL 17	Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	4	95	30	58	7
MĐ ĐL 18	Hệ thống máy lạnh công nghiệp	4	95	30	58	7
MĐ ĐL 19	Hệ thống điều hoà không khí cục bộ	4	100	30	60	10
MĐ ĐL 20	Hệ thống điều hoà không khí trung tâm	4	90	30	55	5
MĐ ĐL 21	Tính toán, thiết kế sơ bộ hệ thống máy lạnh	2	45	15	26	4
MĐ ĐL 22	Tính toán, thiết kế sơ bộ hệ thống ĐHKK	2	45	15	26	4
MĐ ĐL 23	Điều hòa không khí ô tô	2	45	15	26	4
MĐ ĐL 24	Công nghệ làm lạnh mới	2	45	15	26	4
MH ĐL 25	Tiếng anh chuyên ngành	2	30	20	7	3
MĐ ĐL 26	Thực tập nghề nghiệp	11	480	15	460	5

MĐ ĐL 27	Thực tập tốt nghiệp	3	120	15	100	5
Tổng		87	2130	651	1349	130

Chương trình năm 2020

- Số lượng môn học, mô đun: 27
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 86 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1885 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 607 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1591 giờ
- Số tuần thực hiện 84 tuần.

Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi /Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH 01	Chính trị	3	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	6	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	67	1885	450	1336	99
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	15	345	167	149	29
MH ĐL 07	Vẽ kỹ thuật – Vẽ điện	1	30	20	7	3
MH ĐL 08	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và ĐHKK	4	75	50	20	5
MH ĐL 9	Vật liệu điện lạnh	1	30	23	4	3

MH ĐL 10	An toàn lao động, điện- lạnh và vệ sinh công nghiệp	1	30	23	4	3
MĐ ĐL 11	Lắp ráp mạch điện tử cơ bản	2	30	12	15	3
MĐ ĐL 12	Lắp đặt mạch điện cơ bản	2	45	12	29	4
MĐ ĐL 13	Vận hành và sửa chữa các mạch điều khiển động cơ	2	45	12	29	4
MĐ ĐL 14	Thực tập hàn	2	60	15	41	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	52	1540	283	1187	70
MĐ ĐL 15	Đo lường điện - lạnh	2	45	12	30	3
MH ĐL 16	Tiếng anh chuyên ngành	1	30	20	7	3
MĐ ĐL 17	Thực hành cơ bản thiết bị lạnh	6	150	36	105	9
MĐ ĐL 18	Lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	5	125	30	88	7
MĐ ĐL 19	Lắp đặt, vận hành hệ thống máy lạnh công nghiệp	5	125	30	88	7
MĐ ĐL 20	Thiết kế lắp đặt hệ thống máy lạnh	2	45	15	26	4
MĐ ĐL 21	Thực hành Điện tử chuyên ngành	2	45	15	26	4
MĐ ĐL 22	Lắp đặt, sửa chữa hệ thống điều hoà không khí cục bộ	6	150	36	105	9

MĐ ĐL 23	Lắp đặt, vận hành hệ thống điều hoà không khí trung tâm	4	90	29	55	6
MĐ ĐL 24	Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống ĐHKK	2	45	15	26	4
MĐ ĐL 25	Bảo dưỡng sửa chữa điều hoà không khí ô tô	2	45	15	26	4
MĐ ĐL 26	Thực tập nghề nghiệp	12	555	15	535	5
MĐ ĐL 27	Thực tập tốt nghiệp	3	90	15	70	5
Tổng		86	2320	607	1591	122

3.4. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh hệ cao đẳng, tỷ lệ tốt nghiệp

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Tỷ lệ HSSV tốt nghiệp (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế		
1	Khóa 11 (2017-2019)	30	15 CD	15 CD (100)	
2	Khóa 12 (2018-2020)	30	14 CD 3 LT	14CD (100) 01LT (33)	
3	Khóa 13 (2019-2021)	30	15 CD 8LT	15CD (100) 7LT (87,5)	

3.4. Đội ngũ giáo viên

Tổng số: 04, trong đó:

+ Nam: 04 - Nữ: 0

+ Cơ hữu: 04 - Thỉnh giảng: 0

<i>Giáo viên cơ hữu</i>			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	0	0	0
Thạc sĩ	03	0	3
Đại học	01	0	1
Tổng số	04	0	04

+ Danh sách cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy tất cả các môn học, mô đun chương trình dạy nghề của khoa:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1	Chu Đức Khoan	1977	Th.S.	Trưởng khoa
2	Phạm Minh Vỹ	1977	Th.S	Phó Khoa
3	Trần Ích Bảo	1994	Th.s	Giáo viên
4	Nguyễn Văn Tùng	1997	Kỹ sư	Giáo Viên

3.5. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo.

STT	Tên phòng học/thực hành	Chức năng
1	Phòng Kỹ thuật cơ sở	Giảng dạy các môn học/ mô đun cơ sở
2	Phòng Thực hành máy tính	Giảng dạy môn Tin học
3	Phòng ngoại ngữ	Giảng dạy môn Ngoại ngữ (Anh văn)
4	Xưởng thực hành cơ khí	Giảng dạy mô đun Thực tập hàn
5	Xưởng thực hành Điện – Điện tử	Giảng dạy mô đun Lắp ráp mạch điện tử cơ bản, Lắp đặt mạch điện cơ bản
6	+ Xưởng thực hành Điện lạnh cơ bản	Giảng dạy chuyên môn nghề KTML&ĐHKK
7	+ Xưởng thực hành Điện lạnh dân dụng và thương mại	Giảng dạy chuyên môn nghề KTML&ĐHKK
8	+ Xưởng thực hành Điều hòa không khí trung tâm	Giảng dạy chuyên môn nghề KTML&ĐHKK
9	+ Xưởng thực hành Máy lạnh Công nghiệp	Giảng dạy chuyên môn nghề KTML&ĐHKK

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 V/v qui định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 V/v qui định hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ quyết định số 1836/QĐ-BLĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2017 V/v phê duyệt ngành nghề trọng điểm, trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2019;

Căn cứ công văn số **1318**/TCGDNN-KĐCL ngày 16 tháng 06 năm 2020 V/v thực hiện qui định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020;

- Căn cứ vào kế hoạch Số 01 /KH-ĐTĐL ngày 30/9/2021 về việc tự đánh giá của trường năm 2021.

- Căn cứ vào quyết định Số 113/QĐ-CĐNKTCN ngày 06/5/2022 về việc thành lập hội đồng tự đánh giá nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

1.2. Mục đích tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các đơn vị, cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sinh viên trong khoa về tầm quan trọng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, chương trình đào tạo theo bộ các tiêu chí, tiêu chuẩn qui định.
- Đánh giá được chất lượng cơ sở GDNN, chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí là nghề trọng điểm khu vực theo bộ các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
- Xác định được đúng các điểm mạnh, các tồn tại cần phải tiếp tục khắc phục trong thời gian tới nhằm hướng đến hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN của Trường vào năm tiếp theo.
- Công bố, công khai thực trạng đào tạo của nhà trường với người học nghề, nhằm khẳng định thương hiệu, vị thế của nhà trường trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

1.3. Yêu cầu tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo.
- Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (CLCSGDNN), chất lượng chương trình đào tạo (CLCTĐT) hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.
- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.
- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.
- Đảm bảo đúng qui trình, thời gian qui định.

1.4. Phương pháp tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Nghiên cứu Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo do Tổng cục dạy nghề ban hành, hướng dẫn đánh giá các chỉ số kèm theo.

Thu thập thông tin, rà soát, phân tích chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đưa ra chứng cứ để chứng minh.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

Xây dựng báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Thực hiện công tác chuẩn bị tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. (Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; Tập huấn về công tác thẩm định chất lượng chương trình đào tạo; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá)
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của phòng đào tạo và các Khoa chuyên môn.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở dạy nghề của Hội đồng kiểm định chất lượng.
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong Trường và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo:

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		
	Tổng điểm	100	94
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
	chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.		
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	12
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	0
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
	ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Giáo trình được rà soát, điều chỉnh, bổ sung		
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	0

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/ người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy	2	2
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ

TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí là nghề truyền thống, thế mạnh của trường trong nhiều năm, vì vậy luôn được nhiều sinh viên lựa chọn theo học. Có được kết quả đó là do:

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí luôn gắn với nhu cầu của thị trường lao động. Mặt khác, trường luôn rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo trên cơ sở khảo sát nhu cầu sử dụng lao động từ các doanh nghiệp lĩnh vực nhiệt lạnh.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được nhà trường giao, khoa Điện tử điện lạnh đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ hàng năm có sáng tạo, linh hoạt, khắc phục những bất cập, khó khăn; phối hợp có hiệu quả với các đơn vị trong trường để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đặc biệt là nhiệm vụ đào tạo nghề cho học sinh sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

Trường đã xây dựng cụ thể định mức chi phí đào tạo cho từng nghề cụ thể trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. Đảm bảo đủ nguồn thu hợp pháp hàng năm để thực hiện nhiệm vụ đào tạo.

**** Những điểm mạnh:***

Trường có xây dựng định mức chi phí đào tạo cho người học; có đủ nguồn thu hợp pháp để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

**** Những tồn tại: Không có***

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Từ 2022 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình phù hợp với thực tế phát triển của xã hội và địa phương, của ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo trong các năm học tiếp theo.

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa Điện tử điện lạnh tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động nghiên cứu khoa học, thiết kế, chế tạo các mô hình thiết bị đào tạo phục vụ công tác giảng dạy thực hành;

Tiếp tục phối hợp với các phòng chức năng xác định định mức chi tối thiểu cho một người học học chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo trong các năm học tiếp theo.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	06
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động,

Mục tiêu tổng quát của trường được quy định rõ trong đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 như sau: “Phát triển Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ thành trường nghề chất lượng cao, đạt trình độ đào tạo nghề khu vực ASEAN và thế giới; cung cấp nguồn lao động kỹ thuật có chất lượng cao, góp phần đáp ứng yêu cầu cho phát triển thị trường lao động trong và ngoài nước” (1.1.01 - Đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo QĐ Số 1488/QĐ-BLĐTBXH ngày 15/10/2015).

Chức năng và nhiệm vụ của Trường được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu và sứ mạng đã đề ra. Tại Quy chế Tổ chức và hoạt động trường nêu rõ về chức năng của Nhà trường: “Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện đào tạo nhân lực trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật - công nghệ phục vụ yêu cầu đào tạo”; nhiệm vụ của Nhà trường là các nhiệm vụ theo quy định Điều 23 của Luật GDNN : “ a. Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên theo quy định;...Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật” (1.1.02 - Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ (Quyết định ban hành số 27 B QĐCĐN KTCN ngày 30/1/2018).

Căn cứ giấy phép đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp, nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí của trường được phép tổ chức đào tạo nghề liên thông cả 3 cấp trình độ theo quy định của luật Giáo dục nghề nghiệp: Sơ cấp – Trung cấp – Cao đẳng. Mục tiêu đào tạo được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo. Cụ thể mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí: “ Chương trình đào tạo “Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí” nhằm đào tạo nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực nhiệt lạnh. Đào tạo trình độ cao đẳng ngành Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp; được trang bị kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành về Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; có khả năng tự đào tạo nâng cao trình độ cho mình” . Mục tiêu cụ thể quy định kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng (1.1.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 15/2017/GCNDKHHĐ-TCDN; 1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, chương trình chi tiết kèm theo).

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí là một trong những nghề luôn có nhu cầu cao về nguồn nhân lực từ thị trường lao động trong các lĩnh vực nhiệt lạnh do sự gia tăng nhanh chóng về công nghệ trên thị trường, đặc biệt nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề cao do yêu cầu về chất lượng bảo dưỡng và sửa chữa. Số liệu khảo sát một số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí như sau: Năm 2020 trường thực hiện khảo sát 10 doanh nghiệp, 10/10 đơn vị được khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng; Năm 2021 trường thực hiện khảo sát 10 doanh nghiệp, 10/10 đơn vị được khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng; Năm 2022 trường thực hiện khảo sát 10 doanh nghiệp, 10/10 đơn vị được khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng. (1.1.05 - Báo cáo kết quả khảo sát; các phiếu khảo sát)

Từ những phân tích trên, trường đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của Trường và nhu cầu thị trường lao động.

Mục tiêu của CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí nói riêng và các ngành đào tạo của nhà trường được công bố trên website của Nhà trường (1.1.07 - <http://www.httc.edu.vn>) và được thông qua công tác tuyên truyền tuyển sinh hàng năm (1.1.08 – Các tài liệu tuyên truyền tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021).

Nội dung rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ chương trình đào tạo:

Năm 2017, căn cứ hướng dẫn tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, nhà trường đã tổ chức triển khai xây dựng các chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. Chương trình đào tạo

được xây dựng trên cơ sở kế thừa bộ chương trình đang sử dụng. Quá trình xây dựng, trường đã thực hiện xác định mục tiêu của chương trình đào tạo; sắp xếp lại nội dung, thời lượng, thứ tự thực hiện các môn học, mô đun... (1.1.04- *Quyết định ban hành chương trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, năm 2017 có chương trình chi tiết kèm theo*).

Trong quá trình thực hiện từ năm học 2017 – 2018, khoa Điện tử điện lạnh đã giao nhiệm vụ cho các giáo viên giảng dạy đề xuất các vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh trong chương trình đào tạo. Căn cứ thông tư 21/2018/TT-BLĐTBXH về tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao, năm 2020, nhà trường đã triển khai tổng rà soát toàn bộ các chương trình đào tạo sau 3 năm thực hiện đào tạo theo bộ chương trình mới trình độ trung cấp, cao đẳng. Khoa đã thực hiện rà soát, điều chỉnh mục tiêu, thời gian đào tạo, cập nhật một số nội dung chuyên môn trong một số môn học, mô đun phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và cập nhật công nghệ mới trong lĩnh vực nhiệt lạnh theo các tiêu chí quy định tại thông tư 21/2018/TT-BLĐTBXH (1.1.09 – *Bộ chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí điều chỉnh năm 2020, kèm theo hồ sơ thực hiện quá trình rà soát, điều chỉnh*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị được quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ, Nhà trường có văn bản giao nhiệm vụ cho khoa Điện tử điện lạnh và các đơn vị có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí là các phòng chức năng phối hợp và một số khoa chuyên môn như: Khoa Cơ khí chế tạo, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Điện... (1.1.02 – *Quy chế tổ chức và hoạt động của trường*).

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Khoa Điện tử điện lạnh và các Khoa, các đơn vị liên quan, Phòng Đào tạo đã phối hợp với Khoa Điện tử điện lạnh xây dựng tiến độ, khối lượng của các khóa học, của từng hệ đào tạo theo từng học kỳ, từng năm học, đã phân chia, giao nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo các khóa, các hệ của

ngành Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí cho các khoa, các đơn vị liên quan theo đúng chức năng, nhiệm vụ (1.2.01 – Quyết định số 33A/QĐ-CDNKTCN ngày 01/02/2018 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Trung tâm thuộc Trường CDN KTCN).

Các nhiệm vụ cơ bản mà khoa Điện tử điện lạnh được nhà trường giao, thực hiện và đã hoàn thành như sau:

Năm học 2018 - 2019:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo đối với khóa X, XI, XII đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ, nội dung chương trình, quản lý giáo viên và chất lượng đào tạo của khoa dần đi vào ổn định và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện;
- 100% nhà giáo cơ hữu dạy đủ và vượt giờ.
- Tham gia thi tay nghề thành phố đạt giải
- Tham gia thi thiết bị đào tạo tự làm Thành phố Hà Nội

Kết quả xếp loại thi đua của đơn vị: Tập thể LĐXS

Năm học 2019 - 2020:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo đối với khóa XI, XII, XIII đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ, nội dung chương trình, quản lý giáo viên và chất lượng đào tạo của khoa dần đi vào ổn định và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện;
- 100% nhà giáo cơ hữu dạy đủ và vượt giờ.
- Tham gia thi thiết bị đào tạo tự làm Toàn quốc

Kết quả xếp loại thi đua của đơn vị: Tập thể LĐXS

Năm học 2020 - 2021:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo đối với khóa XII, XIII, XIV đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ, nội dung chương trình, quản lý giáo viên và chất lượng đào tạo của khoa dần đi vào ổn định và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện;
- 100% nhà giáo cơ hữu dạy đủ và vượt giờ.

(1.2.02 - Báo cáo tổng kết các năm học từ 2018-2019 đến 2021- 2022 của khoa;

1.2.03 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2019, 2020,2021,2022 của Nhà trường;

1.2.04- các quyết định xếp loại thi đua của đơn vị năm, 2019, 2020,2021; 1.2.05 – các quyết định khen thưởng tập thể và cá nhân năm 2019, 2020,2021).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học.

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần kinh phí. Ngoài kinh phí cấp hàng năm cho đào tạo, nhà trường còn có nguồn thu từ học phí và dịch vụ khác. Hàng năm trên cơ sở dự toán chi cho hoạt động đào tạo và nguồn ngân sách nhà nước cấp, để có các nguồn thu khác đáp ứng cho hoạt động đào tạo, nhà trường đã nghiên cứu xác định định mức chi tối thiểu cho một người học (1.3.01 - Quyết định mức chi tối thiểu đối với các nghề đào tạo của trường). Từ đó có cơ sở xây dựng mức thu cho phù hợp (1.3.02 – Quyết định số 389/QĐ-CDNKTCN ngày 29/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ về quy định mức thu học phí từ năm học 2018-2019 đến 2020-2021). Quyết định này quy định mức thu học phí các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022. Năm 2021, nhà trường ra quyết định mức thu học phí năm học 2021-2022 cho phù hợp với quy định mới của nhà nước (Quyết định mức thu học phí năm học 2021-2022). Mức thu được xây dựng trên cơ sở xác định chi phí đào tạo bình quân cho 1 học sinh (chi phí Giáo viên, chi phí vật tư, tiêu hao điện năng và các chi phí khác) sau khi trừ đi chi phí bình quân 1 học sinh từ nguồn ngân sách cấp và dịch vụ khác.

Để thực hiện chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật Máy lạnh và điều hòa không khí, ngoài nguồn thu từ ngân sách cấp, còn có nguồn thu từ học phí và dịch vụ khác bổ sung. Cụ thể: Nguồn thu phục vụ cho đào tạo nghề Máy lạnh và điều hòa không khí trong 3 năm (1.3.03 – Tổng hợp nguồn kinh phí nghề máy lạnh và điều hòa không khí):

Đvt: 1.000 đồng

Năm	Ngân sách cấp	Học phí	Dịch vụ khác bổ sung	Tổng nguồn thu nghề ML và ĐHKK	Bình quân/1HSSV
2019	415.008	583.200	113.832	1.112.040	15.445
2020	386.724	662.300	73.778	1.122.802	15.173
2021	374.850	705.000	21.750	1.101.600	14.688

Theo báo cáo quyết toán các năm, tổng số chi cho đào tạo (1.3.04- Báo cáo quyết toán tài chính năm 2019, 2020, 2021) như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Tổng số chi cho đào tạo	18.060.784	18.036.497	21.704.300
2	Số học sinh bình quân	1.376	1.394	1.620
3	Chi bình quân/HS/năm	13.125	12.938	13.397

Đối với riêng nghề Kỹ thuật Máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ Cao đẳng:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Năm 2019 - 2020	Năm 2020 - 2021	Năm 2021 - 2022
1	Tổng số chi cho đào tạo	997.920	1.029.340	1.078.500
2	Số học sinh bình quân	72	74	75
3	Chi bình quân/HS/năm	13.860	13.910	13.380

Như vậy:

Năm 2019 - 2020: Mức thu bình quân 1 HSSV: 15.445.000 đồng

Mức chi bình quân 1 HSSV: 13.860.000 đồng

Năm 2020 - 2021: Mức thu bình quân 1 HSSV: 15.173.000 đồng

Mức chi bình quân 1 HSSV: 13.910.000 đồng

Năm 2021 - 2022: Mức thu bình quân 1 HSSV: 14.688.000 đồng

Mức chi bình quân 1 HSSV: 13.380.000 đồng

Như vậy, qua biểu số liệu trên, Nguồn thu bình quân cho 1 HS của nghề Máy lạnh và ĐHKK, trình độ Cao đẳng của Trường luôn lớn hơn mức chi cho mỗi học sinh. Như vậy, Nhà trường có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

(1.3.01 - Quyết định số 389/QĐ-CDNKTCN ngày 29/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ về qui định mức thu học phí từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021; 1.3.03 – Báo cáo tài chính các năm 2018, 2019, 2020, 2021).

Kết luận: Nhà trường đã có nghiên cứu để xác định mức chi tối thiểu cho một người học làm cơ sở xác định mức thu, để đảm bảo nguồn kinh phí để đảm bảo được chất lượng của chương trình đào tạo. Để thực hiện chương trình đào tạo, ngoài nguồn thu từ nguồn ngân sách hàng năm, nhà trường còn có nguồn thu từ học phí của người học và có các hoạt động dịch vụ để tạo nguồn thu bổ sung cho hoạt động đào tạo.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 02 điểm.

TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đào tạo để khẳng định thương hiệu của nhà trường với người học và Xã hội. Vì vậy hoạt động đào tạo luôn được nhà trường quan tâm, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Quá trình thực hiện, thường xuyên kiểm tra, giám sát để kịp thời khắc phục những khuyết điểm, tồn tại. Trường khái quát những điểm chính trong tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí như sau:

Thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy định tại thông tư 07/2019/TT-BLĐTBXH và thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH; số học sinh đăng ký vào học nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trong các năm 2018 – 2021 so với chỉ tiêu đăng ký trong giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp chưa được cao.

Tổ chức quá trình đào tạo; thi, kiểm tra; cấp phát văn bằng chứng chỉ của trường cũng như nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đều được tuân theo quy định tại các thông tư: Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 quy định việc tổ chức thực hiện CTĐT trình độ TC, CĐ theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về danh mục hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ TC, trình độ CĐ; Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

Các nhà giáo của khoa Điện tử - Điện lạnh thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả

năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; Nhiều môn học, mô đun chuyên môn nghề có sử dụng các phần mềm, thiết bị đa phương tiện trong hoạt động dạy và học. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của trường.

Khoa thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; Hàng năm 100% học sinh sinh viên trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực nhiệt lạnh.

** Những điểm mạnh:*

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí có 100% mô đun chuyên môn có sử dụng phần mềm dạy học.

100% sinh viên trước khi tốt nghiệp đều được thực tập tại đơn vị sử dụng lao động.

** Những tồn tại:*

Số sinh viên hệ cao đẳng tuyển hàng năm của trường còn thấp, chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường căn cứ vào nhu cầu người học, điều kiện thực tế của nhà trường để điều chỉnh quy mô tuyển sinh cho phù hợp; Mở rộng đối tượng tuyển sinh; tăng số lượng đào tạo sơ cấp để đáp ứng nhu cầu của người học; Đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo bên cạnh tổ chức đào tạo theo niên chế, nhà trường giao phòng chức năng tham mưu xây dựng quy chế tuyển sinh, quy chế tổ chức đào tạo để tổ chức theo phương thức tín chỉ hoặc tích lũy mô đun.

Khoa Điện tử - Điện lạnh tích cực triển khai công tác đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Đồng thời, đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc dạy học và quản lý, sử dụng hiệu quả; Triệt để áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

Nhà trường và Khoa tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tổ chức đào tạo và nghiệp vụ quản lý đào tạo.

Tích cực mở rộng quan hệ doanh nghiệp, gắn kết đào tạo với nội dung, công việc của doanh nghiệp để nhà giáo và người học có điều kiện tiếp cận với công việc thực tế tại doanh và các công nghệ mới.

Điểm đánh giá tiêu chí 2.

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	12
Tiêu chuẩn 1	0
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào các thông tư 07/2019/TT– BLĐTBXH; 05/2021/TT – BLĐTBXH để phù hợp với tình hình thực tế tuyển sinh của Trường, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ đã ban hành Quy chế tuyển sinh hàng năm, trong đó quy định rõ đối tượng tuyển sinh, hình thức xét tuyển, các quy định cụ thể trong công tác tuyển sinh, thủ tục và hồ sơ đăng ký học nghề, đảm bảo tuân thủ đúng quy chế của Bộ LĐTBXH, phù hợp với khu vực tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh cũng như các đặc điểm riêng của Trường để áp dụng cho toàn trường, trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí (2.1.01 - Quy chế tuyển sinh của nhà trường năm 2019, 2020, 2021,2022).

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh (1.1.05 – Kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021,2022), thành lập hội đồng Tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh gồm ban thư ký, ban tư vấn tuyên truyền tuyển sinh. Hội đồng Tuyển sinh họp phân công nhiệm vụ cho các ban giúp việc và thực hiện Tuyển sinh trong năm học (2.1.02 – Quyết thành lập hội đồng Tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021,2022). Căn cứ vào báo cáo kết quả tuyển sinh (1.1.06 – Báo cáo kết quả tuyển sinh), hồ sơ trúng tuyển và hồ sơ nhập học, nhà trường lập danh sách nhập học và ban hành quyết định phân lớp (2.1.03 – Biên bản họp hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021,2022; 2.1.04

Quyết định công nhận trúng tuyển năm hệ trung cấp 2019, 2020, 2021,2022; 2.1.05 Quyết định công nhận trúng tuyển năm hệ cao đẳng 2019, 2020, 2021,2022).

Mọi thông tin về công tác tuyển sinh được đăng tải trên trang Web của Trường, trên đài truyền thanh của huyện (1.1.05 – Kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021,2022; 2.1.06 – Hồ sơ tuyển sinh các năm 2019, 2020, 2021,2022).

Tổng hợp chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm nhà trường phân bổ cho nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí theo giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và kết quả tuyển sinh, cụ thể như sau:

Năm học	2018-2019		2019-2020		2020-2021		2021-2022	
Chỉ tiêu	60		60		60		60	
	CĐ12	CĐ LT 12	CĐ 13	CĐ LT 13	CĐ 14	CĐ LT 15	CĐ 15	CĐ LT 16
Kết quả	18	3	23	8	9	24	14	
Tỷ lệ%	35%		51,7%		55%		23,33%	

(2.1.07 – Quyết định biên chế các lớp, danh sách học sinh các lớp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí).

Đối chiếu các số liệu trên với hướng dẫn tại công văn 454/ CV- TCGDNN về chỉ tiêu tuyển sinh, thì trường chưa đảm bảo kết quả tuyển sinh đạt 80% trong 3 năm liên tục.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Nhà trường tự đánh giá không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 0 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào quyết định phân lớp, phân nghề Hiệu trưởng đã phê duyệt, phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch và tiến độ đào tạo. Việc triển khai tổ chức đào tạo theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 quy định việc tổ chức thực hiện CTĐT trình độ TC, CĐ theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ

Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về danh mục hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ TC, trình độ CĐ.

Căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo xây dựng đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, khoa Điện tử - Điện lạnh lập kế hoạch phân công giảng dạy cho các giáo viên trong khoa theo thời khoá biểu của phòng Đào tạo theo từng học kỳ, từng môn học/mô đun theo các giờ học lý thuyết, thực hành và tích hợp với thời gian, thời lượng giảng dạy; địa điểm giảng dạy phù hợp với MH/MĐ (2.2.01 - *Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*). Cụ thể: các môn học lý thuyết bố trí học tại các phòng học lý thuyết có trang bị đầy đủ các điều kiện ánh sáng, quạt mát, màn hình/máy chiếu, có lắp Camera theo dõi việc thực hiện giảng dạy. Đối với mô đun tổ chức đào tạo tại các phòng thực hành chuyên môn nghề, có đầy đủ các điều kiện trang thiết bị, vật tư vật liệu thực hành theo yêu cầu quy định trong từng mô đun, từng bài tích hợp, thực hành. Mỗi nhà giáo đều được phân công giảng dạy MH/MĐ trước thời gian giảng dạy tiến hành chuẩn bị: hồ sơ giảng dạy (*Căn cứ vào hướng dẫn tại thông tư số 23/2018/TT- BLĐT BXH ngày 06/12/2018 quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng*);

(2.2.02 - *Kế hoạch giáo viên năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; 2.2.03 - *Thời khóa biểu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; 2.2.04. *Lịch giảng dạy của giáo viên năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; 2.2.05. – *Quyết định giáo viên chủ nhiệm năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022* ; 2.2.06 - *Hồ sơ giảng dạy của Nhà giáo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

Số lượng các lớp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trong các năm học như sau:

Năm 2019-2020: Tổ chức đào tạo các lớp (CĐ KTML&ĐHKK 13, CĐ Liên thông KTML&ĐHKK 13)

Năm 2020-2021: Tổ chức đào tạo các lớp (CĐ KTML&ĐHKK 14, CĐ Liên thông KTML&ĐHKK 15)

Năm 2021-2022: Tổ chức đào tạo lớp (CĐ KTML&ĐHKK 15)

Khoa kết hợp với phòng đào tạo thực hiện thanh, kiểm tra công tác đào tạo, thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà giáo và người học (2.2.07- *Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; 2.2.08 – *Phiếu kiểm tra về công tác đào tạo năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

Hàng năm theo kế hoạch của trường, khoa đều tổ chức lấy ý kiến của nhà giáo và người học nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí về việc thực hiện các hoạt động dạy và học thông qua các cuộc họp của đơn vị và phiếu khảo sát đối với người học (2.2.09 – Các biên bản họp của đơn vị năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.10 - các phiếu khảo sát năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Điện tử - Điện lạnh đã thực hiện đúng thời lượng, thời gian, phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn.

Theo quy định tại thông tư 03/2017/TTBLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ lao động thương binh xã hội, chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí được thiết kế đảm bảo tỷ lệ lý thuyết và thực hành: Chương trình trung cấp có số lượng 61 tín chỉ, tỷ lệ thời gian phân bổ giữa lý thuyết/ thực hành là xấp xỉ 30/70; chương trình cao đẳng có số lượng 86 tín chỉ, tỷ lệ phân bổ thời gian lý thuyết/thực hành là xấp xỉ 30/70; mặt khác các nội dung chuyên môn trong chương trình đào tạo đều được thiết kế theo các mô đun tích hợp giữa nội dung kiến thức lý thuyết và kỹ năng nghề nghiệp, do đó tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích hợp. (1.1.04- Quyết định số 344/QĐ-CĐNKTCN ngày 28/11/2017 về ban hành chương trình Giáo dục nghề nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí – trình độ cao đẳng, chương trình chi tiết kèm theo và Quyết định số 215/QĐ-CĐNKTCN ngày 07/10/2020 về ban hành chương trình Giáo dục nghề nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí – trình độ cao đẳng, chương trình chi tiết kèm theo).

Để phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm của người học, trong quá trình giảng dạy nhà giáo của khoa đã áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực hướng tới người học: phương pháp nêu vấn đề; phương pháp thảo luận nhóm; giao bài tập áp dụng để trang bị kiến thức chuyên môn đồng thời kết hợp rèn luyện năng lực thực hành thông qua thao tác làm mẫu. Đồng thời phát huy tối đa hiệu quả sử dụng của trang thiết bị dạy học như: máy chiếu, mô hình học cụ, phần mềm dạy học. Nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí là nghề trọng điểm Khu vực vì vậy các thiết bị đào tạo được đầu tư tương đối đủ và đồng bộ, người học thực hành trên các thiết bị thật; Sắp xếp, bố trí phòng học theo hướng dạy tích hợp, tích hợp giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành tại phòng học. Các bài tập thực hành đều chia nhóm để người học luyện tập. Các cá nhân trong nhóm độc lập với nhiệm vụ được giao, đồng thời có sự liên kết nhóm để hoàn thiện bài tập (2.2.06 - Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Nhà trường, Khoa, cũng thường xuyên tổ chức thực hiện việc dự giờ chuyên môn, hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường theo quy định. Có biên bản nhận xét đánh giá giờ dự thể hiện rõ giáo viên thực hiện nhiều phương pháp dạy học phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm của người học (2.3.01 – Biên bản dự giờ nhà giáo khoa Điện tử - Điện lạnh).

Quá trình thực tập tại doanh nghiệp, nhà trường cũng triệt để áp dụng phương pháp thực tập nhóm để người học rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức các công việc theo nhóm sản xuất, giúp người học rèn luyện đầy đủ các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và kỹ năng quản lý, qua đó phát huy tính độc lập, sáng tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn của người học (2.3.02 - Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của người học).

Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học, Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo Edunam để quản lý trong công tác đào tạo. Phần mềm được ứng dụng trong các hệ Đại học, Cao đẳng, Trung cấp. Các chức năng chính như trong công tác tuyển sinh, xét tuyển, phân lớp, quản lý học sinh – sinh viên, quản lý chương trình đào tạo, quản lý thời khóa biểu, tiến độ giảng dạy, quản lý điểm, bằng cấp ...

Nhà giáo của khoa chú trọng việc ứng dụng công nghệ và ứng dụng các phần mềm hỗ trợ soạn giáo án, bài giảng, giáo trình, bài giảng điện tử; dựng video clip

thực hành. Nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trên 50% các MH/MĐ chuyên môn sử dụng thiết bị, phần mềm ứng dụng, phần mềm mô phỏng (2.3.03. Danh sách MH/MĐ sử dụng phần mềm mô phỏng, các phần mềm dạy học và phần mềm quản lý đào tạo Eduman 7.0.0.11)

Trình độ	Năm học	Tổng số MH/MĐ chuyên môn trong Chương trình đào tạo	Số MH, MĐ chuyên môn sử dụng phần mềm ứng dụng	Tỉ lệ %
Cao đẳng	2019 – 2020	20	11	55%
	2020 – 2021	20	11	55%
	2021 – 2022	20	11	55%
Trung cấp	2019 – 2020	13	8	61,5%
	2020 – 2021	13	8	61,5%
	2021 – 2022	13	8	61,5%

Toàn bộ chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đều được cập nhật lên thư viện điện tử của trường.

Nhà trường đã thực hiện việc lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học”. Kết quả:

TT	Đối tượng	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	CBQL, Giáo viên	2019	Số phiếu: 34	0	0	1	1	32
			Tỷ lệ %			2,9%	2,9%	94,2%
		2020	Số phiếu: 33	0	0	2	2	29
			Tỷ lệ %			6,1%	6,1%	87,8
		2021	Số phiếu: 33	0	0	2	2	29
			Tỷ lệ %			6,1%	6,1%	87,8
2	HSSV	2019	Số phiếu: 36	0	0	0	3	34
			Tỷ lệ %				9,38%	94,44%
		2020	Số phiếu: 32	0	0	0	3	29
			Tỷ lệ %				9,38%	90,62%

		2021	Số phiếu: 24	0	0	0	2	22
			Tỷ lệ %				8,33%	91,67%

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, trình độ trung cấp người học có 400 giờ thực tập tại doanh nghiệp (chương trình trung cấp), trình độ cao đẳng có 645 giờ thực tập doanh nghiệp (chương trình cao đẳng). Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo; căn cứ vào các biên bản, hợp đồng đã có với doanh nghiệp, phòng Quan hệ doanh nghiệp, phòng Đào tạo, khoa Điện tử điện lạnh phối hợp xây dựng kế hoạch thực hành, thực tập cho sinh viên. Sau khi có kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp, Hiệu trưởng nhà trường sẽ ra quyết định cử học sinh đi thực tập tại doanh nghiệp (có danh sách kèm theo). Kèm theo quyết định cử học sinh, sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp là quyết định cử giáo viên đi hướng dẫn học sinh, sinh viên tại doanh nghiệp. Căn cứ nội dung chương trình đào tạo, giáo viên xây dựng đề cương thực hành, thực tập doanh nghiệp, hướng dẫn học sinh sinh viên. Đối với học sinh hệ trung cấp thời gian thực tập được bố trí sau khi kết thúc học các môn học, mô đun chuyên môn nghề, trước khi thi tốt nghiệp. Đối với sinh viên hệ cao đẳng, thời gian thực tập được bố trí hai đợt: Đợt 1 bố trí cùng thời gian với kế hoạch thực tập của học sinh hệ trung cấp (vào năm thứ hai của chương trình cao đẳng); đợt 2 sau khi đã hoàn thành toàn bộ nội dung học tập, trước khi tốt nghiệp (năm cuối) (1.1.04- Quyết định số 344/QĐ-CĐNKTCN ngày 28/11/2017 về ban hành chương trình Giáo dục nghề nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí – trình độ cao đẳng, chương trình chi tiết kèm theo và Quyết định số 215/QĐ-CĐNKTCN ngày 07/10/2020 về ban hành chương trình Giáo dục nghề nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí – trình độ cao đẳng, chương trình chi tiết kèm theo; 2.4.01 – Chương trình MĐ TTNN, MĐ TTTN - Nằm trong CT đào tạo)

Trong các năm học 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022 khoa Điện tử - Điện lạnh đã liên kết với các doanh nghiệp để các sinh viên của khoa đến thực tập, đạt 100%

(2.4.02- Kế hoạch thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp; 2.4.03 - Quyết định thực tập và danh sách các lớp kèm theo)

Kết thúc các đợt thực tập học sinh sinh viên làm báo cáo quá trình thực tập có nhận xét của quản lý phân xưởng các công ty về nhà trường làm cơ sở đánh giá điểm cho học sinh sinh viên (2.4.04 – Nhật ký thực tập của HSSV; 2.4.05 - Báo cáo kết quả thực tập của học sinh sinh viên; 2.4.06 -Bảng điểm thực tập của HSSV).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện.

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Căn cứ vào quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập trường ban hành; sau khi kết thúc từng môn học mô đun và sau khi kết thúc khóa học, theo kế hoạch đào tạo của trường, khoa Điện tử điện lạnh đã tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập theo quy định.

Thi kết thúc môn học, mô đun.

Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện, số giờ được quy định cụ thể trong chương trình môn học, mô đun và được quy định trong Quy chế đào tạo theo niên chế Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ ban hành kèm theo QĐ số 272/ QĐ – CĐNKTCN ngày 20/9/2017 (2.5.01. Quy chế đào tạo theo niên chế) và Quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ (2.5.02 - Quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ Trường Cao đẳng

ngành kỹ thuật công nghệ. Ban hành kèm theo QĐ số 362/QĐ – CĐNKTCN ngày 04/12/2017).

Tổ chức thi kết thúc MĐ/MH: căn cứ tiến độ đào tạo, phòng Đảm bảo chất lượng tham mưu lịch tổ chức thi, BGH phê duyệt lịch thi kết thúc MĐ/MH (2.5.03- *Lịch thi kết thúc MĐ/MH*).

Khoa phân công giáo viên biên soạn, in ấn đề thi, khoa và phòng chức năng phê duyệt đề thi kết thúc MĐ/MH (2.5.04- *Biểu mẫu đề thi, barem chấm điểm thi kết thúc MĐ/MH*).

Tổ chức coi thi gồm 02 giáo viên, chấm thi kết thúc MĐ/MH do 02 giáo viên chấm và đọc phách, ghép phách theo đúng Quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ. Việc đánh giá kết quả học tập của HSSV đảm bảo đúng nguyên tắc theo thang điểm 10, trên cơ sở đó đánh giá kết quả học tập sinh viên đạt hay không đạt. Kết quả điểm thi kết thúc MĐ/MH được thông báo cho người học biết (2.5.05 - *Biểu mẫu Bài thi kết thúc MH/MĐ*, 2.5.06. *Bảng điểm thi kết thúc MĐ/MH*).

Về việc tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp đối với từng khóa học (2.5.07 - *Kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021*).

Căn cứ kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp, Nhà trường giao phòng Đào tạo tham mưu thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp và các ban giúp việc Hội đồng thi tốt nghiệp, thành phần hội đồng có đại diện khoa Điện tử điện lạnh (2.5.08 - *Quyết định thành lập Hội đồng thi và Các ban giúp việc Hội đồng thi tốt nghiệp và Ban giám sát thực hiện tổ chức thi tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Hội đồng thi tốt nghiệp và các ban giúp việc thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định ở tất cả các khâu: xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, tổ chức ra đề thi, tổ chức coi thi, tổ chức chấm thi, công bố điểm, phúc khảo (2.5.09 – *các biên bản làm việc của Hội đồng thi tốt nghiệp và các ban giúp việc các năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Căn cứ kết quả thi tốt nghiệp, kết quả học tập, rèn luyện của toàn khóa học. Phòng Đào tạo tham mưu trình Hội đồng thi tốt nghiệp tổ chức xét công nhận kết quả tốt nghiệp và xếp loại/hạng kết quả học tập, tốt nghiệp cho người học đúng quy định (2.5.10 - *Báo cáo kết quả tốt nghiệp*; 2.5.11 - *Biên bản xét công nhận kết quả*

tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp kèm theo; 2.5.12 - Quyết định công nhận tốt nghiệp 2019, 2020, 2021 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí).

Riêng đối với công tác tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường thành lập Ban Giám sát Hội đồng thi tốt nghiệp có nhiệm vụ giúp Hội đồng thi tốt nghiệp giám sát kỳ thi tốt nghiệp. Kết quả đánh giá: công tác thi, xét công nhận tốt nghiệp đảm bảo khách quan, công bằng và đúng quy định (2.5.13 - Báo cáo kết quả giám sát kỳ thi tốt nghiệp các năm 2019, 2020,2021).

Để cụ thể hơn các bước thực hiện và đơn vị thực hiện, cụ thể hóa biểu mẫu thực hiện, Nhà trường ban hành bộ quy trình đảm bảo chất lượng, trong đó có quy trình tổ chức thi kết thúc MĐ/MH; quy trình thi tốt nghiệp, quy trình đánh giá kết quả học tập, quy trình cấp văn bằng chứng chỉ (2.5.14 - Quy trình tổ chức thi tốt nghiệp).

Trình độ	Năm học	Số SV tốt nghiệp	Ghi chú
Cao đẳng	2018 – 2019	15	
	2019 – 2020	15	
	2020 – 2021	7	

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV đảm bảo đúng nguyên tắc theo thang điểm 100 trên cơ sở bốn nội dung: Ý thức, thái độ và kết quả học tập; Ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của nhà trường; Ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể của khoa (2.5.15 – Kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên năm học 2019 -2020, 2020-2021, 2021-2022)

Cấp văn bằng chứng chỉ.

Hoạt động cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học thời điểm hiện tại của Nhà trường gồm: cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bảng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập, bằng tốt nghiệp được thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát. đảm bảo đúng quy định, khách quan, công bằng. Đơn vị đầu mối quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ là phòng Đào tạo và phòng CTHSSV (2.5.16 - Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp cho người học các năm 2019, 2020,

2021; 2.5.17 - Báo cáo về việc cấp phát văn bằng chứng chỉ các năm 2019, 2020, 2021; 2.5.18 - Quy trình cấp văn bằng chứng chỉ).

Có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Hồ sơ học sinh sinh viên từ hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ dữ liệu học tập cá nhân được Nhà trường lưu trữ đầy đủ theo quy định, đảm bảo bảo khoa học, chính xác, tiện tra cứu

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo, để đảm bảo các hoạt động dạy và học được tổ chức đúng kế hoạch, đầu năm học Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất các hoạt động đào tạo của các khoa.

Phòng Đào tạo và Khoa kiểm tra thường xuyên và đột xuất các hoạt động dạy và học của các Thầy/Cô và học sinh, sinh viên trong khoa. Từng học kỳ sẽ có kế hoạch kiểm tra toàn diện các hoạt động bao gồm hoạt động dạy và học của nhà giáo và SV đảm bảo đúng kế hoạch đã được phê duyệt (2.6.01 - Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm 2019, 2020,2021).

Sau mỗi lần kiểm tra, Phòng Đào tạo và Khoa đều có báo cáo kết quả kiểm tra, trong đó nêu lên những điểm đạt và những điểm chưa đạt trong quá trình dạy và học. Từ đó Khoa đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học cũng như chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

Kết quả cho thấy, qua các đợt kiểm tra, Khoa Điện tử - Điện lạnh kịp thời có các kế hoạch điều chỉnh hoạt động dạy và học phù hợp, đảm bảo kế hoạch, nội dung chương trình được thực hiện đầy đủ

(2.6.02. Phiếu kiểm tra giáo viên và phiếu kiểm tra đơn vị; 2.6.03 - Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học từ năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.6.04 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm.**

Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở các quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Trường đã ban hành quy định hướng dẫn đào tạo liên thông phù hợp với điều kiện của từng khoa chuyên môn.

Căn cứ các quy định, Giấy chứng nhận đăng ký động giáo dục nghề nghiệp. Trường và khoa Điện tử - Điện lạnh đã xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng và tổ chức tuyển sinh đào tạo từ năm học 2018 – 2019 theo quy định tại thông tư 07/2019/TT-BLĐTĐBXH và thông tư 05/2021/TT-BLĐTĐBXH. (2.7.01- Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông của Trường; 2.7.02 Chương trình đào tạo CĐ liên thông nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí)

Các số liệu cụ thể như sau:

Năm học 2018 – 2019: Tuyển sinh và tổ chức đào tạo 03 sinh viên K12

Năm học 2019 – 2020: Tuyển sinh và tổ chức đào tạo 08 sinh viên K13

Năm học 2020 – 2021: Tuyển sinh 24 sinh viên liên thông khóa K15

(2.7.03- Quyết định thành lập các lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí kèm theo danh sách sinh viên từ năm 2019, 2020, 2021; 2.7.04 - Hồ sơ học sinh sinh viên học liên thông; 2.7.05 - Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ đào tạo).

Như vậy, công tác tổ chức đào tạo liên thông nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng của Trường cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ đã thực hiện theo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2 điểm.**

TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu:

Hiện tại, Ngành Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí có tổng số 4 nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề. Tất cả các nhà giáo thuộc biên chế của khoa đều là nhà giáo cơ hữu giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. 100% nhà giáo, cán bộ quản lý của khoa đảm bảo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ; Khoa có đủ số lượng nhà giáo giảng dạy các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đáp ứng yêu cầu giảng dạy; Tỷ lệ nhà giáo/người học quy đổi đều đạt chỉ tiêu quy định (nhỏ hơn 1/25)

Khoa Điện tử điện lạnh và các cá nhân đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Hàng năm đều có trên 50% nhà giáo tham gia các hoạt động như: Hội giảng nhà giáo giỏi các cấp; nghiên cứu khoa học; tự làm thiết bị đào tạo.

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức nghiệp vụ thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và chuyên môn, lý luận chính trị; hàng năm 100% nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề đều tham gia thực tập tại các doanh nghiệp lĩnh vực nhiệt lạnh.

** Những điểm mạnh*

100% nhà giáo giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại TT 08/ 2017 TT – BLĐTBXH

Tỷ lệ nhà giáo/người học quy đổi đạt yêu cầu so với quy định (nhỏ hơn 1/25)

** Điểm tồn tại: Không có*

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Ngay từ năm học 2021 – 2022, Nhà trường cần tuyển thêm giáo viên cơ hữu giảng dạy chuyên môn nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

Nhà trường nhà giáo Khoa hỗ trợ để các giáo viên trẻ học sau đại học chuyên ngành, Ngoại ngữ thông thạo, nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển trường thành Trường trọng điểm, tiếp cận trình độ khu vực và Quốc tế.

Khoa thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn và trao đổi phương pháp giảng dạy trong từng nội dung chuyên môn; đẩy mạnh áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

Nhà trường và Khoa tập trung rà soát, quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý trẻ ở vị trí lãnh đạo khoa, thư ký khoa hoặc cán bộ kế cận học sau đại học, ngoại ngữ thông thạo, và các kỹ năng về quản lý.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	16

Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được thể hiện qua các số liệu cụ thể như sau:

- Năm 2018- 2019: Số nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí tại khoa Điện tử - Điện lạnh. Trong đó:
 - + Nhà giáo cơ hữu: 14 nhà giáo giảng dạy các môn học chung; môn học, mô đun cơ sở chuyên môn
 - Trình độ chuyên môn: 01 Tiến sỹ, 06 Thạc sỹ, 07 Kỹ sư
 - + Nhà giáo kiêm nhiệm: 04 nhà giáo
 - Trình độ chuyên môn: 03 Thạc sỹ, 01 Kỹ sư
 - Tin học: 18/18 nhà giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định
 - Ngoại ngữ: 18/18 nhà giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định
 - Kỹ năng nghề: 4/4 nhà giáo dạy chuyên môn đạt kỹ năng nghề bậc 3 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí
- Năm 2019- 2020: Số nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí tại khoa Điện tử - Điện lạnh. Trong đó:
 - + Nhà giáo cơ hữu: 12 nhà giáo giảng dạy các môn học chung; môn học, mô đun cơ sở chuyên môn
 - Trình độ chuyên môn: 01 Tiến sỹ, 03 Thạc sỹ, 08 Kỹ sư
 - + Nhà giáo kiêm nhiệm: 06 nhà giáo
 - Trình độ chuyên môn: 06 Thạc sỹ

- Tin học: 18/18 nhà giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định*
- Ngoại ngữ: 18/18 nhà giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định*
- Kỹ năng nghề: 4/4 nhà giáo dạy chuyên môn đạt kỹ năng nghề bậc 3 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí*
- Năm 2020 – 2021:
 - + Nhà giáo cơ hữu: 08 nhà giáo giảng dạy các môn học chung; môn học, mô đun cơ sở chuyên môn
 - Trình độ chuyên môn: 02 Thạc sỹ, 06 Kỹ sư*
 - + Nhà giáo kiêm nhiệm: 05 nhà giáo
 - Trình độ chuyên môn: 05 Thạc sỹ*
 - Tin học: 13/13 nhà giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định*
 - Ngoại ngữ: 13/13 nhà giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định*
 - Kỹ năng nghề: 4/4 nhà giáo dạy chuyên môn đạt kỹ năng nghề bậc 3 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí*
 - Năm 2021 – 2022:
 - + Nhà giáo cơ hữu: 10 nhà giáo giảng dạy các môn học chung; môn học, mô đun cơ sở chuyên môn
 - *Trình độ chuyên môn: 05 Thạc sỹ, 05 Kỹ sư*
 - + Nhà giáo kiêm nhiệm: 04 nhà giáo
 - Trình độ chuyên môn: 04 Thạc sỹ*
 - Tin học: 14/14 nhà giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định*
 - Ngoại ngữ: 14/14 nhà giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định*
 - Kỹ năng nghề: 4/4 nhà giáo dạy chuyên môn đạt kỹ năng nghề bậc 3 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí*

100% nhà giáo giảng dạy ở trình độ trung cấp, cao đẳng đều đáp ứng 3 tiêu chuẩn về năng lực phát triển nghề nghiệp quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH: Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ; phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học; nghiên cứu khoa học (*các số liệu và minh chứng tại tiêu chuẩn 3.2*).
 (3.1.01 – Hồ sơ lý lịch kèm theo danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; kế hoạch đào tạo, kế hoạch giáo viên năm 2018 - 2019, 2019-2020, 2020 -2021, 2021-2022

- Năm 2018 -2019 có 18 nhà giáo tham gia giảng dạy
- Năm 2019 -2020 có 18 nhà giáo tham gia giảng dạy

-Năm 2020 -2021 có 13 nhà giáo tham gia giảng dạy

-Năm 2021 -2022 có 15 nhà giáo tham gia giảng dạy

(Có bảng danh sách giáo viên giảng dạy kèm theo)

Nội dung khảo sát: 100% nhà giáo cơ hữu và nhà giáo thỉnh giảng của trường tham gia giảng dạy (bao gồm cả nhà giáo giảng dạy các môn học chung, các môn chuyên môn ngành/nghề, các môn văn hóa trung học phổ thông) đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	34					0	-	1	2.9	33	97.1
2	2020	33					2	6.1	1	3.0	30	90.9
3	2021	33					2	6.1	1	3.0	30	90.9
4	2022	33					1	3.0	2	6.1	30	90.9

Trường nhận định: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đúng theo Quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm.**

Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ Thông tư số 07/ 2017/TT –BLĐTBXH, ngày 10/3/2017 về việc Quy định về chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường ban hành chế độ làm việc của Nhà giáo (3.2.01- Quy chế nhà giáo GDNN trường CDN KTCN; 3.2.02-Quyết định về việc quy định thì giờ nghỉ ngơi của công chức, viên chức, người lao động trường CDN KTCN

3.2.03 - Bảng phân công nhiệm vụ của giáo viên trong khoa)

Căn cứ chế độ làm việc của nhà giáo, khoa phân công nhiệm vụ cho từng nhà giáo phù hợp với năng lực cá nhân và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị:

Nhiệm vụ giảng dạy:

100% nhà giáo khoa Điện tử điện lạnh đều được phân công giảng dạy. Trong những năm gần đây, do số học sinh sinh viên đăng ký học nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đông do vậy các nhà giáo của khoa đều giảng dạy đạt và vượt giờ tiêu chuẩn. (2.2.02 - *Kế hoạch giáo viên*, 2.2.03. *Thời khóa biểu*).

Ngoài nhiệm vụ chính là giảng dạy đối với toàn thể giáo viên trong đơn vị còn thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ cụ thể: Thực hiện công tác giáo viên chủ nhiệm, quản lý tài sản cơ sở vật chất, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tuyển sinh, huấn luyện học sinh giỏi nghề các cấp, tham gia hội giảng giáo viên các cấp, hội thi thiết bị dạy nghề tự làm, nghiên cứu khoa học, xây dựng chương trình, giáo trình, chuyên giao công nghệ, thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp... (2.2.05. – *Quyết định giáo viên chủ nhiệm*; 3.2.03 – *Quyết định giao quản lý thiết bị cho giáo viên*; 3.2.04 - *Quyết định cử giáo viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ*; 3.2.05 - *Kế hoạch huấn luyện học sinh giỏi*; 3.2.06 - *Quyết định tham gia hội thi thiết bị tự làm*); Hàng năm Khoa đã xây dựng kế hoạch hội giảng các cấp, Kế hoạch ôn luyện học sinh giỏi nghề các cấp, kế hoạch tham gia nghiên cứu khoa học của đơn vị và yêu cầu 100% giáo viên tham gia (3.2.07. *Bảng tổng hợp giờ giảng năm học từ 2018 – 2019 đến 2021 – 2022*; 3.2.08 – *Kế hoạch hội giảng các năm học*; *Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường*; 3.2.09 - *Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp Thành phố*; 3.2.10 – *Hồ sơ nghiên cứu khoa học của nhà giáo*; 3.2.11 -*Các văn bản giao nhiệm vụ bồi dưỡng học sinh cho nhà giáo*)

Kết thúc năm học nhà trường có văn bản hướng dẫn khoa chuyên môn tổ chức họp đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo theo hướng dẫn tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTĐBXH nhiệm vụ nhà giáo. Kết quả xếp loại nhà giáo của khoa như sau. Có bảng minh chứng kèm theo

Năm 2019: có 18 nhà giáo xếp loại lao động tiên tiến trở lên trong đó có 02 nhà giáo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm 2020: có 18 nhà giáo xếp loại lao động tiên tiến trở lên trong đó có 04 nhà giáo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm 2021: có 13 nhà giáo xếp loại lao động tiên tiến trở lên trong đó có 04 nhà giáo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

(3.2.12 – *Kết quả xếp loại lao động nhà giáo 2018 – 2021*; 3.2.13 –*Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo*; 3.2.14 –*Phiếu tổng hợp đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo của khoa năm học 2019 – 2021*).

Trên cơ sở hoạt động chuyên môn của đơn vị cuối năm khoa thực hiện báo cáo tổng kết và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho những năm tiếp theo và căn cứ

vào báo cáo tổng kết của khoa nhà trường tổ chức tổng kết năm học để đánh giá, tổng kết những việc đã làm được những mặt còn tồn tại hạn chế đồng thời đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo (1.2.02 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2018 - 2021 của khoa; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2019 – 2021 của nhà trường).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp.

Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo của Nhà trường từng học kỳ, khoa Điện tử điện lạnh thực hiện phân công giáo viên giảng dạy các môn học, mô đun đảm bảo không bị chồng chéo hoặc trùng giáo viên. Các số liệu cụ thể thống kê theo từng năm học như sau: (Bảng thống kê nhà giáo giảng dạy theo từng năm)

- Năm học 2018 – 2019: có 03 lớp cao đẳng các khóa

Tổng số môn học mô đun giảng dạy theo kế hoạch: 27 .

Số nhà giáo được phân công giảng dạy theo kế hoạch: 18 nhà giáo .

- Năm học 2019 – 2020: : có 02 lớp cao đẳng các khóa

Tổng số môn học mô đun giảng dạy theo kế hoạch: 25 .

Số nhà giáo được phân công giảng dạy theo kế hoạch: 19 nhà giáo .

- Năm học 2020 – 2021: có 02 lớp cao đẳng các khóa

Tổng số môn học mô đun giảng dạy theo kế hoạch: 20 .

Số nhà giáo được phân công giảng dạy theo kế hoạch: 14 nhà giáo .

- Năm học 2021 – 2022: có 02 lớp cao đẳng các khóa

Tổng số môn học mô đun giảng dạy theo kế hoạch: 24 .

Số nhà giáo được phân công giảng dạy theo kế hoạch: 15 nhà giáo .

Năm học 2019 - 2020: 19 nhà giáo được phân công giảng dạy các MH/MĐ trong kế hoạch đào tạo của các lớp với tổng số giờ 1950h (bao gồm giờ GVCN và quản lý phòng học chuyên môn); số giờ định mức trong năm học của 07 nhà giáo cơ hữu là 1210h giờ.; số giờ hợp đồng của 12 nhà giáo thỉnh giảng là 615h Năm học 2020

- 2021: 14 nhà giáo được phân công giảng dạy các MH/MĐ trong kế hoạch đào tạo của 03 lớp với tổng số giờ 1714h (bao gồm giờ GVCN và quản lý phòng học chuyên môn); số giờ định mức trong năm học của 04 nhà giáo cơ hữu là 885h giờ.; số giờ hợp đồng của 10 nhà giáo thỉnh giảng là 615h Năm học 2021 - 2022: 15 nhà giáo được phân công giảng dạy các MH/MĐ trong kế hoạch đào tạo của 04 lớp với tổng số giờ 2264h (bao gồm giờ GVCN và quản lý phòng học chuyên môn); số giờ định mức trong năm học của 07 nhà giáo cơ hữu là 1435h giờ; số giờ hợp đồng của 08 nhà giáo thỉnh giảng là 615h Các số liệu thống kê các năm học cho thấy, số giờ giảng dạy thực tế của các nhà giáo chưa vượt quá số giờ tiêu chuẩn quy định. Trường tự đánh giá, tất cả các MĐ/MH nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trường bố trí đủ nhà giáo đứng lớp.

(2.2.01 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo; 2.2.02 - Kế hoạch giáo viên; 2.2.03 - Thời khóa biểu; 2.2.04 – Lịch giảng dạy của giáo viên; 3.3.01 - Danh sách nhà giáo giảng dạy môn học, mô đun năm học; 2019-2020; 2020 - 2021; 2021- 2022; 3.2.07 – Bảng thống kê giờ giảng nhà giáo các năm học).

Đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Tỷ lệ số người học/lớp:

Biên chế số lớp theo quyết định mở lớp của Hiệu trưởng nhà trường đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí các năm học như sau:

- Năm học 2019 – 2020: Tổng số 02 lớp cao đẳng chính quy, 02 lớp cao đẳng liên thông; tổng số hs: 47 hs

- Năm học 2020 – 2021: Tổng số 02 lớp cao đẳng chính quy, 02 lớp cao đẳng liên thông; tổng số hs: 51hs

- Năm học 2021 – 2022: Tổng số 02 lớp cao đẳng chính quy, 02 lớp cao đẳng liên thông; tổng số hs: 50hs

Đảm bảo số lượng HSSV/lớp học theo môn học, mô đun đảm bảo số lượng theo quy định.

(2.1.07 - Quyết định biên chế các lớp học sinh của các năm học năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020 – 2021; 2021 - 2022)

Trường đảm bảo số người học trên lớp trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí theo quy định tại thông tư 07.2017 TT- BLĐTBXH(35sv trên lớp lý thuyết; 18sv trên ca thực tập.

Tỷ lệ quy đổi nhà giáo /người học

Năm 2019:

Tổng số học sinh: 47 tổng số học sinh quy đổi: 44,5

Tổng số nhà giáo: 18 người; tổng số nhà giáo theo tỷ lệ quy đổi: 7.8

Tỷ lệ SV quy đổi / GV quy đổi: 5.71

Năm 2020:

Tổng số học sinh: 51 tổng số học sinh quy đổi: 36,7

Tổng số nhà giáo: 18 người; tổng số nhà giáo theo tỷ lệ quy đổi: 8.49

Tỷ lệ SV quy đổi / GV quy đổi: 4.32

Năm 2021:

Tổng số học sinh: 55 tổng số học sinh quy đổi: 40,8

Tổng số nhà giáo: 13 người; tổng số nhà giáo theo tỷ lệ quy đổi: 7.37

Tỷ lệ SV quy đổi / GV quy đổi: 5.52

Năm 2022:

Tổng số học sinh: 50 tổng số học sinh quy đổi: 25.7

Tổng số nhà giáo: 14 người; tổng số nhà giáo theo tỷ lệ quy đổi: 5.5

Tỷ lệ SV quy đổi / GV quy đổi: 4.67

(3.3.02 – Bảng tính quy đổi nhà giáo/người học).

Căn cứ nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ (tỷ lệ quy định: học sinh quy đổi/ nhà giáo quy đổi 25/1), tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đảm bảo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Nhằm đổi mới phương pháp dạy học và không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, nhanh chóng tạo được uy tín đối với xã hội và thương hiệu của nhà trường, một trong những giải pháp cơ bản mang tính nội sinh là đẩy mạnh các hoạt động NCKH, tích cực tham gia các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm, huấn luyện học sinh giỏi của đội ngũ nhà giáo theo hướng thiết thực và hiệu quả. Hàng năm căn cứ vào kế hoạch của trường, khoa triển khai đến các giáo viên tự đề xuất nội dung đề tài nghiên cứu khoa học, kế hoạch cá nhân tham gia hội giảng, làm thiết bị tự làm.

Các số liệu cụ thể như sau:

- + Năm học 2018-2019: 18 nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 04 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường.
- + Năm học 2019-2020: 19 nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 04 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường, 02 nhà giáo tham gia thiết bị tự làm thành phố đạt giải nhì, 02 nhà giáo tham gia thiết bị tự làm toàn quốc đạt giải nhất.
- + Năm học 2020-2021: 14 nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 04 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường, 01 nhà giáo tham gia hội giảng toàn quốc đạt giải nhất.
- + Năm học 2021-2022: 15 nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 04 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường.

(3.2.08 – Kế hoạch hội giảng các năm học; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường; 3.2.09 - Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp Thành phố; 3.2.10 – Hồ sơ nghiên cứu khoa học, thiết bị tự làm của nhà giáo; 3.4.01 – Quyết định khen thưởng thi thiết bị tự làm thành phố, toàn quốc).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định. Đội ngũ viên chức, người lao động của khoa đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ là yếu tố quan trọng góp phần vào sự thành công của Nhà trường. Tính đến hết năm học 2020 -2021, tổng số đội ngũ viên chức, người lao động của khoa gồm: 08 người (*3.5.01- Danh sách trích ngang đội ngũ VC, NLD của trường*).

Nhà trường khuyến khích, tạo điều kiện đội ngũ nhà giáo trong khoa được định kỳ bồi dưỡng, nâng cao trình độ theo quy định ở nhiều nội dung, hình thức khác nhau: tập huấn công tác tổ chức cán bộ, Kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho cán bộ, nhà giáo; Quản lý cơ sở đào tạo, ứng dụng CNTT, Ngoại ngữ, Quản lý sử dụng tài sản thiết bị, Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghề, chuyển giao công nghệ thiết bị...

Kết quả thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ nhà giáo của khoa trong các năm từ 2019 đến 2021 như sau:

Năm học 2018 – 2019: Đào tạo quản lý thiết bị đào tạo: 04 nhà giáo

Năm học 2019 – 2020: Chuyển giao thiết bị đào tạo, công nghệ mới về Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí: 04 nhà giáo

Năm học 2020 – 2021: Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; quản lý lớp học; kỹ năng giảng dạy online và sử dụng các ứng dụng trong dạy học online: 04 nhà giáo

(3.5.02 – Kế hoạch học tập bồi dưỡng của đơn vị; 3.5.03– Các Quyết định cử nhà giáo đi học tập bồi dưỡng 3.5.04 - Tài liệu/ văn bằng chứng chỉ, báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3 : 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, việc bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất Trường thực hiện theo Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 Hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ kế hoạch giảng dạy, Khoa chuyên môn và nhà giáo chủ động xây dựng kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp của nhà giáo. Nhà trường có công văn, quyết định cử nhà giáo đi thực tập tại các doanh nghiệp, phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường. Nội dung thực tập tại doanh nghiệp cập nhật kiến thức, quy trình công nghệ mới; thiết bị máy móc mới tại doanh nghiệp; tìm hiểu cách thức tổ chức sản xuất, hoạt động của doanh nghiệp nơi giáo viên thực tập. Đây là cơ hội tốt giúp cho đội ngũ giáo viên có cơ hội học hỏi, tiếp cận với kỹ thuật công nghệ mới, trao đổi kiến thức, thâm nhập vào thực tế sản xuất của ngành nghề ngoài xã hội để bổ sung kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu giảng dạy.

Kết quả nhà giáo cơ hữu giảng dạy các môn chuyên nghề được đi bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp như sau:

Năm học 2018 – 2019: 04/04 nhà giáo tham gia thực tập tại doanh nghiệp

Năm học 2019 – 2020: 04/04 nhà giáo tham gia thực tập tại doanh nghiệp

Năm học 2020 – 2021: 04/04 nhà giáo tham gia thực tập tại doanh nghiệp

Năm học 2021 – 2022: 04/04 nhà giáo tham gia thực tập tại thực tế

Nội dung thực tập:

- Cập nhật công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực nhiệt lạnh.

- Tìm hiểu mô hình quản lý doanh nghiệp, quy trình an toàn vệ sinh lao động
- Rèn luyện kỹ năng cố vấn dịch vụ xưởng dịch vụ
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề tại các doanh nghiệp
- Cập nhật công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực nhiệt lạnh.
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề tại các doanh nghiệp

(3.6.01– Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp hàng năm; 3.6.02 – Báo cáo kết quả thực tập tại Doanh nghiệp; quyết định, tiếp nhận của công ty)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ vào Điều lệ trường cao đẳng quy định về chuẩn chức danh cán bộ quản lý; Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ. Nhà trường đã bổ nhiệm cán bộ quản lý cho khoa Điện tử điện lạnh là 02 đồng chí, 01 đồng chí Trưởng khoa và 01 đồng chí Phó Trưởng khoa. Các đồng chí lãnh đạo khoa đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ:

ĐỐI CHIẾU VỚI TIÊU CHUẨN CHUYÊN NGHIỆP VỤ NHÀ GIÁO QUY ĐỊNH TẠI TT 08/2017/TT – BLDTB XH

Trình độ chuyên môn: 2/2 Thạc sĩ kỹ thuật, Thạc sĩ quản lý ,chuyên ngành

Nghiệp vụ sư phạm: 2/2 Sư phạm dạy nghề

Trình độ ngoại ngữ: 2/2 B1

Trình độ tin học: 2/2 B

Kỹ năng nghề: 4/4 đạt kỹ năng nghề bậc 3 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí

3.7.02 - Danh sách trích ngang hồ sơ cán bộ quản lý, giáo viên khoa Điện tử điện lạnh

Khoa Điện tử điện lạnh không có nhân viên nghiệp vụ. Khoa phân công nhà giáo Lưu Thị Thúy kiêm nhiệm thư ký khoa.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên khoa Điện tử điện lạnh Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ được giao thực hiện nhiệm vụ dưới hình thức kiêm nhiệm và được xây dựng dựa vào quy trình đề bạt, bổ nhiệm, trường đã căn cứ vào năng lực, phẩm chất và các tiêu chuẩn theo quy định, được tập thể đơn vị tín nhiệm (3.8.01. *Quyết định bổ nhiệm trưởng khoa, P.Trưởng khoa, Quyết định giao nhiệm vụ Thư ký khoa*). Qua thực tiễn việc thực hiện các nhiệm vụ nhà trường giao có thể đánh giá các đồng chí cán bộ quản lý và giáo viên của khoa luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt theo Điều lệ trường cao đẳng, Luật giáo dục nghề nghiệp và Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, Quy chế tổ chức hoạt động của khoa để hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Trên cơ sở Quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của khoa thực hiện chức năng nhiệm vụ cụ thể:

- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục, ngoại khóa theo kế hoạch đào tạo hàng năm của nhà trường;
- Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên và học sinh sinh viên thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;
- Thực hiện công tác biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề của nghề đào tạo được phân công; tổ chức nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;
- Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định của Hiệu trưởng, đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì trang thiết bị dạy nghề thuộc khoa quản lý;
- Thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình dạy học, gắn đào tạo với thành quả nghiên cứu khoa học;
- Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên của khoa;
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của Hiệu trưởng;
- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên khoa Điện tử điện lạnh đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Hàng năm căn cứ vào quy định đánh giá, phân loại CC, VC, NLD của Nhà trường, khoa Điện tử điện lạnh tổ chức bình xét và đánh giá, xếp loại VC, NLD theo quy định, tự nhận xét, đánh giá ưu nhược điểm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ trình lên Hội đồng xét thi đua khen thưởng Nhà trường. Kết quả xếp loại của tập thể đơn vị và các cá nhân cán bộ quản lý, giáo viên năm 2019, 2020, 2021 như sau:

+ Năm 2019: Tập thể lao động xuất sắc, Trưởng khoa Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ,

+ Năm 2020: Tập thể lao động xuất sắc, Trưởng khoa Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Phó Trưởng khoa Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ,

+ Năm 2021: Tập thể lao động xuất sắc, Trưởng khoa Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Phó Trưởng khoa Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 100% nhà giáo trong khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

(3.8.02 - Quy định đánh giá, phân loại đối với CC, VC, NLD của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ; 3.8.03 - Kế hoạch phân loại CC, VC, người lao động và tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm 2019, 2020, 2021; 3.8.04 - Biên bản phân loại CC, VC, và người lao động của khoa năm 2019, 2020, 2021; 3.8.05 - Biên bản bình xét thi đua của khoa năm 2019, 2020, 2021; 3.8.06 - Quyết định phân loại CC, CV, NLD của trường năm học 2019, 2020, 2021; 3.8.07 - Quyết định phân thi đua khen thưởng của trường năm học 2019, 2020, 2021).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên khoa tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 02 điểm.

TIÊU CHÍ 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu:

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí được xây dựng, thẩm định, ban hành, đưa vào sử dụng từ năm học 2017 - 2018 theo đúng hướng dẫn tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Chương trình thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học của chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu

cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí có tổng số 21 môn học, mô đun cơ sở và chuyên môn nghề. Tất cả các môn học và mô đun đều có đủ giáo trình do nhà giáo của trường tự biên soạn biên soạn. Các giáo trình sau khi biên soạn đều được hội đồng thẩm định theo quy trình hướng dẫn tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, được Hiệu trưởng nhà trường ký quyết định ban hành và đưa vào sử dụng từ năm 2017 đến nay. Các bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đều thể hiện được các yêu cầu: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực và đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Năm 2020, nhà trường thực hiện rà soát, bổ sung nội dung chương trình đào tạo Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trên cơ sở các tiêu chí chương trình đào tạo chất lượng cao quy định tại thông tư 21/2018/TT-BLĐTBXH. Hiện nay các bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đang được rà soát, điều chỉnh theo nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo.

** Những điểm mạnh*

Trường có đủ các bộ chương trình, giáo trình cho 100% các môn học, mô đun.

Hàng năm các bộ chương trình, giáo trình đều được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo các quy định tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH.

** Điểm tồn tại*

Trường chưa phối hợp với các trường Đại học để xây dựng chương trình đào tạo liên thông

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Năm học 2021- 2022, Khoa tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình, giáo trình cho phù hợp với yêu cầu cập nhật công nghệ mới và phương pháp đào tạo tích cực đảm bảo các quy định.

Tiếp tục lập kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung điều chỉnh chương trình, giáo trình cho các năm tiếp theo

Nhà trường và Khoa phối hợp với các trường Đại học để xây dựng chương trình đào tạo liên thông

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	22
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Xây dựng chương trình đào tạo:

Công tác xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/04/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư 48/2018/TT-

BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí và Thông tư quy định về các môn học chung. Để cụ thể hóa những nội dung liên quan đến công tác xây dựng chương trình đào tạo.

Căn cứ thông tư Trường ban hành quyết định thành lập Ban biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng. (4.1.01: *Quyết định số 67/QĐ-CDNKTCN-ĐL ngày 24/4/2017 về thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình đào tạo và danh sách ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình đào tạo năm 2017 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; 4.1.02: Quyết định số 99A/QĐ-CDNKTCN ngày 16/6/2020 về thành lập các ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, GTĐT năm 2020 và danh sách ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, GTĐT năm 2020 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí*)

Về thành lập Ban biên soạn Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng, Ban biên soạn gồm có 10 thành viên theo danh sách đính kèm, trong đó có 02 thành viên đến từ Doanh nghiệp. Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí của Trường được tổ chức xây dựng, biên soạn, thẩm định đúng qui định. Từ việc triển khai kế hoạch, thành lập Ban chủ nhiệm tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra, Hội đồng thẩm định, nghiệm thu, cho đến khi ban hành chương trình đào tạo được trường tổ chức chặt chẽ, đảm bảo theo qui định của Bộ LĐTBXH.

Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình, giáo trình đã tổ chức triển khai thực hiện theo đúng hướng dẫn như: Xây dựng chương trình, giáo trình; Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về chương trình, giáo trình; Hoàn chỉnh dự thảo chương trình, giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

Biên bản các cuộc họp của Ban chủ nhiệm, Hội đồng xây dựng chương trình được thực hiện theo mẫu biểu ban hành kèm theo của Quy chế xây dựng, lựa chọn chương trình đào tạo của Trường và được lưu trữ trong hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo.

Hội đồng thẩm định gồm 11 thành viên bao gồm 08 thành viên là các Trưởng khoa, các giảng viên lâu năm, có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí thuộc các trường dạy nghề; 01 thành viên là chuyên

viên Vụ đào tạo chính quy - Tổng cục GDNN; 02 thành viên thuộc khối doanh nghiệp.

Vai trò của cán bộ quản lý GDNN, cán bộ khoa học kỹ thuật của các đơn vị sử dụng lao động tham gia quá trình xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo thể hiện rõ nét nhất trong biên bản thẩm định chương trình đào tạo. Biên bản thẩm định sẽ ghi lại đầy đủ các ý kiến của các thành viên Hội đồng trong đó có các thành viên đến từ các cơ quan quản lý GDNN và đến từ khối doanh nghiệp.

Ngoài ý kiến đóng góp trong các phiên họp Hội đồng thẩm định, ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, chuyên gia đến từ các doanh nghiệp sử dụng lao động còn được thể hiện qua các phiếu đánh giá và phiếu phản biện.

Khoa Điện tử điện lạnh là đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. Quá trình xây dựng, khoa đã kế thừa nội dung chương trình đào tạo sử dụng trước năm 2017; tuân thủ hướng dẫn xây dựng chương trình theo mẫu tại phụ lục 1 thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH; tuân thủ quy định về thời gian đào tạo; số lượng tín chỉ trong chương trình đào tạo; Chương trình được xây dựng đảm bảo sự liên thông giữa các cấp trình độ trong hệ thống Giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể:

+ Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ trung cấp:

- Thời gian đào tạo: 1,5 năm
- Số lượng môn học, mô đun: 21
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 59 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 210 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1335 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 483 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 965 giờ
- Số tuần thực hiện 48 tuần

+ Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng:

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Số lượng môn học, mô đun: 27
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 83 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 450 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1680 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 672 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1332 giờ
- Số tuần thực hiện 66 tuần

Các chương trình đào tạo sau khi xây dựng đã được Hội đồng thẩm định đóng góp ý kiến tại hội thảo do trường tổ chức. Các thành viên Hội đồng thẩm định đã gửi văn bản đến các tổ biên soạn để làm cơ sở tiếp thu, chỉnh sửa. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng nhà trường đã ra các quyết định ban hành để chương trình được kịp thời đưa vào sử dụng từ năm học 2017 – 2018.

(4.1.03: Kế hoạch số 15/KH_CĐNKTCN-ĐT ngày 07/3/2017 về xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình năm 2017; Quyết định 282/QĐ-CĐNKTCN ngày 29/9/2017 về thành lập hội đồng thẩm định CTĐT, GTĐT năm 2017 và danh sách hội đồng thẩm định CTĐT, GTĐT năm 2017 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; Biên bản hội thảo lấy ý kiến góp ý về chương trình đào tạo; Báo cáo số 219A/BC-CĐNKTCN ngày 26/12/2017 báo cáo kết quả tham khảo, cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài liên quan đến nghề đào tạo năm 2017. 4.1.04 – Các bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt).

Đánh giá, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo:

Năm 2020, Nhà trường đã tiến hành tổng rà soát toàn bộ chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên cơ sở căn cứ hướng dẫn tại các văn bản:

+ Thông tư 21/2018/TT-BLĐTBXH quy định tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ trung cấp, cao đẳng.

+ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, đã tiến hành một số nội dung điều chỉnh như sau:

- Tiến hành điều chỉnh về thời gian đào tạo, thống nhất trình độ trung cấp đào tạo 2 năm và trình độ cao đẳng đào tạo 2,5 năm.

+ Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ trung cấp:

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Số lượng môn học, mô đun: 20
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 61 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1385 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 445 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1111 giờ
- Số tuần thực hiện 64 tuần

+ Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng:

- Thời gian đào tạo: 2,5 năm
- Số lượng môn học, mô đun: 27
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 86 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1885 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 607 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1591 giờ
- Số tuần thực hiện 84 tuần.

Do nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí là nghề trọng điểm Khu vực nên theo hướng dẫn tại Thông tư 21/2018/TT-BLĐTBXH quy định tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ trung cấp, cao đẳng, trường đã cập nhật đưa vào một số nội dung kiến thức, kỹ năng cao hơn so với quy định chuẩn đầu ra. Quá trình điều chỉnh chương trình, trường thực hiện quy trình theo quy định tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH.

(4.1.05: Kế hoạch số 56/KH-CĐNKTCN ngày 15/6/2020 về chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo năm 2020; Quyết định 99A/QĐ-CĐNKTCN ngày 16/6/2020 về thành lập các ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, GTĐT năm 2020 và Danh sách ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, GTĐT năm 2020 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; Biên bản họp thẩm định chương trình chỉnh sửa, bổ sung năm 2020; Báo cáo số 310/BC-CĐNKTCN ngày 31/12/2017 báo cáo kết quả tham khảo, cập nhập những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài liên quan đến nghề đào tạo năm 2020; 4.1.06: Bộ chương trình đã điều chỉnh năm 2020 kèm theo Quyết định ban hành).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá: Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT - BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Nhà trường thành lập Tiểu ban xây dựng chương trình; Hội đồng thẩm định nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2017 và năm 2020 gồm có 10 thành viên theo danh sách đính kèm, trong đó có 02 thành viên đến từ Doanh nghiệp.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Văn Nghĩa	Công ty CP Cơ điện lạnh Đông Anh	Ủy viên
2	Trương Việt Hà	Công ty CP đầu tư quốc tế Hoàng Gia ABS	Ủy viên

Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2017 và năm 2020 gồm có 11 thành viên theo danh sách đính kèm, trong đó có 02 thành viên đến từ Doanh nghiệp.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Hồng Ngọc	Công ty CP đầu tư quốc tế Hoàng Gia ABS	Ủy viên
2	Nguyễn Ngọc Tuyền	Công ty THHH Cơ điện lạnh Vân Linh	Ủy viên

(4.1.01: Quyết định số 67/QĐ-CDNKTCN-ĐT ngày 24/4/2017 về thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình đào tạo và danh sách ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình đào tạo năm 2017 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; 4.1.02: Quyết định số 99A/QĐ-CDNKTCN ngày 16/6/2020 về thành lập các ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, GTĐT năm 2020 và danh sách ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, GTĐT năm 2020 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; 4.2.01: Quyết định 282/QĐ-CDNKTCN ngày 29/9/2017 về thành lập hội đồng thẩm định CTĐT, GTĐT

năm 2017 và danh sách hội đồng thẩm định CTĐT, GTĐT năm 2017 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; 4.2.02 Quyết định số 140A/QĐ-CDNKTCN ngày 06/8/2020 về thành lập hội đồng thẩm định CTĐT, GTĐT chỉnh sửa, bổ sung năm 2020 và danh sách hội đồng thẩm định CTĐT, GTĐT năm 2020 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí).

Ngoài ra, trong quá trình xây dựng, nhà trường còn tổ chức lấy kiến đánh giá chương trình của các doanh nghiệp có cựu sinh viên nhà trường đang làm việc (4.2.03- *Phiếu khảo sát doanh nghiệp*)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí được xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Đồng thời khi xây dựng chương trình, trường đã căn cứ vào chuẩn đầu ra của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí được xây dựng theo quy định tại thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành liên quan đến nhiệt, lạnh. Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí của Trường thể hiện đầy đủ về khối lượng kiến thức như: kiến thức các môn học chung, kiến thức các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở, kiến thức các môn học, mô đun chuyên ngành cần đạt được của người học khi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo có đầy đủ các yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp theo quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH. Cụ thể: Khối lượng kiến thức tối thiểu 2320

giờ (86 tín chỉ), thời gian học tập 2,5 năm, tỷ lệ thực hành chiếm hơn 68%; Yêu cầu về năng lực như: kiến thức về chính trị, pháp luật, giáo dục quốc phòng - An ninh, kiến thức và kỹ năng chuyên môn. Hiểu được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng của hệ thống lạnh, các tiêu chuẩn của bản vẽ, nhận biết và hiểu được các kí hiệu dùng trong bản vẽ, tra cứu được thiết bị qua các kí tự, kí số và đọc, hiểu được các bản vẽ về điện lạnh, phân tích được tính chất, cấu tạo, nguyên lý hoạt động, ứng dụng của hệ thống lạnh, đặc biệt là các hệ thống lạnh chuyên dùng trong lĩnh vực công nghiệp nhiệt lạnh và một số thuật ngữ tiếng anh trong lĩnh vực nhiệt lạnh. Sử dụng, ứng dụng được một số thuật ngữ tiếng Anh giao tiếp và chuyên ngành tin học. Vận hành được các thiết bị nhiệt lạnh trong các Nhà máy. Lắp đặt, kết nối các thiết bị, bảo trì, sửa chữa được các thiết bị nhiệt lạnh theo yêu cầu công việc. Sửa chữa, thay thế được các vĩ mạch trong hệ thống thiết bị lạnh; nhằm đáp ứng yêu cầu công việc sửa chữa hay cải tiến chế độ làm việc của thiết bị lạnh công nghiệp.. Có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ, giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế sản xuất, kinh doanh; có tác phong công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, quy phạm và kỷ luật lao động.

(4.3.01- Quyết định số 215/QĐ-CDNKTCN ngày 06/8/2019 về ban hành chuẩn đầu ra của 13 nghề Nhà trường đang đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; 4.1.06 – Các bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt).

Ngoài ra, còn được thực hiện qua các buổi họp chuyên môn với sự tham gia của cán bộ quản lý, giáo viên nhằm rà soát cải tiến chương trình, giáo trình đào tạo; Trường thực hiện khảo sát ý kiến của cán bộ, giáo viên, người học và doanh nghiệp về chương trình đào tạo (4.3.02 - Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021; 2.2.08 - Hồ sơ khảo sát HSSV 4.3.03 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát; 4.3.04 - Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp; 4.3.05- Biên bản họp khoa Điện tử - Điện lạnh).

Đối chiếu với các quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH và thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Như đã mô tả tại tiêu chuẩn 4.3, Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp cũng như chương trình môn học, chương trình mô đun chi tiết của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí được xây dựng theo đúng mẫu quy định tại phụ lục 01, 02, 03 của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình. Vì vậy Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể như sau:

Về phân bổ thời gian:

Chương trình được xây dựng liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng. Chương trình Trung cấp gồm 20 môn học, mô đun; chương trình Cao đẳng gồm 27 môn học, mô đun. Chương trình quy định rõ thời gian thực học toàn khóa, trong đó, chương trình Cao đẳng bao gồm:

- Số lượng môn học, mô đun: 27
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 86 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1885 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 607 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1591 giờ
- Số tuần thực hiện 84 tuần.

Thời gian học tập của từng môn học mô đun trong chương trình cũng được phân bổ rất cụ thể theo 3 nội dung. Tổng số trong chương trình:

Trình tự thực hiện các môn học, mô đun:

Các môn học, mô đun được phân bổ theo trình tự quy định tại phụ lục 01 kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, tại mục 3. Nội dung chương trình được sắp xếp theo thứ tự:

I. Các môn học chung: Gồm 6 môn học chung

II. Các môn học, mô đun chuyên môn.

II.1. Các môn học/mô đun cơ sở: 08 môn học, mô đun.

II.2. Các môn học/mô đun chuyên môn: 13 môn học, mô đun.

Nội dung chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí của Nhà trường đã được ban hành đều thể hiện rõ sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học đảm bảo không vi phạm điều kiện tiên quyết thực

hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. Trình tự thực hiện các mô-đun, môn học được quy định rất rõ trong từng Chương trình chi tiết môn học trong mục "Vị trí môn học/mô đun" thể hiện rất rõ môn học/mô đun được bố trí song song hoặc học trước, học sau môn học/mô đun nào trong CTĐT

(4.1.05 – Các bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt).

Nhà trường, đơn vị đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp (4.3.02 - Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021; 2.2.08 - Hồ sơ khảo sát HSSV)

TT	Đối tượng	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	Giáo viên, CBQL	2019	Số phiếu: 34	0	0	0	1	33
			Tỷ lệ %				2,9%	97,1%
		2020	Số phiếu: 33	0	0	0	1	32
			Tỷ lệ %				3%	97%
		2021	Số phiếu: 33	0	0	3	1	29
			Tỷ lệ %			9,1%	3%	87,9%
2022	Số phiếu: 33	0	0	1	3	29		
	Tỷ lệ %			3%	9,1%	87,9%		
2	HSSV	2019	Số phiếu: 36	0	0	1	3	32

		Tỷ lệ %			2,78%	8,33%	88,89%
2020	Số phiếu: 32	0	0	0	2	30	
	Tỷ lệ %				6,25%	93,75	
2021	Số phiếu: 24	0	0	1	1	22	
	Tỷ lệ %			4,17%	4,17%	91,66%	
2022	Số phiếu: 40	0	0	1	6	33	
	Tỷ lệ %	0	0	2,5%	15%	82,5%	

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Yêu cầu về cơ sở vật chất trong chương trình đào tạo:

Căn cứ mẫu quy định tại phụ lục 02, phụ lục 03 kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐBXH, tại mục IV. Điều kiện thực hiện môn học/mô đun có quy định rõ các nội dung: Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng; trang thiết bị máy móc; học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu; các điều kiện khác. Căn cứ vào các nội dung quy định, đối với từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đều thể hiện được những yêu cầu về cơ sở vật chất cụ thể:

Trong nội dung chi tiết của chương trình đào tạo đã nêu rõ những yêu cầu về điều kiện để thực hiện chương trình đối với từng mô đun/môn học đảm bảo cho việc triển khai thực hiện chương trình đào tạo có chất lượng. Cụ thể, đối với mỗi mô đun/môn học, trong Mục IV – Điều kiện thực hiện mô đun/môn học có:

- Yêu cầu về phòng học chuyên môn hoá/nhà xưởng
- Yêu cầu về trang thiết bị, máy móc
- Yêu cầu về học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu
- Yêu cầu về giáo viên.
- Các yêu cầu khác tùy theo điều kiện đặc thù của mô đun/môn học

Các yêu cầu về điều kiện thực hiện trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí của Trường cũng phù hợp với yêu cầu về định mức

thiết bị nghề và định mức vật tư nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ Cao đẳng ban hành theo Thông tư số 24/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về định mức kinh tế, kỹ thuật cho nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

Trong chương trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí có 21 mô đun chuyên ngành có sử dụng cơ sở vật chất đầy đủ đáp ứng được tiêu chuẩn giảng dạy được thể hiện ở mục số IV của chương trình đào tạo bao gồm yêu cầu về vật tư, trang thiết bị dạy học đào tạo phục vụ giảng dạy của môn đun đó.

Trong đó có 11 mô đun sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng, đảm bảo trên 50% các mô đun/môn học chuyên môn ngành, nghề có sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng như: Phần mềm mô phỏng hệ thống lạnh điều hoà không khí, Phần mềm mô phỏng mạch điện....

Qua các ý kiến đánh giá, góp ý của các đối tượng liên quan khi xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo thì Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đã thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng (4.1.05 – Bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt; 4.5.01 – Kế hoạch phân bổ phòng học các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 4.5.02 – Dự trù nguyên vật liệu thực tập nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 4.5.03 – Danh sách tổng hợp danh mục các thiết bị và phần mềm mô phỏng phục giảng dạy).

Căn cứ vào số giờ thực tế phân bổ cho từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo; căn cứ vào vị trí, tính chất của từng mô học mô đun (các môn học chung; môn học/mô đun cơ sở; môn học/mô đun chuyên môn nghề) Khoa sẽ tính toán, dự kiến số lượng giáo viên phù hợp (theo chuyên ngành đào tạo của giáo viên) để xây dựng kế hoạch giáo viên cho từng học kỳ, năm học.

(2.2.02 - Kế hoạch giáo viên năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.03 - Thời khóa biểu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.04 - Lịch giảng dạy của giáo viên).

Nhà trường, đơn vị đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm

bảo chất lượng đào tạo (4.3.02 - Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021)

TT	Đối tượng	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	Giáo viên, CBQL	2019	Số phiếu: 34	0	0	1	3	30
			Tỷ lệ %			2,94%	8,82%	88,24%
		2020	Số phiếu: 33	0	0	1	2	30
			Tỷ lệ %			3%	6,1%	90,9
		2021	Số phiếu: 33	0	0	1	2	30
			Tỷ lệ %			3%	6,1%	90,9
		2022	Số phiếu: 33	0	0	1	2	30
			Tỷ lệ %			3%	6,1%	90,9

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

- Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập.

Trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, nội dung và phương pháp đánh giá được quy định cụ thể tại mục V trong các chương trình môn học, mô đun chi tiết. Trong đó:

Nội dung đánh giá bao gồm: Kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Phương pháp đánh giá: Thực hiện đánh giá theo quá trình. Kết thúc các nội dung chương đối với các môn lý thuyết; bài đối với các mô đun thực hành, trong chương trình đào tạo đều có quy định số giờ kiểm tra/thi. Kết thúc môn học/mô đun, trong chương trình đào tạo đều có quy định thời gian thi/kiểm tra.

Hình thức thi/kiểm tra: Đối với nội dung đánh giá năng lực kiến thức của người học, chương trình quy định hình thức thi/kiểm tra viết hoặc vấn đáp. Các bài thi viết kết hợp cả phương pháp trắc nghiệm và tự luận. Đối với nội dung thi thực hành, yêu cầu người học hoàn thành một sản phẩm theo nội dung đã luyện tập trong bài học; hoàn thành sản phẩm tổng hợp đối với bài thi kết thúc mô đun. Nội dung bài thi, trong thang điểm, ngoài nội dung đánh giá về kiến thức, kỹ năng còn quy

định điểm đánh giá năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học. Các nội dung đánh giá về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học đều dựa trên mục tiêu của từng bài học, mục tiêu của từng môn học/mô đun làm cơ sở xác định năng lực của người học sau khi học xong môn học, mô đun.

Đối với nội dung thi tốt nghiệp:

- HSSV phải học hết chương trình đào tạo và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

Các hình thức thi có thể áp dụng:

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian	Địa điểm
1	Chính trị	- Viết - Trắc nghiệm	120' 60'	Tại trường
2	Kiểm tra kiến thức, kỹ năng nghề (Chọn a + b hoặc chọn c)			
a	Lý thuyết nghề	- Viết/ Trắc nghiệm. - Vấn đáp(chuẩn bị 40'+ trả lời 20')	≤ 180' 60'	Tại trường
b	Thực hành nghề	Bài thi thực hành: Kỹ năng tổng hợp để hoàn thành 1 nhiệm vụ đạt trình độ CĐN	Không quá 24h	Tại trường
c	Mô đun tốt nghiệp (tích hợp)	Bài Lý thuyết + Thực hành	Không quá 24h	Tại trường

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định .

(4.1.05 – Các bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt; 4.6.01 - Các bộ đề thi kết thúc MH/MĐ; 4.6.02 -Các bộ đề thi tốt nghiệp).

Nhà trường, đơn vị đã thực hiện việc lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo (4.3.02 - Hồ sơ khảo sát CBVC

- nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021; 2.2.08 - Hồ sơ khảo sát HSSV)

TT	Đối tượng	Năm khảo sát		Mức đánh giá						
				1	2	3	4	5		
1	Giáo viên, CBQL	2019	Số phiếu: 34	0	0	0	2	32		
			Tỷ lệ %				5,9%	94,1%		
		2020	Số phiếu: 33	0	0	1	2	30		
			Tỷ lệ %			3,0%	6,1%	90,9%		
		2021	Số phiếu: 33	0	0	1	2	30		
			Tỷ lệ %			3,0%	6,1%	90,9%		
		2022	Số phiếu: 33	0	0	1	2	30		
			Tỷ lệ %	0	0	3,0%	6,1%	90,9%		
		2	HSSV	2019	Số phiếu: 36	0	0	1	6	29
					Tỷ lệ %			2,77%	16,67	80,56%
2020	Số phiếu: 32			0	0	0	4	28		
	Tỷ lệ %						12,5%	87,5%		
2021	Số phiếu: 24					1	1	22		
	Tỷ lệ %					4,17%	4,17%	91,66		
2022	Số phiếu: 40					1	5	34		
	Tỷ lệ %					2,5%	12,5%	85%		

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt
Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc đào tạo gắn với nhu cầu xã hội luôn được lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo Khoa Điện tử - Điện lạnh rất quan tâm. Vì thế chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí được xây dựng trên cơ sở thu thập thông tin thị trường lao động thành phố Hà Nội, thông tin tuyển dụng của đơn vị sử dụng lao động, thông qua các hoạt động gắn kết với doanh nghiệp về giáo viên thực tập tại doanh nghiệp, các hội thảo tiếp xúc giữa nhà trường với các nhà tuyển dụng (4.7.01 - Nghị quyết HĐND thành phố Hà Nội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành

phố Hà Nội năm 2020; Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về việc phê duyệt chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; 4.7.02 - Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp; 4.7.03 - Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp 2019, 2020, 2021, 2022). Từ đó, nắm bắt nhu cầu của thị trường lao động, của doanh nghiệp, để xây dựng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí cho phù hợp.

Ngoài ra, hàng năm trường đều tổ chức cho nhà giáo giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí tham gia đi thực tế, thực tập tại doanh nghiệp để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cũng như tiếp cận các thay đổi, phát triển trong lĩnh vực nhiệt lạnh để điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp (4.7.04 - Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp hàng năm; 4.7.05 - Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập tại Doanh nghiệp; 4.7.06 - Báo cáo kết quả thực tập tại Doanh nghiệp; 1.1.01- Quyết định ban hành kèm theo danh sách chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí)

- Bộ chương trình gồm nhiều môn học, mô đun có nội dung chuyên môn được chuyên sâu đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất VD như: Hệ thống điều hòa VRV, VRF, Hệ thống điều hòa trung tâm, Hệ thống máy làm đá viên... (học sinh sẽ được sử dụng và bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống nhiệt lạnh có độ tự động hóa cao), Lắp đặt và hiệu chỉnh các hệ thống lạnh dân dụng và thương nghiệp (cung cấp các kiến thức về hệ thống lạnh dân dụng và thương nghiệp, các công nghệ điển hình cho học sinh)....

- Nhà trường sẽ tiếp tục mời nhiều CBGV, các chuyên gia ngoài trường và khảo sát lấy ý kiến của HSSV đã tốt nghiệp khi tham gia xây dựng biên soạn, xây dựng giáo trình đào tạo nghề phù hợp với thực tế sản xuất của các cơ quan doanh nghiệp, dịch vụ, thị trường sử dụng lao động.

(4.1.06 - Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; 2.2.08 - Hồ sơ khảo sát HSSV; 2.6.04 - Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021)

Theo qui định về điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo của nhà trường. Hàng năm, Phòng Đào tạo và các khoa chịu trách nhiệm rà soát bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường nhằm phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong sản

xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình đào tạo cho các nghề của Trường phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp và tuân thủ đúng theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2017 và tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh vào năm 2019 (4.1.01- Các quyết định phê duyệt kế hoạch xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo)

Qua các ý kiến đánh giá, góp ý của các đối tượng liên quan khi xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo thì Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đã đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ trong giai đoạn hiện nay (4.1.06 - Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2020).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mô tả, phân tích nhận .

Căn cứ hướng dẫn tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí được xây dựng định hướng liên thông giữa 2 cấp trình độ trung cấp và cao đẳng nhằm tạo điều kiện cho học sinh trung cấp dễ dàng học tiếp lên trình độ cao đẳng mà không bị trùng, bị khuyết nội dung chương trình học.

Chương trình cao đẳng đều có phần chuyên môn được xây dựng theo hình thức 2 trong 1, gồm 1 phần đào tạo chung cho cả trình độ trung cấp và cao đẳng và một phần nâng cao giành riêng cho trình độ cao đẳng. Cụ thể:

Chương trình Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí điều chỉnh năm 2017, ngoài các môn học chung theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh xã hội; các môn học mô đun chuyên môn gồm 15 MH/MĐ thuộc chương trình trung cấp; 06 chương trình MH/MĐ nâng cao giành riêng cho trình độ cao đẳng. Như vậy để hoàn thành chương trình cao đẳng, người học sẽ phải hoàn thành tổng số 27 MH/MĐ (bao gồm cả các môn học chung, các môn học, mô đun chuyên môn nghề).

Chương trình Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí xây dựng năm 2020, ngoài các môn học chung theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh xã hội; các môn học mô đun chuyên môn từ MH/MĐ 07 đến MH/MĐ 23 thuộc chương trình trung cấp; từ MH/MĐ 24 đến MH/MĐ 28 là chương trình nâng cao giành riêng cho trình độ cao đẳng. Như vậy để hoàn thành chương trình cao đẳng, người học sẽ phải hoàn thành tổng số 27 MH/MĐ (bao gồm cả các môn học chung, các môn học, mô đun chuyên môn nghề).

(4.1.04: Hồ sơ xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp năm 2017; 4.1.05 – Các bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt; 4.1.06: Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2020; 4.1.07: Bộ chương trình đã điều chỉnh năm 2020 kèm theo Quyết định ban hành).

Về chương trình liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học:

Nhà trường chưa liên kết với các cơ sở giáo dục đại học nên chưa có văn bản chấp thuận về việc công nhận chương trình đào tạo do trường xây dựng. Hiện tại, sinh viên cao đẳng của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí khi muốn học lên trình độ đại học vẫn phải tham gia thi đầu vào như học sinh trung học phổ thông hoặc học bổ sung các nội dung theo quy định của các trường Đại học. Do chưa có chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học nên chưa có quy định về công nhận giá trị chuyển đổi, kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành.

Do chương trình đào tạo chưa đảm bảo điều kiện liên thông giữa các cấp trình độ trong hệ thống giáo dục quốc dân nên trường đánh giá tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Điện tử - Điện lạnh có 100% giáo trình cho các môn học, mô đun để phục vụ cho quá trình giảng dạy cũng như học tập của giáo viên và học sinh trong khoa của các hệ đào tạo trung cấp, cao đẳng và hệ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng. Năm 2018 thực hiện sự chỉ đạo của nhà trường, căn cứ vào bộ chương trình đã xây

dựng của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, Khoa đã tổ chức biên soạn hoàn thành các bộ giáo trình theo hướng dẫn tại thông tư 03/2017/TT- BLĐTB XH. Bộ giáo trình gồm:

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp có 06 giáo trình các môn học chung và 13 Giáo trình MH/MĐ chuyên môn, gồm MH/MĐ cơ sở và MĐ chuyên môn. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng có 06 giáo trình các môn học chung và 19 Giáo trình MH/MĐ chuyên môn, gồm MH/MĐ cơ sở và MĐ chuyên môn. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông có 14 Giáo trình, tương ứng với 14 MH/MĐ trong chương trình đào tạo (*không tính các môn học chung*).

100% giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đều do tiểu ban biên soạn của trường xây dựng. Trường không sử dụng các giáo trình lựa chọn của các trường bạn (4.9.01 - *Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình năm 2019*; 4.9.02- *Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019*).

Năm 2020, trên cơ sở rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, hiện nay khoa đang tổ chức rà soát, chỉnh sửa các giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trên cơ sở bộ chương trình đã được điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. Dự kiến các bộ giáo trình sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm học 2022 - 2023.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Việc xây dựng giáo trình đào tạo cho các trình độ nghề Trung cấp và cao Đẳng được thực hiện theo đúng Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành giáo trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Nội dung cụ thể thuộc nội hàm tiêu chuẩn này tương tự như đã mô tả nội hàm tiêu chuẩn 4.1. Vì vậy ở tiêu chuẩn này Trường chỉ bổ sung minh chứng thuộc nội hàm tiêu chuẩn này đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

(4.1.02 - Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm, tiểu ban biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2017; 4.1.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2017; 4.9.01 - Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình năm 2019; 4.9.02 - Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo. Nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

Mô tả, phân tích, nhận định

Các bộ giáo trình của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí được xây dựng theo mẫu tại phụ lục 05 (giáo trình môn học/mô đun) kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Trong từng chương/bài đều chỉ rõ mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm mà người học cần đạt được. Trên cơ sở mục tiêu đề ra, nội dung giáo trình ở từng chương, bài trong mô đun, môn học được cụ thể hóa về nội dung kiến thức, kỹ năng và phù hợp với mục tiêu đề ra.

Nội dung kiến thức được trình bày ngắn gọn, dễ hiểu phù hợp với đối tượng đào tạo. Các nội dung liên quan đến trình bày cấu tạo, nguyên lý, thực hiện các công việc thực hành lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điều hòa, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống máy lạnh, phần lớn đều có hình vẽ rõ ràng và chỉ dẫn cụ thể giúp người đọc dễ hình dung. Các nội dung kiến thức lý thuyết của các mô đun chủ yếu chỉ đề cập đến những kiến thức liên quan cần thiết để thực hiện công việc. Các nội dung kỹ năng được trình bày dưới dạng trình tự thực hiện các công việc theo các bước cụ thể. Mỗi bước đều có chỉ dẫn cách thức thực hiện công việc, các yêu cầu cần đạt được, có các hình vẽ minh họa.; Chỉ ra các sai hỏng thường gặp trong quá trình thực hiện công việc, nguyên nhân và cách phòng tránh. Cuối mỗi bài đều có các bài tập thực hành, bài tập thực hành nâng cao để người học áp dụng. Các bài tập mẫu được trình bày chi tiết để người học dễ vận dụng nội dung lý thuyết vào thực hành. Có các yêu cầu về đánh giá kết quả thực hiện công việc theo bài tập để người học căn cứ vào đó thực hiện.

Với kết cấu nội dung giáo trình như vậy, các giáo trình của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đã được xây dựng theo hướng nội dung kiến thức, kỹ năng phù hợp với đối tượng đào tạo; giáo viên khi giảng dạy dễ áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm như phương pháp nêu vấn đề, thảo luận nhóm, người học chủ động trong việc thực hiện các bài tập thực hành theo nội dung trình tự được thể hiện rõ trong các bài của giáo trình.

Giáo trình mô đun được hội đồng thẩm định đánh giá đạt chất lượng tốt về nội dung và phương pháp thể hiện.

(4.9.01 – Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình năm 2019; 4.9.02- Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019).

Hàng năm, Nhà trường, đơn vị tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động, HSSV về chương trình, giáo trình đào tạo với kết quả phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. (4.3.02 - Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021; 2.2.08 - Hồ sơ khảo sát HSSV)

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Tỷ lệ %						
				HTK ĐY	KĐY	PV	ĐY	HT ĐY		
1	Giáo viên, CBQL	2019	Số phiếu: 34	0	0	01	03	30		
			Tỷ lệ %			2,9%	8,8%	88,2%		
		2020	Số phiếu: 33	0	0	01	02	30		
			Tỷ lệ %			3%	6,1%	90,9		
		2021	Số phiếu: 33	0	0	01	02	30		
			Tỷ lệ %			3%	6,1%	90,9		
		2022	Số phiếu: 33	0	0	0	01	32		
			Tỷ lệ %			0	3%	97		
		2	HSSV	2019	Số phiếu: 36	0	0	0	3	33
					Tỷ lệ %				8,33%	91,67%

2020	Số phiếu: 32	0	0	0	2	30
	Tỷ lệ %				6,25%	93,75
2021	Số phiếu: 24	0	0	1	1	22
	Tỷ lệ %			4,17%	4,17%	91,66%
2022	Số phiếu: 40	0	0	1	5	34
	Tỷ lệ %			2,5%	12,5%	85%

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo, phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc đào tạo gắn với nhu cầu tuyển dụng của Doanh nghiệp luôn được lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo khoa Điện tử - Điện lạnh quan tâm. Vì thế, trước khi ban hành Chương trình đào tạo và giáo trình của nghề thì Khoa đã sắp xếp tổ chức các buổi hội nghị đóng góp ý kiến về giáo trình đào tạo; đặc biệt chú trọng các ý kiến của các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động, bởi đây là những người trực tiếp sử dụng “sản phẩm” đào tạo của Khoa.

Giáo trình được xây dựng dựa trên chương trình đào tạo và sự khảo sát trong thực tế về công nghệ, khoa học và sản xuất kinh doanh dịch vụ. Bộ giáo trình gồm nhiều môn học, mô đun có nội dung chuyên môn được chuyên sâu đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất VD như: Giáo trình Lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp, Lắp đặt, vận hành hệ thống máy lạnh công nghiệp, có độ tự động hóa cao), Giáo trình Lắp đặt mạch điện cơ bản, Thực hành cơ bản thiết bị lạnh, Bảo dưỡng sửa chữa điều hòa không khí ô tô (cung cấp các kiến thức về lắp đặt mạch điện và hệ thống lạnh theo các công nghệ điển hình cho học sinh)...

Bên cạnh các giáo trình mang tính chất lập trình tự động hóa cao thì cũng có các giáo trình thể hiện tính kỹ thuật để phù hợp với mọi khía cạnh trong công nghệ sản xuất. VD như giáo trình: Lắp đặt, sửa chữa hệ thống điều hoà không khí cục bộ, Lắp đặt, vận hành hệ thống điều hoà không khí trung tâm (giúp học sinh vững vàng

trong việc thiết kế, lắp đặt, sửa chữa các hệ thống máy lạnh trong công nghiệp mang tính kỹ thuật cao).

Để đáp ứng được các loại hình dịch vụ vừa và nhỏ như sửa chữa, tính toán, thi công lắp đặt thì nội dung của giáo trình như Lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp... là rất cần thiết.

- Nội dung của các môn học/ mô đun trong bộ giáo trình giúp cho học sinh từng bước hoàn thiện từ kiến thức lý thuyết đến kỹ năng thực hành, từ kỹ năng thiết kế, sửa chữa, lắp đặt, bảo dưỡng nhằm đáp ứng được mọi khía cạnh phù hợp với công nghệ sản xuất, kinh doanh dịch vụ mà xã hội đang cần.

Định kỳ hàng năm nhà trường đều có cập nhật, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với thực tiễn cũng như đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động.

Các ý kiến của các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động sẽ rất sát với thực tế, đồng thời giúp cho Khoa định hướng đúng về công tác xây dựng giáo trình có nội dung phù hợp với thực tế và công nghệ trong sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

(4.9.01 - Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình; 4.9.02 - Các quyết định phê duyệt ban hành kèm theo danh sách giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí).

Định kỳ hàng năm nhà trường đều có cập nhật, điều chỉnh CTĐT, giáo trình cho phù hợp với thực tiễn cũng như đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động. Hàng năm, nhà trường cũng thực hiện thu thập ý kiến đánh giá, góp ý của các đơn vị sử dụng lao động, cựu HSSV đã đi làm về chất lượng đào tạo, trong đó có nội dung đánh giá sự phù hợp của chương trình, giáo trình với thực tế sản xuất. Đa số ý kiến đánh giá nhận xét mức độ phù hợp của các giáo trình nhà trường nói chung và giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí nói riêng đáp ứng được yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở thời điểm hiện nay *(4.3.02 - Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 2.2.08 - Hồ sơ khảo sát HSSV).*

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát	Tỷ lệ %					
			HTK ĐY	KĐY	PV	ĐY	HT ĐY	
1	HSSV	2019	Số phiếu: 36	0	0	0	4	32
			Tỷ lệ %				11,11%	88,89%
		2020	Số phiếu: 32	0	0	0	5	27

			Tỷ lệ %				15,63%	84,37%
		2021	Số phiếu: 24	0	0	0	3	21
			Tỷ lệ %				12,5%	87,5%
		2022	Số phiếu: 40	0	0	0	5	35
			Tỷ lệ %				12,5%	87,5%
2	GV	2019	Số phiếu: 34	0	0	0	2	32
			Tỷ lệ %				5,9%	94,1%
		2020	Số phiếu: 33	0	0	1	1	31
			Tỷ lệ %			3%	3%	94%
		2021	Số phiếu: 33	0	0	1	1	31
			Tỷ lệ %			3%	3%	94%
		2022	Số phiếu: 33	0	0	1	1	31
			Tỷ lệ %			3%	3%	94%

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 2 điểm

TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu:

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí của trường được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt ngành, nghề trọng điểm khu vực; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025. Theo đó nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí là nghề được lựa chọn đầu tư đáp ứng chuẩn khu vực (nghề trọng điểm khu vực), vì vậy được ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và an toàn lao động và nguồn ngân sách của Bộ hàng năm.

Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đảm bảo quy chuẩn xây dựng và đáp ứng được yêu cầu đào tạo cả về quy mô và các điều kiện học tập.

Hệ thống thiết bị đào tạo được đầu tư tương đối đồng bộ, hiện đại; đáp ứng được danh mục, chủng loại thiết bị theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về danh mục, chủng loại thiết bị tối thiểu theo phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và Xã hội; đáp ứng được tiêu chuẩn thiết bị; đáp ứng yêu cầu và quy mô đào tạo.

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí theo 04 phòng học chuyên môn hóa để phù hợp với các môn học, mô đun và khai thác có hiệu quả, đúng công năng của thiết bị. Tại các phòng thực hành chuyên môn hóa, thiết bị được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Khoa Điện tử điện lạnh được bố trí kho riêng để bảo quản, cấp phát nguyên vật liệu phục vụ cho việc thực tập của học sinh sinh viên. Kho được trang bị giá, kệ bảo quản, đảm bảo các điều kiện thông gió, ánh sáng và vệ sinh công nghiệp. Việc quản lý, cấp phát vật tư đảm bảo đủ, kịp thời theo tiến độ đào tạo của từng mô đun.

Hệ thống thư viện sử dụng chung với thư viện của trường, đáp ứng các tiêu chuẩn thư viện, có thư viện điện tử; đảm bảo số đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, học tập của nhà giáo và học sinh sinh viên..

** Những điểm mạnh:*

Hệ thống phòng học, xưởng thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí được đầu tư theo các tiêu chuẩn tiếp cận trình độ khu vực, đảm bảo các tiêu chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Danh mục thiết bị về số lượng và chủng loại đáp ứng đủ theo phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và Xã hội;

Hệ thống thiết bị được bố trí, sắp xếp thành các phòng học thực hành chuyên môn theo tiêu chuẩn 5S

Trường có thư viện điện tử; các bộ chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo được cập nhật đầy đủ trên thư viện điện tử thuận tiện cho việc tra cứu, tham khảo.

** Những tồn tại:*

Số lượng thiết bị của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí chưa đáp ứng quy định tại phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và Xã hội;

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa Điện tử điện lạnh sẽ tiến hành rà soát và đề nghị Nhà trường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng sự thay đổi cập nhật của chương trình đào tạo.

Khoa tiếp tục duy trì và thực hiện triệt để việc bố trí, sắp xếp và sử dụng dụng cụ, thiết bị tại các phòng học thực hành chuyên môn theo tiêu chuẩn 5S.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	00
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nghề nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí của trường là nghề được lựa chọn quy hoạch đầu tư tiếp cận trình độ khu vực, nghề được đầu tư hệ thống xưởng thực hành với các trang thiết bị hiện đại, sắp xếp, lắp đặt theo các phòng thực hành chuyên môn hóa đảm bảo đạt các tiêu chuẩn quy định.

Khoa Điện tử - Điện lạnh được bố trí các phòng học lý thuyết chung tại khu giảng đường A. Khu giảng đường A1 5 tầng được xây dựng theo quy hoạch chung của Trường, tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9210:2012 - Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế. Nghiệm thu và đưa vào sử dụng từ năm 2010. Tất cả các phòng được Nhà trường sử dụng là khu giảng đường với tổng số 14 phòng học lý thuyết chung có diện tích các phòng từ 51 m² - 108 m². Đối chiếu với quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội các phòng học của Trường đáp ứng quy chuẩn xây dựng.

Các môn học lý thuyết các môn học chung được học chung tại các phòng học lý thuyết, ở khu giảng đường nhà A của trường theo sự bố trí các phòng học trong thời khoá biểu của phòng Đào tạo. Các phòng học được thiết kế 1 hoặc 2 cửa ra vào theo qui chuẩn, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học sinh, bục giảng giáo viên được bố trí ngăn nắp, khoa học và đảm bảo khoảng cách qui định, hệ thống thông gió, ánh sáng, phòng cháy chữa cháy của phòng học theo qui chuẩn hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và phù hợp với số lượng học sinh, sinh viên đang đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm. Bên cạnh đó mỗi phòng học đều được trang bị lắp đặt hệ thống máy chiếu đa năng phục vụ công tác giảng dạy.

Khoa Điện tử - Điện lạnh có 4 xưởng thực hành chuyên môn hóa của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được bố trí liền nhau tại tầng 4 khu xưởng thực hành nhà 4 tầng A2 được xây dựng theo quy hoạch chung của trường, tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9210:2012 - Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế. Được bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2010. Mỗi xưởng có diện tích 180 m² có các công năng: Học phần hướng dẫn ban đầu (các bài thực hành, tích hợp); khu vực thực tập của sinh viên; kho để nguyên vật liệu thực hành.

Đối với xưởng thực hành, hiện tại khoa Điện tử điện lạnh được phân sử dụng và quản lý hệ thống xưởng thực hành của nghề nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí gồm 04 xưởng thực hành được chuyên môn hoá theo từng xưởng, có thiết kế theo tiêu chuẩn dạy tích hợp, trong mỗi xưởng có phòng học lý thuyết, khu vực

thực hành, phòng giáo viên, phòng kho chứa thiết bị, nhà vệ sinh khép kín đảm bảo cho điều kiện dạy tích hợp.

Qua số liệu thiết kế các phòng học lý thuyết và xưởng thực hành của nghề nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đều đảm bảo diện tích lớn hơn diện tích tối thiểu (52,5 m² đối với phòng học lý thuyết và 72 m² đối với xưởng thực hành).

+ Xưởng thực hành Điện lạnh cơ bản: đào tạo các môn học/mô đun như: Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và ĐHKK, Vật liệu điện lạnh, An toàn lao động, điện- lạnh và vệ sinh công nghiệp, Đo lường điện - lạnh, Thực hành cơ bản thiết bị lạnh

+ Xưởng thực hành Điện lạnh dân dụng và thương mại: đào tạo các môn học/mô đun như: Lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp, Thiết kế lắp đặt hệ thống máy lạnh, Lắp đặt, sửa chữa hệ thống điều hoà không khí cục bộ.

+ Xưởng thực hành Điều hòa không khí trung tâm: đào tạo các môn học/mô đun như: Lắp đặt, vận hành hệ thống điều hoà không khí trung tâm, .

+ Xưởng thực hành Máy lạnh Công nghiệp: đào tạo các môn học/mô đun như: Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống ĐHKK, Bảo dưỡng sửa chữa điều hoà không khí ô tô.

Các công trình xây dựng được thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế, các công trình được lắp đặt đầy đủ hệ thống điện, nước đảm bảo tiêu chuẩn về chiếu sáng, với hệ thống quạt thông gió, quạt điện công nghiệp, quạt hơi nước đảm bảo điều kiện thoáng mát, đã có phòng được trang bị máy điều hoà đảm bảo phục vụ tốt việc học tập và giảng dạy.

Tất cả các phòng học, xưởng thực hành, và phòng học chuyên môn hóa đều đáp ứng đầy đủ các yêu cầu công nghệ thiết bị đào tạo, đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn như:

- Đảm bảo về diện tích và chiều cao;
- Các phòng học của các lớp cùng năm học, cùng khoa, bộ môn đặt gần nhau;
- Đảm bảo ngăn cách với các phòng có nguồn gây tiếng ồn hoặc có mùi vị;
- Đảm bảo khoảng cách giữa các thiết bị và cách bố trí trang thiết bị;
- Các xưởng có chỗ làm việc của người phụ trách; có chỗ để dụng cụ, đồ nghề, vật liệu; có chỗ lên lớp lý thuyết trước khi thực hành và chỗ đặt máy móc, thiết bị

và thực hành, có đầy đủ nội quy, quy định về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

BẢNG THỐNG KÊ CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

STT	PHÒNG CHỨC NĂNG	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	MÔN HỌC/ MÔ ĐUN ĐÀO TẠO	GHI CHÚ
1	Xưởng thực hành Điện lạnh cơ bản	1	180m ²	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và ĐHKK, Vật liệu điện lạnh, An toàn lao động, điện-lạnh và vệ sinh công nghiệp, Đo lường điện - lạnh, Thực hành cơ bản thiết bị lạnh	Tương ứng với các phòng theo phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐT BXH Phòng kỹ thuật cơ sở + Phòng thực hành lạnh cơ bản
2	Xưởng thực hành Điện lạnh dân dụng và thương mại	1	180m ²	Lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp, Thiết kế lắp đặt hệ thống máy lạnh, Lắp đặt, sửa chữa hệ thống điều hoà không khí cục bộ.	Tương ứng với các phòng theo phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐT BXH Phòng thực hành điều hoà không khí dân dụng và thương mại + Phòng thực hành máy lạnh dân dụng và thương mại
3	Xưởng thực hành Điều hoà không khí trung tâm	1	180m ²	Lắp đặt, vận hành hệ thống điều hoà không khí trung tâm,	Tương ứng với các phòng theo phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐT BXH Phòng thực hành điều hoà không khí trung tâm
4	Xưởng thực hành Máy lạnh Công nghiệp	1	180m ²	Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống ĐHKK, Bảo dưỡng sửa chữa	Tương ứng với các phòng theo phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐT BXH

				điều hòa không khí ô tô.	Phòng thực hành máy lạnh công nghiệp
5	Xưởng thực hành cơ khí	1	180m ²	Thực tập hàn	Tương ứng với các phòng theo phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐT BXH Phòng thực hành cơ khí
6	Phòng thực hành máy vi tính	1	51m ²	Tin học	Tương ứng với các phòng theo phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐT BXH Phòng thực hành máy vi tính
7	Phòng ngoại ngữ	1	51m ²	Ngoại ngữ(Anh văn) Tiếng anh chuyên ngành	Tương ứng với các phòng theo phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐT BXH Phòng ngoại ngữ
8	Phòng thực hành điện - điện tử	1	180m ²	Thực hành Điện tử chuyên ngành	Tương ứng với các phòng theo phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐT BXH Phòng thực hành điện - điện tử

Đối chiếu với quy định về tiêu chuẩn diện tích các phòng học chuyên môn tại Thông tư số 38/2018/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội các phòng học, xưởng thực hành của trường đáp ứng quy chuẩn xây dựng (5.1.01 - Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công; 5.1.02 - Bảng thống kê các phòng học, giảng đường, phòng xưởng thực hành; 5.1.03 - Bảng thống kê các phòng học, giảng đường, phòng chuyên môn hóa, xưởng thực hành, kho; 5.1.04 - Quyết định giao tài sản (thiết bị, dụng cụ) nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí).

Căn cứ kế hoạch đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trong các năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022, năm học 2020 - 2021 là năm có số lớp cao đẳng nhiều nhất (57 sinh viên); diện tích /người học = $180 * 4/57 = 12,63\text{m}^2/\text{người học}$. Như vậy đối chiếu với quy định tại Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 diện tích phòng/xưởng thực hành đáp ứng tối thiểu $5,5\text{m}^2/\text{chỗ học}$ Số lượng, diện tích các phòng thực hành chuyên môn đáp ứng được yêu cầu đào tạo tại thời điểm lưu

lượng sinh viên thực hành tại xưởng là cao nhất (2.2.01 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo; 2.2.02 - Kế hoạch giáo viên; 2.2.03 - Thời khóa biểu; 2.1.07 - Quyết định biên chế các lớp học sinh của các năm học năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021, 2021-2022).

Ngoài các xưởng thực hành chuyên môn, khoa Điện tử - Điện lạnh sử dụng 01 phòng học ngoại ngữ, 01 Phòng thực hành máy vi tính, 01 Xưởng thực hành cơ khí (phòng thực hành qua ban các nghề cơ khí) được Nhà trường bố trí dùng chung với các nghề khác theo kế hoạch đào tạo. Đối chiếu với quy định tại phụ lục 13B Thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về số lượng các phòng học sử dụng đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, trường có đủ số phòng học theo quy định.

Các xưởng thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí cũng được bố trí cùng tầng 4 của tòa nhà, đảm bảo thuận lợi khi tổ chức giảng dạy, học tập. Các công trình có kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đủ và đúng quy chuẩn, đảm bảo lấy ánh sáng tự nhiên tối đa. Các xưởng thực hành đều có bố trí đèn chiếu sáng, quạt đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng để học sinh sinh viên học tập, thực hành. Tất cả các phòng học, xưởng thực hành đều bố trí hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định; được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra định kỳ (5.1.05 - Hồ sơ thiết kế cơ sở phòng cháy chữa cháy)

Trường có trạm biến áp 800KVA/0,4KV, hệ thống truyền tải, cung cấp điện từ trạm biến áp đến các khu vực phục vụ trong Nhà trường được thiết kế, xây dựng bằng hệ thống dây cáp điện đi chìm đảm bảo an toàn và mỹ quan trong Trường. Hệ thống điện tại các xưởng thực hành được thiết kế, bố trí các thiết bị hợp lý đảm bảo an toàn, từ tủ cung cấp tổng. Hệ thống tủ động lực sử dụng cấp nguồn cho học sinh thực hành được bố trí riêng và qua nhiều cấp bảo vệ để đảm bảo an toàn cho người và thiết bị (5.1.06 - Hồ sơ thiết kế cơ sở kiến trúc kết cấu điện nước; 5.1.07 - Hợp đồng mua bán điện).

Hệ thống cung cấp nước sạch, Báo cáo của Trường mô tả: “Hệ thống cấp nước cho học tập, thực hành và sinh hoạt tại các xưởng thực hành của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được thiết kế đảm bảo theo các quy định trong TCVN 4513, lưu lượng cho nhu cầu học tập và thực hành; lưu lượng cho nhu cầu sinh hoạt ở các nhà học, xưởng thực hành và khu nội trú được đảm bảo theo qui định thiết kế. Hệ thống cấp nước sạch của thành phố Hà Nội được đầu nối trực tiếp với bể chứa trung tâm có thể tích hơn 100m³ và trạm bơm để bơm nước sinh hoạt lên các bể chứa trên tòa nhà A2 trên tòa nhà A2 có 02 bể chứa mỗi bể hơn 5m³ và cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy của Nhà trường. Nước dùng chung cho sinh hoạt, học tập, thí nghiệm và thực hành được thiết kế đảm bảo tuân theo các quy định trong TCVN 7957:2008 và TCVN 4474. Hệ thống nước thải của

Nhà trường được thiết kế và xây dựng đúng theo các tiêu chuẩn của nhà nước, Nhà trường không có nước thải độc hại xả ra môi trường (5.1.08.Hợp đồng dịch vụ cấp nước cơ quan, doanh nghiệp). Hàng năm, Trường có báo cáo việc sử dụng hệ thống cơ sở vật chất gửi Bộ Lao động Thương binh Xã hội Sở Lao động thương binh Xã hội thành phố Hà Nội để theo dõi. Báo cáo có thống kê các số liệu cơ sở vật chất của các nghề trường đào tạo. Nhà trường đã thực hiện khảo sát đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, học sinh sinh viên bằng hình thức phiếu khảo sát trong đó có nội dung liên quan đến nội hàm tiêu chuẩn 5.1.

Nhà trường đã thực hiện khảo sát đội ngũ nhà giáo, học sinh về nội dung: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. Tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
I	Nhà giáo, CBQL											
1	2019	34					2	5.9	2	5.9	30	88.2
2	2020	33					2	6.1	1	3.0	30	90.9
3	2021	33					2	6.1	1	3.0	30	90.9
4	2022	33					1	3.0	1	3.0	31	93.9
II	Người học											
1	2019	36					0	0	3	8.33	33	91.67
2	2020	32					0	0	2	6.25	30	93.75
3	2021	24					0	0	4	16.67	20	83.33
4	2022	40					0	0	4	10	36	90

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí xây dựng năm 2017 của trường gồm 21 môn học, mô đun chuyên môn nghề (1.1.04 – Quyết định ban hành chương trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, chương trình chi tiết kèm theo).

Căn cứ vào nội hàm tiêu chuẩn, Trường tổng hợp chủng loại thiết bị theo quy định trong các môn học, mô đun thuộc chương trình đào tạo gồm 211 chủng loại thiết bị.

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí của là một trong các nghề trọng điểm được đầu tư trở thành nghề cấp độ khu vực, được nhà trường quan tâm đầu tư từ nhiều nguồn khác nhau. Thiết bị nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí của Trường hiện đáp ứng tốt theo danh mục thiết bị đào tạo tại Phụ lục 13B – Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 27/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LƯỢNG CHỦNG LOẠI THIẾT BỊ DẠY NGHỀ HIỆN CÓ CỦA NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ VỚI DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THEO PHỤ LỤC 13B THÔNG TƯ 27/2019/TT-BLĐTBXH

STT	TÊN CÁC PHÒNG THEO THÔNG TƯ 27/2019/TT-BLĐTBXH	CHUNG LOẠI THIẾT BỊ THEO THÔNG TƯ 27/2019/TT-BLĐTBXH	TÊN CÁC PHÒNG, TRƯỜNG HIỆN CÓ	CHUNG LOẠI THIẾT BỊ TRƯỜNG HIỆN CÓ	GHI CHÚ
1	Phòng kỹ thuật cơ sở	14	Xưởng thực hành Điện lạnh cơ bản	14	
2	Phòng thực hành máy vi tính	12	Phòng thực hành máy vi tính	12	
3	Phòng ngoại ngữ	9	Phòng ngoại ngữ	9	
4	Phòng thực hành cơ khí	20	Xưởng thực hành cơ khí	20	
5	Phòng thực hành điện - điện tử	17	Xưởng thực hành điện - điện tử	18	
6	Phòng thực hành lạnh cơ bản	38	Xưởng thực hành Điện lạnh cơ bản	41	
7	Phòng thực hành điều hòa không khí dân dụng và thương mại	28	Xưởng thực hành Điện lạnh dân dụng và thương mại	34	
8	Phòng thực hành điều hòa không khí trung tâm	25	Xưởng thực hành Điều hòa không khí trung tâm	25	
9	Phòng thực hành máy lạnh dân dụng và thương mại	24	Xưởng thực hành Điện lạnh dân dụng và thương mại	26	
10	Phòng thực hành máy lạnh công nghiệp	26	Xưởng thực hành Máy lạnh Công nghiệp	29	
TỔNG					

Đối chiếu hai số liệu trên, Trường đủ chủng loại thiết bị để đáp ứng yêu cầu đào tạo; không có MH/MĐ nào ko có thiết bị đào tạo.

(5.2.01 – Hồ sơ quản lý thiết bị của Khoa Điện tử điện lạnh; 5.2.02 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề hiện có của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không

khí với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH).

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện công tác kiểm kê tài sản, báo cáo Hiệu trưởng về công tác quản lý theo dõi tài sản cố định, từ đó có những đề xuất biện pháp bổ sung, điều chuyển thiết bị đào tạo phù hợp hoạt động của Nhà trường nói chung và yêu cầu của các chương trình đào tạo nói riêng (5.2.03 - Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019, 2020, 2021).

Qua khảo sát đánh giá của nhà giáo và người học liên quan đến các hoạt động đào tạo, trong đó có đánh giá về việc đáp ứng của thiết bị đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, các ý kiến đánh giá đều nhận xét chung loại, số lượng thiết bị nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong chương trình đào tạo giai đoạn hiện nay

Nhà trường thực hiện khảo sát đội ngũ nhà giáo, học sinh về nội dung: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	2019	34					1	2.9	1	2.9	32	94.2
2	2020	33					2	6.1	1	3.0	30	90.9
3	2021	33					2	6.1	1	3.0	30	90.9
4	2022	33					1	3.0	2	6.1	30	90.9

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm gần đây, số lượng học sinh có nhu cầu đăng ký tham gia học nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đang có xu hướng tăng. Với hệ thống trang thiết bị hiện đại, đa dạng về chủng loại. Nhưng vấn đề đặt ra cho Khoa và giáo viên giảng dạy tại các môn học, mô đun, chính là số lượng trang thiết bị hiện có đang còn hạn chế.

Để khắc phục tình trạng này, với số lượng trang thiết bị của một số môn học, mô đun chính, hiện có như:

+ Trang thiết bị phục vụ các môn học, mô đun Lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp, Lắp đặt, vận hành hệ thống máy lạnh công nghiệp, Thiết kế lắp đặt hệ thống máy lạnh, Lắp đặt, sửa chữa hệ thống điều hoà không khí cục bộ,... Các thiết bị đều đáp ứng đúng và đủ theo yêu cầu tối thiểu của nghề. Và đáp ứng đủ cho 18 học sinh sinh viên tham gia học tập.

Khoa điện tử điện lạnh tiến hành bố trí các thiết bị chính với số lượng từ 6 đến 10 mô đun thực hành /phòng để đảm bảo điều kiện thực tập cho từ 3 đến 5 học sinh /nhóm/mô đun thiết bị chính. Và đảm bảo mỗi HSSV đều phải thực hiện tối thiểu một lần thực hành hoàn chỉnh bài.

Đặc biệt, hiện tại khoa điện tử điện lạnh đang thực hiện chia các ca học trong ngày, ca sáng và ca chiều để đảm bảo việc khai thác sử dụng trang thiết bị được hiệu quả ngay cả khi số lượng học sinh trong lớp có vượt tới 25 đến 27 học sinh. Với số lượng trang thiết bị của một số mô đun chính của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí như: Lắp đặt, vận hành hệ thống điều hoà không khí trung tâm, Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống ĐHKK, Bảo dưỡng sửa chữa điều hoà không khí ô tô ... cơ bản đều đáp ứng số lượng trang thiết bị theo yêu cầu của môn học, mô đun và yêu cầu của HSSV.

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LƯỢNG THIẾT BỊ DẠY NGHỀ HIỆN CÓ CỦA NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ VỚI DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THÔNG TƯ 27/2019/TT-BLĐTBXH

TT	Tên các phòng theo Thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH	Số lượng thiết bị theo Thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH		Tên các phòng, Trường hiện có	Chủng loại thiết bị Trường hiện có	
		Chủng loại	Số lượng		Chủng loại	Số lượng
1	Phòng kỹ thuật cơ sở	14	19	Xưởng thực hành Điện lạnh cơ bản	14	39
2	Phòng thực hành máy vi tính	12	35	Phòng thực hành máy vi tính	12	35
3	Phòng ngoại ngữ	9	45	Phòng ngoại ngữ	9	45
4	Phòng thực hành cơ khí	20	106	Xưởng thực hành cơ khí	20	106
5	Phòng thực hành điện - điện tử	17	103	Xưởng thực hành điện - điện tử	18	118
6	Phòng thực hành lạnh cơ bản	38	92	Xưởng thực hành Điện lạnh cơ bản	41	258
7	Phòng thực hành điều hoà không khí dân dụng và thương mại	28	76	Xưởng thực hành Điện lạnh dân dụng và thương mại	34	99
8	Phòng thực hành điều hoà không khí trung tâm	25	56	Xưởng thực hành Điều hoà không khí trung tâm	25	58

TT	Tên các phòng theo Thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH	Số lượng thiết bị theo Thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH		Tên các phòng, Trường hiện có	Chủng loại thiết bị Trường hiện có	
		Chủng loại	Số lượng		Chủng loại	Số lượng
9	Phòng thực hành máy lạnh dân dụng và thương mại	24	67	Xưởng thực hành Điện lạnh dân dụng và thương mại	26	59
10	Phòng thực hành máy lạnh công nghiệp	26	54	Xưởng thực hành Máy lạnh Công nghiệp	29	56
TỔNG						

Căn cứ danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí với danh mục thiết bị đào tạo theo quy định do Bộ LĐ-TB & XH ban hành, đồng thời căn cứ số lượng HSSV tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành, cho thấy thiết bị đào tạo đảm bảo đáp ứng đủ danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo và đáp ứng tốt các yêu cầu của môn học, mô đun.

Tuy nhiên một số thiết bị về số lượng còn thiếu, Nhà trường sẽ bổ xung trong giai đoạn từ 2022 đến 2025.

(2.2.01 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo năm học 2018 -2019 đến 2020 - 2021; 2.2.02 - Kế hoạch giáo viên năm học 2018 -2019 đến 2020 - 2021; 2.2.03 - Thời khóa biểu năm học 2018 -2019 đến 2020 - 2021; 2.2.04 - Lịch giảng dạy của giáo viên năm học 2018 -2019 đến 2020 - 2021; 5.2.01 – Hồ sơ quản lý thiết bị của Khoa Điện tử điện lạnh; 5.2.02 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề hiện có của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH; 5.2.03 – Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019, 2020,2021; 5.3.01 - Bảng tổng hợp số lượng HSSV giai đoạn 2019 – 2022 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; 5.3.02 – Danh mục các thiết bị của các phòng học chuyên môn của khoa).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh

công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, các thiết bị đào tạo được sắp xếp, lắp đặt tại các xưởng thực hành. Việc bố trí các trang thiết bị đào tạo này dựa trên các tiêu chí quy định đối với từng nhóm, lĩnh vực ngành nghề để đảm bảo tính hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

** Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường;*

Các thiết bị xưởng thực hành được bố trí theo sơ đồ thiết kế đặc thù từng phòng chuyên môn của nghề.

Đặc điểm thiết bị đào tạo của nghề nhỏ, gọn, chiếm ít diện tích. Nhiều thiết bị được đầu tư dưới dạng mô hình, các bàn thực hành, các mô đun thực hành tích hợp nhiều tính năng, có thể lắp đặt trên các bàn hoặc các giá đỡ có thể di chuyển đến các vị trí khác nhau. Từ những đặc điểm trên, khoa chuyên môn đã phân loại các nhóm thiết bị chính căn cứ vào nội dung chương trình đào tạo của các môn học, mô đun chuyên môn nghề để sắp xếp theo hệ thống các phòng thực hành chuyên môn hóa đủ điều kiện về số lượng và chủng loại thiết bị cho các mô đun với phương pháp đào tạo tích hợp vừa học lý thuyết vừa thực hành. Căn cứ số lượng trang thiết bị hiện có, khoa chuyên môn bố trí các thiết bị chính với số lượng từ 6 đến 10 mô đun thực hành /phòng để đảm bảo điều kiện thực tập cho từ 3 đến 5 học sinh /nhóm/mô đun thiết bị chính. Mặt khác với số lượng thiết bị chính như vậy nhằm đảm bảo khoảng cách hợp lý giữa các thiết bị, đảm bảo các yêu cầu về sư phạm, tính thẩm mỹ, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, thực hành, vận hành và sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị máy móc; vệ sinh công nghiệp sau mỗi ca thực tập.

(5.4.01 – Sơ đồ bố trí các phòng học, xưởng thực hành của khoa; 5.4.02- Bộ ảnh chụp xưởng thực hành của khoa)

** Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.*

- Việc quản lý trang thiết bị được giao cho các nhân quản lý tại Khoa điện tử điện lạnh phụ trách, với nhiệm vụ lập dự trù vật tư, theo dõi, rà soát các trang thiết bị hiện có để kịp thời có phương án đề xuất bổ sung, sửa chữa, thay thế. Với danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng lớn, hiện tại những trang thiết bị phục vụ chương trình đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí được Khoa Điện

tử điện lạnh quản lý đảm bảo đáp ứng được yêu cầu, các trang thiết bị, dụng cụ tại đơn vị được mã hoá giúp cho việc quản lý được đơn giản hoá và lưu trữ dưới dạng thẻ tài sản. Việc bàn giao trang thiết bị cho giáo viên sử dụng giảng dạy được lưu trữ dưới dạng hồ sơ, có ghi rõ tình trạng hiện tại của trang thiết bị. Trong quá trình giáo viên sử dụng chung một xưởng thực hành. Mỗi phòng thực hành đều có sổ giao nhận thiết bị có nội dung ghi chép quản lý, đánh giá tình trạng sử dụng các thiết bị, dụng cụ trong phòng/xưởng, sau mỗi buổi lên lớp, nhiệm vụ của giáo viên phải báo cáo tình trạng nhà xưởng, trang thiết bị vào sổ giao ca theo đúng ngày giờ sử dụng, dưới sự giám sát, theo dõi của cá nhân quản lý thiết bị tại đơn vị Khoa điện tử điện lạnh.

(5.3.01 – Hồ sơ quản lý thiết bị của Khoa Điện tử điện lạnh; 5.4.03 – Quy chế quản lý tài sản của trường; 5.2.03 – Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019, 2020,2021).

- Với một danh mục tài sản, trang thiết bị của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí rất lớn, căn cứ vào chức năng của từng thiết bị đào tạo, khoa điện tử điện lạnh đã cùng các giáo viên tiến hành phân bổ, bố trí các trang thiết bị về các xưởng thực hành theo chuyên môn hoá của từng xưởng, sao cho phù hợp với từng mô đun giảng dạy của theo chương trình đào tạo, bám sát theo kế hoạch giảng dạy của năm học, việc giao nhận trang thiết bị, vật tư thực hành được thực hiện theo đề xuất của giáo viên giảng dạy môn học, mô đun để bố trí xưởng thực hành và cung cấp trang thiết bị, dụng cụ, vật tư để đáp ứng được, số lượng của học sinh sinh viên, đáp ứng được yêu cầu của mô đun, môn học và để đảm bảo đúng công năng sử dụng của trang thiết bị theo mô đun, môn học, theo xưởng thực hành và để đảm bảo tính khai thác hiệu quả nhất của Trang thiết bị hiện có tại đơn vị.

- Đề rà soát về số lượng, cũng như đánh giá chất lượng qua hình thức bên ngoài. Hàng năm, giáo viên quản lý thiết bị của khoa điện tử điện lạnh luôn phối hợp cùng, hội đồng kiểm kê tài sản của nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản theo đúng quy định của nhà nước, tiến hành rà soát, đề xuất, điều chỉnh cơ sở vật chất, trang thiết bị cho phù hợp *(5.3.02 – Danh mục thiết bị của các phòng học chuyên môn của khoa).*

Căn cứ Quy trình bảo dưỡng thiết bị đã xây dựng, giáo viên quản lý thiết bị tại các phòng học chuyên môn đề xuất và Khoa xây dựng kế hoạch bảo dưỡng định kỳ đối với các thiết bị chính có quy định chế độ bảo dưỡng. Khoa phối hợp cùng Phòng Thực tập – Sản xuất thực hiện kế hoạch bảo dưỡng thiết bị đào tạo đúng quy trình, quy định của trường. Hàng năm có báo cáo công tác sử dụng bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đào tạo. Các thiết bị do khoa quản lý để phục vụ công tác đào tạo, vì vậy việc bảo dưỡng chủ yếu do giáo viên và sinh viên thực hiện *(5.4.04 - Kế hoạch*

bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đào tạo từ năm 2019 - 2021; 5.4.05 - Báo cáo công tác quản lý bảo dưỡng thiết bị từ 2019 - 2021;).

Nhà trường thực hiện khảo sát đội ngũ nhà giáo, học sinh về nội dung: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. Nhà trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
I Nhà giáo, CBQL												
1	2019	34					1	2.9	1	2.9	32	94.2
2	2020	33					1	3.0	2	6.1	30	90.9
3	2021	33					1	3.0	2	6.1	30	90.9
4	2022	33					0	0	3	9.1	30	90.9
II Học sinh, sinh viên												
1	2019	36					1	2.778	4	11.11	31	86.11
2	2020	32					0	0	4	12.50	28	87.5
3	2021	24					0	0	2	8.33	22	91.67
4	2022	40					0	0	6	15.00	34	85

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện;

Tại các xưởng thực hành của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, có kho quản lý tại mỗi xưởng với diện tích 15m² và với tổng số 4 xưởng thực hành, hiện tại khoa có 04 kho để chứa và bảo quản trang thiết bị, lưu giữ trang thiết bị, vật tư đào tạo cho nghề, được thiết kế xây dựng theo tiêu chuẩn và đặt nơi an toàn; được lắp đặt quạt thông gió chống ẩm mốc, giảm ô xi hóa. Trong kho được bố trí các giá, kệ có tem, nhãn ghi nơi để từng loại trang thiết bị, vật tư và được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng thuận tiện cho việc sử dụng, bảo quản cho nhà giáo và HSSV trong quá trình thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. Trên tường, tại các xưởng thực hành, hay ngoài hành lang lối đi, khu vực dễ quan sát được gắn nội quy, khẩu hiệu 5S và một số hình ảnh về an toàn lao động hoặc hình ảnh hoạt động về nghề đào tạo, giúp HSSV có một ý thức hay coi việc sắp xếp trang thiết bị vật tư như

một trong những nhiệm vụ hàng ngày trong quá trình học tập. Chính điều đó nâng cao thái độ vệ sinh công nghiệp cho HSSV và đảm bảo nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; giúp việc quản lý trang thiết bị được dễ dàng hơn và rút ngắn thời gian tìm kiếm trang thiết bị, vật tư

(5.5.01 - Hồ sơ xây dựng kho; 5.5.02 - Hình ảnh kho; 5.5.03 - Các biên bản kiểm tra kho, hệ thống PCCC)

Nguyên, nhiên, vật liệu được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định:

Việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, hàng hoá trong Khoa được thực hiện dựa vào chỉ tiêu tuyển sinh của năm học, khoa điện tử điện lạnh lập bảng dự trữ vật tư cho đơn vị tính theo năm học, giáo viên trực tiếp giảng dạy căn cứ vào bảng dự trữ của đơn vị để đề xuất xin cấp nguyên, nhiên vật liệu cho môn học mô đun của mình, dựa trên số lượng thực tế học sinh của lớp được phân công giảng dạy. Quy trình cấp phát đảm bảo đúng nguyên tắc theo một quy trình chặt chẽ từ Phòng thực tập sản xuất, khoa đến các cá nhân quản lý thực hiện.

Kho vật tư được quản lý bởi các nhân quản lý thiết bị tại đơn vị và có trách nhiệm trực tiếp cấp phát, thống kê vật tư đào tạo theo đề xuất và dự trữ của các Giáo viên giảng dạy, đồng thời theo dõi quản lý dữ liệu trên hệ thống sổ sách, nhập, xuất trang thiết bị, vật tư. Cá nhân quản lý thiết bị, có trách nhiệm trực tiếp giữ gìn bảo quản, cấp phát vật tư đúng quy định, quy trình. Việc cấp phát, sử dụng vật tư đào tạo được quản lý thông qua chứng từ xuất, nhập với đầy đủ chữ ký của các thành phần, đồng thời lưu giữ đầy đủ tại văn phòng khoa Điện tử điện lạnh và cá nhân liên quan. Việc sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu được đơn vị rất chú trọng để tránh lãng phí, vì cơ bản nguyên, nhiên, vật liệu phụ vụ cho công tác giảng dạy một số môn học, mô đun đều là những nguyên, nhiên, vật liệu có tính tiêu hao. Việc sử dụng, bảo quản nguyên, nhiên, vật liệu sau khi được cấp, giáo viên có trách nhiệm bảo quản, khai thác sử dụng hiệu quả, tiết kiệm dưới sự giám sát của đơn vị khoa và trực tiếp của giáo viên quản lý thiết bị. Kết thúc môn học, mô đun hoặc kết thúc kì học. Khoa hoặc giáo viên liên quan có trách nhiệm tổng hợp lại 80% (sau khi đã trừ tiêu hao) lượng nguyên, nhiên, vật liệu đã được cấp để hoàn trả lại về phòng Thực tập sản xuất theo quy định

Việc cấp phát vật tư nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được nhà trường xây dựng và thực hiện theo quy định tại phụ lục 2b Thông tư 08/2018/TT-BLĐTBXH ngày 14/8/2018 Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Điện công nghiệp; Vận hành máy thi công nền; Vận hành cần, cầu trục; Kỹ thuật xây dựng

(5.5.04– Quy trình quản lý sử dụng vật tư; 5.5.05 - Hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo khoa Điện tử điện lạnh; 5.5.06- Định mức tiêu hao vật tư nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.).

Nguyên, nhiên, vật liệu đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Để đảm bảo đáp ứng được kế hoạch, tiến độ đào tạo nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả và tận dụng hiệu quả nguyên, nhiên, vật liệu hiện có. Việc chia ca học, 2 buổi trên ngày cũng mang lại một hiệu quả rất lớn trong việc khai thác sử dụng và tận dụng hiệu quả nguyên, nhiên, vật liệu hiện có tại đơn vị để đảm bảo tránh lãng phí. Theo quy định giáo viên giảng dạy phải chuẩn bị đề xuất hay dự trù nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ cho công tác giảng dạy trước thời gian lên lớp khoảng 1 tuần, bởi vậy việc cấp phát sử dụng vật tư được tổ chức thực hiện theo quy định, đúng quy trình đảm bảo kịp thời, đáp ứng tốt kế hoạch giảng dạy và tiến độ đào tạo. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường cùng Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi từ người học, nhà giáo về cơ sở vật chất, vật tư để nắm bắt kịp thời điều chỉnh phục vụ công tác giảng dạy trong Nhà trường. Hầu hết đều nhận được sự phản hồi mức đồng ý về các thiết bị, dụng cụ, nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện và đáp ứng được tốt các yêu cầu về đào tạo (5.5.07 - Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học;).

Nội dung khảo sát học sinh, sinh viên: Các giờ thực hành được luyện tập đầy đủ theo hướng dẫn của giảng viên, có vật tư, trang thiết bị luyện tập phù hợp, đầy đủ theo từng MH/MĐ (7.4.02 - Phiếu khảo sát ý kiến người học; 7.4.03 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học):

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	36					0	0	3	8.33	33	91.67
2	2020	32					0	0	3	9.38	29	90.625
3	2021	24					0	0	2	8.33	22	91.67
4	2022	40					0	0	4	10	36	90

Nội dung khảo sát Nhà giáo và CBQL: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng (7.3.02 - Hồ sơ khảo sát CBVC, nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021):

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %

1	2019	34				0	0	1	2.9	33	97.1
2	2020	33				1	3.0	1	3.0	31	94
3	2021	33				1	3.0	1	3.0	31	94
4	2022	33				1	3.0	2	6.1	30	90.9

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Hiện nay tại thư viện có đủ chương trình, giáo trình sách báo, tài liệu chuyên môn phục vụ cho các ngành nghề đang được đào tạo.

Đối với tài liệu của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí có đủ các bộ chương trình đào tạo sơ cấp, trung cấp, cao đẳng. Tương ứng với các bộ chương trình đào tạo, thư viện lưu trữ các bộ giáo trình chuyên môn của các môn học mô đun chuyên môn nghề. Bộ giáo trình trung cấp có 19 giáo trình tương ứng với các môn học, mô đun chuyên môn; bộ giáo trình cao đẳng có 25 giáo trình tương ứng với các môn học mô đun chuyên môn. Mỗi giáo trình được in 05 cuốn để phục vụ việc đọc, tra cứu thông tin của học sinh sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. Đối chiếu với quy định: mỗi loại giáo trình, có tối thiểu 05 bản in, số lượng các bản in giáo trình của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đáp ứng được tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học

Thư viện lưu trữ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. Đối chiếu với lưu lượng học sinh trung bình cả 03 khóa theo giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, thư viện có đủ tối thiểu 05 đầu sách/người đọc theo đúng quy định.

(5.6.01 - Bảng thống kê diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ thư viện; 5.6.02 – Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019, 2020, 2021; 5.6.03- Nội quy thư viện; 5.6.04 – Kế hoạch hoạt động của thư viện; 5.6.05 – Thông báo tuyên truyền giới thiệu sách mới năm học từ 2018 – 2019 đến 2020 – 2021; 5.6.06 – Sổ theo dõi mượn, trả tài liệu thư viện năm học từ 2018 – 2019 đến 2020 – 2021; 5.6.07 – Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện năm học từ 2018 – 2019 đến 2020 – 2021).

Nhà trường đã đầu tư xây dựng thư viện điện tử, có phần mềm tra danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử để bạn đọc tra cứu nhanh và hiệu quả nhất được tích hợp trên trang Website của Nhà trường (5.6.08- *Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử*).

Hiện nay, tổng số đầu sách, tạp chí tại thư viện trường hiện nay phục vụ cho bạn đọc và tham khảo là trên 6000 đầu sách bản cứng, trên 9000 cuốn tài liệu điện tử được số hóa, trên 700 đầu mục giáo trình được số hóa trong đó có 100% các bộ chương trình, giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. Hàng năm thư viện đều bổ sung thêm những giáo trình, tài liệu chuyên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên và sinh viên học sinh. Do vậy với số lượng đầu sách lớn để phục vụ cho việc tra cứu tài liệu cho thuận tiện nhà trường đã đầu tư phần mềm quản lý thư viện phục vụ bạn đọc hiệu quả hơn (5.6.09 – *Biên bản ghi nhớ hợp tác chương trình hợp tác đào tạo giữa trường cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ và công ty cp xây dựng và công nghệ Bình Định*). Cơ sở dữ liệu được lưu trên hệ thống máy chủ của thư viện, được tích hợp trên trang Website của Nhà trường, gồm danh mục tài liệu điện tử, giáo trình của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí được số hóa 100%, giúp người học có thêm nhiều kênh, nguồn thông tin để tra cứu, tìm hiểu (5.6.10 - *Hình ảnh cơ sở dữ liệu điện tử - Lưu trên thư viện*).

Nội dung khảo sát: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 5 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 5 đầu sách/người học (7.3.02 - *Hồ sơ khảo sát CBVC, nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021,2022*):

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	34					0	-	3	8.8	31	91.2
2	2020	33					2	6.1	2	6.1	29	87.9
3	2021	33					2	6.1	2	6.1	29	87.9
4	2022	33					0	0	4	12.1	29	87.9

Nội dung khảo sát: 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo (7.3.02 - *Hồ sơ khảo sát CBVC, nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021,2022*):

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	34					0		2	5.9	32	94.1
2	2020	33					1	3.0	2	6.1	30	90.9
3	2021	33					1	3.0	2	6.1	30	90.9

4	2022	33					1	3.0	1	3.0	31	93.9
---	------	----	--	--	--	--	---	-----	---	-----	----	------

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường có thư viện, gồm có các phòng đọc, phòng lưu trữ được thiết kế đảm bảo quy định tại nhà đa năng:

- Khu nhà đa năng, gồm: 01 phòng đọc và lưu trữ, với diện tích: hơn 250m², bố trí cho trên 50 chỗ ngồi, mỗi chỗ ngồi đều có vách ngăn và khoảng cách đảm bảo qui định về diện tích chỗ ngồi theo TT 38/2018 cho người đọc trên 3.5m².

- Khu tòa nhà 5 tầng (Khoa CNTT): Nhà trường bố trí các phòng máy tính và tra cứu thông tin tại các phòng máy tính, phòng lập trình, tổng 04 phòng với 80 máy tính tra cứu.

Khu nhà 4 tầng có các khoa Điện, Điện tử điện lạnh, khoa Cơ khí chế tạo tổng 3 khoa 3 phòng mỗi khoa 1 phòng máy tính tra cứu thông tin với 40 máy tính. Tổng diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ hiện có tại trường theo thống kê trên 250m². Phòng đọc, kho dữ liệu của thư viện được bố trí sắp xếp các tài liệu, giáo trình theo các giá, kệ, tủ đựng từng vị trí theo chuyên ngành đào tạo. Ngoài ra thư viện nhà trường trang bị máy photo, máy tính, hệ thống quạt mát, hệ thống điều hòa không khí, hệ thống phòng cháy chữa cháy theo qui định.

Toàn bộ máy vi tính kết nối internet bằng cáp quang tốc độ đường truyền cao và ổn định, hệ thống chiếu sáng, hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo theo quy định tất cả máy tính trong phòng internet có cấu hình cao lưu trữ và kết nối mạng ổn định đáp ứng cho cán bộ, giáo viên và HSSV tra cứu, tham khảo và sao chép tài liệu điện tử qua đường tuyến internet (5.7. 01 - Ảnh chụp phòng máy tính; 5.7.02-Hồ sơ sổ sách quản lý các phòng máy tính; 5.7.03- Phần mềm quản lý thư viện, thư viện điện tử trên website <http://210.245.74.86:1211/>).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 02 điểm

5.8. Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để phục vụ cho nhu cầu thực hành thí nghiệm của giáo viên và HSSV trước khi lắp

ráp và chạy thử mạch điện tử, mạch điện cũng như hoạt động của hệ thống lạnh. Hiện nay Khoa Điện tử điện lạnh đã sử dụng một số phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học trong thực tế như:

Danh sách các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy:

(Nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí)

TT	TÊN MH/MĐ	TÊN PHẦN MỀM	GHI CHÚ
1	Vẽ kỹ thuật – Vẽ điện	Cad simulation	
2	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và ĐHKK	Phần mềm tính công suất lạnh Heatload của Daikin, Trace700 của Trane, Revit mep , CoolPack, HAP-Carrier, Phần mềm đồ thị I-D	
3	An toàn lao động, điện- lạnh và vệ sinh công nghiệp	Phần mềm thực tế ảo Lumion 3D	
4	Lắp ráp mạch điện tử cơ bản	Proteus 8.6	
5	Lắp đặt mạch điện cơ bản	Cad simulation	
6	Vận hành và sửa chữa các mạch điều khiển động cơ	Cad simulation,	
7	Đo lường điện - lạnh	Proteus 8.6	
8	Thực hành cơ bản thiết bị lạnh	Phần mềm DaikinVRV Express Phần mềm Pipe Flow 3D	
9	Lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	Phần mềm DaikinVRV Express Phần mềm Pipe Flow 3D	

10	Lắp đặt, vận hành hệ thống máy lạnh công nghiệp	Phần mềm - tính chu trình lạnh và chọn máy nén mycom (mayekawa mycom selection tool)	
11	Thiết kế lắp đặt hệ thống máy lạnh	Phần mềm tính chu trình lạnh và chọn máy nén mycom (mayekawa mycom selection tool)	
12	Thực hành Điện tử chuyên ngành	Proteus 8.6	
13	Lắp đặt, sửa chữa hệ thống điều hoà không khí cục bộ	Phần mềm HVAC SOLIDWORKS Flow Simulation	
14	Lắp đặt, vận hành hệ thống điều hoà không khí trung tâm	Phần mềm HVAC SOLIDWORKS Flow Simulation	
15	Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống ĐHKK	Phần mềm HVAC SOLIDWORKS Flow Simulation	
16	Bảo dưỡng sửa chữa điều hòa không khí ô tô	Phần mềm HVAC SOLIDWORKS Flow Simulation	

(5.8.01 - Danh sách mh/mđ ứng dụng các phần mềm mô phỏng, thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo)

Hình ảnh thể hiện việc đào tạo áp dụng các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy (5.8.02 - Phần mềm mô phỏng proteus 8.6)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm

TIÊU CHÍ 6: Dịch vụ cho người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu

Với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, Nhà trường luôn quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của học sinh sinh viên. Thực hiện quy chế học sinh sinh viên, ngay khi nhập học đầu khóa, Nhà trường đã tuyên truyền, phổ biến đầy đủ thông tin về ngành nghề đào tạo, khoá đào tạo, các nội quy, quy chế, quy định về những vấn đề liên quan đến học tập và sinh hoạt của học sinh sinh viên tại trường. Hướng dẫn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với học sinh sinh viên, đặc biệt quan tâm tới các học sinh có hoàn cảnh khó khăn để các em yên tâm học tập.

Nhà trường đã liên kết với các đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội... Từ đó đã giải quyết được vấn đề thực hành thực tập và giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường. Góp phần từng bước thực hiện tốt mục tiêu gắn đào tạo nghề với nhu cầu thị trường lao động.

Học sinh sinh viên nhà trường nói chung và khoa Điện tử điện lạnh nói riêng thường xuyên tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ và thể dục thể thao theo các chương trình phối hợp giữa phòng công tác học sinh sinh viên và Đoàn thanh niên.

**** Những điểm mạnh:***

HSSV được cung cấp đầy đủ thông tin thông qua các buổi tư vấn nghề nghiệp, qua trang web của trường, quảng cáo trên báo, truyền thông đại chúng –trung ương và địa phương, tờ rơi, sổ tay sinh viên – học sinh..., qua đó nhà trường giới thiệu đến người học những ngành nghề đào tạo, thời gian đào tạo, kế hoạch đào tạo đồng thời cử các cán bộ có năng lực tư vấn trực tiếp cho người học nghề.

Nhà trường có nhà ăn, căng tin phục vụ ăn uống cho giáo viên và HSSV đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Khu nội trú được trang bị đầy đủ đèn điện, nước sạch sinh hoạt, nhà vệ sinh, đảm bảo an ninh trật tự và các phương tiện sinh hoạt khác có thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu học sinh, sinh viên muốn ở nội trú, và thường xuyên được tu bổ, sửa chữa nâng cấp các thiết bị sử dụng. Để đảm bảo cho sinh viên học sinh có môi trường giải trí lành mạnh sau giờ học, ký túc xá có xây dựng sân bóng đá mi ni, khu sân trường được bố trí các hàng ghế đá và trồng nhiều cây xanh.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người học được quan tâm đặc biệt, bên cạnh chức năng của bộ phận y tế trong trường, nhà trường thường xuyên phối hợp với Bệnh viện Đa khoa Bắc Thăng Long, Bệnh viện Đa khoa Đông Anh... để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người học trong lúc bình thường cũng như lúc cấp cứu.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao ngoài giờ;

Nhà trường cập nhật thông tin thị trường lao động, giới thiệu việc làm cho người học và tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa người học và nhà tuyển dụng, đáp ứng được yêu cầu việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo của người học.

* *Những tồn tại:* Không có.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trong giai đoạn 2021- 2025 nhà trường có kế hoạch:

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ người học.
- Đa dạng hóa các hình thức thông tin giới thiệu việc làm.
- Tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho HSSV.
- Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho người học để định hướng, lựa chọn ngành nghề phù hợp.

- Tích cực tìm kiếm đối tác là các đơn vị sử dụng lao động ký kết các hợp đồng đào tạo và cung ứng lao động giúp người học sau khi tốt nghiệp có ngay việc làm phù hợp

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh sinh viên học tại Khoa Điện tử điện lạnh Trường Cao Đẳng Nghề Kỹ Thuật Công Nghệ được thực hiện thường xuyên và kịp thời. Điều đó thể hiện qua việc năm 2018-2019 đã có 21 HSSV, năm 2019-2020 đã có 23 HSSV, năm 2020-2021 đã có 34 HSSV được phổ biến về các nội quy quy chế của trường; các thông tin về chương trình đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí và các chế độ, chính sách đối với người học.

Ngoài những nội dung tuyên truyền về hình ảnh, thương hiệu Nhà trường còn có các nội dung tuyên truyền về các ngành nghề trường đang đào tạo. Đặc biệt, các em học sinh các trường phổ thông trên địa bàn còn được nhà trường tổ chức tham quan, trải nghiệm thực tế tại các khoa đào tạo nhằm hiểu rõ hơn về các ngành nghề mà mình dự định sẽ theo học.

Để người học nắm rõ và thực hiện tốt các quy định về đào tạo, vào mỗi đầu năm học, nhà trường tổ chức Chương Trình Giáo dục Đầu Khóa cho tất cả học sinh sinh viên toàn trường (6.1.01- *Chương Trình Giáo Dục Đầu Khóa từ năm 2019 đến 2022*). Trong tuần học giáo dục đầu khóa năm 2019- 2022 học sinh sinh viên Khoa Điện tử điện lạnh được nhà trường phổ biến luật giáo dục, quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học. học sinh sinh viên được gặp gỡ, trao đổi với các phòng ban mà sinh viên thường xuyên liên hệ. Kết thúc chương trình giáo dục đầu khóa, HSSV viết bài thu hoạch với những thông tin tiếp thu được (6.1.02- *Bài thu hoạch của HSSV khoa Điện tử điện lạnh năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 6.1.03- *Hướng dẫn chế độ miễn, giảm học phí*; 6.1.04 - *Hướng dẫn về chính sách nội trú cho HSSV*; 6.1.05 - *Hướng dẫn trợ cấp xã hội cho HSSV*).

Giáo viên chủ nhiệm của từng lớp lập nhóm Zalo của lớp để thông tin đến người học về thời khóa biểu và giải đáp các thắc mắc khi HSSV cần, việc cập nhật điểm cho HSSV cũng được Giáo viên chủ nhiệm thực hiện thường xuyên. Như năm học 2020 - 2022 khoa Điện tử điện lạnh có các nhóm Zalo lớp được lập (6.1.06 – *Hình ảnh Zalo các nhóm lớp thuộc khoa Điện tử điện lạnh*).

Thông tin đưa lên mạng được cập nhật đầy đủ các văn bản mới nhất: thông báo, lịch học, lịch thi, thời khóa biểu, kết quả học tập của học kỳ hiện tại và tất cả các học kỳ trước đó tại webside của nhà trường, từ giáo viên chủ nhiệm thông báo trực tiếp hoặc các quy định, quy chế sinh viên, các thông tin về chế độ chính sách, học bổng học sinh sinh viên cũng được giải đáp về mọi chi tiết liên quan đến học tập, thi cử hoặc các thắc mắc liên quan đến việc học qua số điện thoại phòng Đào tạo và phòng Công tác HSSV (6.1.07 – *Hình ảnh thông tin trên trang Web của trường*).

Các văn bản đều được niêm yết tại các bảng thông báo của trường, bảng tin của các khoa, Đoàn thanh niên.

Từ năm 2020, phòng công tác học sinh sinh viên triển khai các chương trình hành động về tìm hiểu các quy định của nhà trường nhằm giúp sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của việc nắm bắt thông tin thường xuyên, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm khuyến khích người học thực hiện tốt các quy định, quy chế của nhà trường.

Nội dung khảo sát: Việc phổ biến cụ thể thông tin về chương trình đào tạo:

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	36					1	2.778	2	5.56	33	91.67
2	2020	32					0	0	2	6.25	30	93.75
3	2021	24					0	0	4	16.67	20	83.33
4	2022	40					0	0	4	10.00	36	90

Nội dung khảo sát: Cung cấp thông tin về nội quy, quy chế của Nhà trường:

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	36					1	2.778	4	11.11	31	86.11
2	2020	32					0	0	4	12.50	28	87.5
3	2021	24					0	0	1	4.17	23	95.83
4	2022	40					0	0	4	10.00	36	90

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chính sách mà người học được hưởng:

Nhà trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Hằng năm, ngay từ “Chương Trình Sinh Hoạt đầu khóa - HSSV” vào đầu mỗi năm học, Nhà trường đều tổ chức triển khai cho HSSV về các chế độ chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; chế độ vay vốn hỗ trợ chi phí học tập dành cho HSSV; tạm hoãn nghĩa vụ quân sự; học bổng khuyến khích học tập (6.2.01- Hướng dẫn về chính sách khen thưởng).

Việc thực hiện chế độ chính sách đối với người học:

Trường luôn cập nhật những văn bản mới nhất về miễn giảm học phí cho HSSV của Bộ LĐ-TB&XH đồng thời triển khai và hướng dẫn người học hoàn tất các thủ tục để được chi trả đúng theo quy định. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục đào tạo hàng năm theo phân cấp hiện hành của Luật Ngân sách và do các địa phương trực tiếp quản lý. Đảm bảo chính xác, kịp thời và đúng đối tượng. Thực hiện công bằng, công khai và dân chủ trong việc giải quyết chế độ, chính sách đối với HSSV. Năm học 2019, 2020, 2021, 2022 nhà trường đã xét duyệt hồ sơ của HSSV thuộc các đối tượng, con gia đình chính sách; người dân tộc thiểu số thuộc diện nghèo, cận nghèo, qua đó đã miễn học phí cho lượt HSSV với tổng số tiền 29.060.000đ. Danh sách HSSV thuộc các đối tượng trên được Phòng CTHSSV lập theo từng học kỳ của từng năm học và được quản lý, chặt chẽ, khoa học và được lưu trữ trên máy tính và bằng văn bản.

Năm học 2018 – 2019: khoa Điện tử điện lạnh có 131 học sinh trung cấp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí khóa 10, 11 và khóa 12 được miễn phí 100% học phí học nghề theo quy định của nhà nước

Năm 2019-2020 khoa Điện tử điện lạnh có 104 học sinh trung cấp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí khóa 12 và khóa 13 được miễn phí 100% học phí học nghề theo quy định của nhà nước

Năm 2020- 2021 khoa Điện tử điện lạnh có 177 học sinh trung cấp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí khóa 12, 13 và khóa 14 được miễn phí 100% học phí học nghề theo quy định của nhà nước (*6.2.02- Các Quyết định danh sách HSSV được miễn, giảm học phí trong các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Việc triển khai chính sách và các chế độ khen thưởng trong Nhà trường đã tăng thêm động lực để khuyến khích người học nỗ lực để đạt thành tích cao trong học. Cuối mỗi học kỳ, năm học, căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của HSSV để Hội đồng Nhà trường tiến hành họp, xét cấp học bổng khuyến khích học nghề, khen thưởng, trợ cấp xã hội. Căn cứ kết luận của Hội đồng, Hiệu trưởng ra Quyết định cấp học bổng, trợ cấp xã hội, chính sách nội trú:

Năm học 2018- 2019 cấp cho 208 lượt HSSV với tổng số tiền 620.095.000 đồng trong đó có 16 lượt sinh viên cao đẳng và 15 lượt học sinh trung cấp đạt học bổng với tổng số tiền là 32.595.000 đồng

Năm học 2019- 2020 cấp cho 60 lượt HSSV với tổng số tiền 206.125.000 đồng;

Học kỳ I năm học 2020- 2021 cấp cho 108 lượt HSSV với tổng số tiền 301.300.000 đồng.

(6.2.03- *Quyết định danh sách HSSV được cấp học bổng, khen thưởng, trợ cấp xã hội, chính sách nội trú năm học 2018-2019, 2019-2020, kỳ I năm học 2020-2021; 6.2.04 - Hồ sơ tài chính chi trả chế độ cho HSSV).*

Ngoài các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước, Nhà trường còn có một số chính sách riêng để hỗ trợ và khuyến khích người học như chính sách miễn tiền ở đối với học sinh sinh viên ở nội trú Ký túc xá, chính sách khen thưởng đối học sinh sinh viên đạt danh hiệu HSSV giỏi cấp Trường và đạt giải tại Hội thi tay nghề các cấp cao hơn, HSSV đạt loại giỏi toàn khóa học, HSSV xếp loại rèn luyện xuất sắc toàn khóa học. Năm 2019, 2020, 2021, Nhà trường còn hoàn thiện hồ sơ đề cử 04 sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vượt khó vươn lên trong học tập được nhận 04 suất học bổng “Chung tay chia sẻ” của Hiệp Hội doanh nghiệp Hàn Quốc với tổng số tiền 10.000.000/sinh viên, trong đó có sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

(6.2.05- *Quyết định danh sách HSSV được khen thưởng từ Hội thi tay nghề cấp Trường, cấp Thành phố năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021; 6.2.06- Quyết định danh sách HSSV được khen thưởng đạt loại giỏi toàn khóa, xếp loại rèn luyện xuất sắc; 6.2.07- Danh sách đề cử, hình ảnh các sinh viên nhận học bổng “Chung tay chia sẻ” của Hiệp Hội doanh nghiệp Hàn Quốc năm 2019, 2020).*

Nội dung khảo sát: Trường thực hiện chính sách học bổng khuyến khích học tập, các chế độ chính sách, khen thưởng động viên người học (7.4.01 - Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 7.4.02 - Phiếu khảo sát ý kiến người học; 7.4.03 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học):

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	36					1	2.778	3	8.33	32	88.89
2	2020	32					0	0	2	6.25	30	93.75
3	2021	24					1	4.17	1	4.17	22	91.67
4	2022	40					1	2.5	5	12.50	34	85

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Nhằm gắn kết nhà trường và doanh nghiệp, năm 2011 trường đã thành lập phòng quan hệ doanh nghiệp là phòng chuyên môn chịu trách nhiệm hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp phối hợp đào tạo (6.3.01 - *Quyết định thành lập phòng quan hệ doanh nghiệp*; 6.3.02 - *Quy chế tổ chức hoạt động của Phòng quan hệ doanh nghiệp*). Phòng quan hệ doanh nghiệp phân công cán bộ tìm kiếm hợp tác với các doanh nghiệp, tìm kiếm thông tin thị trường lao động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên (6.3.03 - *Danh sách cán bộ làm nhiệm vụ cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm*).

Trong quá trình học tập tại khoa Điện tử điện lạnh, từ năm 2019-2021 đã có trên 200 HSSV nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí được cung cấp thông tin về thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm miễn phí. Các doanh nghiệp trên địa bàn thường xuyên liên lạc, cộng tác với Nhà trường tuyển dụng lao động. Trường phổ biến thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp đến Khoa, các lớp học sinh sinh viên, dán bảng tin (hàng tháng)... đồng thời cán bộ Phòng QHDN, Phòng CTHSSV luôn sẵn sàng tư vấn, giới thiệu cho HSSV tìm hiểu thông tin tuyển dụng (6.3.04 - *Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021*; 6.3.05 - *Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp*; 6.3.06 - *Báo cáo tổng kết năm 2019, 2020, 2021 của Phòng QHDN*, 6.3.07 - *Báo cáo tổng kết năm 2019, 2020, 2021 của Phòng CTHSSV*). Bên cạnh đó, Khoa còn thường xuyên cập nhật thông tin về thị trường lao động, giới thiệu việc làm cho HSSV trên zalo của các nhóm lớp và trên website của Trường theo địa chỉ: www.httc.edu.vn. (1.1.07. www.httc.edu.vn.)

Nhằm tạo điều kiện cho HSSV an tâm khi tham gia học tập tại Trường, hàng năm Phòng QHDN tiến hành khảo sát nhu cầu lao động của các doanh nghiệp và đã gửi HSSV khoa Điện tử điện lạnh đến thực tập tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nhiệt lạnh trong năm 2019, 2020, 2021 đồng thời phối hợp với doanh nghiệp tổ chức các “Hội nghị hướng nghiệp, việc làm” tại Trường, tổ chức cho doanh nghiệp trực tiếp tuyển dụng HSSV mới tốt nghiệp tại các “Lễ bế giảng khóa học” (6.3.08 - *Kế hoạch tổ chức “Hội nghị hướng nghiệp, việc làm năm 2019,2020, 2021”*; 6.3.09 - *Kế hoạch tổ chức Lễ bế giảng khóa học năm 2019,2020, 2021*).

Hàng năm, Phòng QHDN đều có kế hoạch rà soát, đánh giá hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho HSSV

(6.3.10 - Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp; 6.3.11 - Kế hoạch công tác Phòng Công tác HSSV).

Thông qua các hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm của Nhà trường. Đã có nhiều HSSV khoa Điện tử điện lạnh tìm được việc làm ngay tại các địa chỉ thực tập hoặc thông qua các “Hội nghị hướng nghiệp việc làm”, tuyển dụng của doanh nghiệp tại “Lễ bế giảng” khóa học của Trường

Kết thúc năm học, phòng Quan hệ doanh nghiệp và phòng Công tác học sinh đều đánh giá tổng kết công tác của phòng trong năm học trong đó có đánh giá hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên trong năm. Từ đó phòng quan hệ doanh nghiệp và phòng công tác học sinh đề ra phương hướng thực hiện nhiệm vụ cho năm học tiếp theo

Nội dung khảo sát: Thông tin về chuẩn đầu ra, vị trí việc làm ngành/nghề theo học:

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	36					1	2.778	2	5.56	33	91.67
2	2020	32					1	3.125	2	6.25	29	90.625
3	2021	24					1	4.17	2	8.33	21	87.5
4	2022	40					1	2.5	5	12.50	34	85

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hoạt động văn nghệ, thể thao và các hoạt động phong trào được Khoa Điện tử điện lạnh xác định là sân chơi chính, bổ ích và lành mạnh nhằm giúp HSSV rèn luyện năng khiếu và kỹ năng. Đây cũng là công cụ hiệu quả để tuyên truyền chính sách pháp luật và giáo dục chính trị tư tưởng cho HSSV. Hoạt động VHVN, TDTT và phong trào là hoạt động thể mạnh của nhà trường và được sự quan tâm rất lớn từ phía lãnh đạo. Thông qua các hoạt động VHVN, TDTT HSSV có điều kiện rèn luyện sức khỏe cả về thể chất lẫn tinh thần; qua đó, giúp cho HSSV học tập tốt, rèn luyện tốt.

Các hoạt động VHVN, TDTT được duy trì tổ chức thường xuyên với nhiều hình thức như: giải bóng đá nam, giải kéo co, giải cầu lông... chào mừng ngày truyền thống HSSV 09/01, ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 03/02, ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3, ngày giải phóng miền Nam 30/4, ngày Quốc tế lao động 01/5, ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày Quốc khánh nước Cộng hòa XHCN Việt Nam 02/9, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 và các ngày lễ, ngày hội dân tộc,... Qua các hoạt động này, nhà trường cũng tập hợp được nhiều HSSV có năng khiếu góp phần phát huy hiệu quả năng lực của đội văn nghệ trường, từ đó phục vụ và hỗ trợ tốt các chương trình chào mừng, kỷ niệm những ngày lễ lớn trong và ngoài trường.

Trong đó, Khoa Điện tử điện lạnh luôn chứng tỏ là một trong các khoa tích cực tham gia vào các hoạt động VHVN, TDTT trong nhà trường. Với sự nhiệt tình hưởng ứng, các học sinh sinh viên của khoa luôn đóng góp các tiết mục ca múa nhạc vào các dịp kỉ niệm trong nhà trường và các hội thi tiếng hát sinh viên do Đoàn thanh niên tổ chức

Với tinh thần đó, Học sinh sinh viên khoa Điện tử điện lạnh đã giành được nhiều giải thưởng trong các hoạt động VHVN, TDTT của trường như: giải bóng đá, giải cầu lông, giải kéo co, giải bóng chuyền, giải thi tiếng hát HSSV, giải thi rung chuông vàng...

Hàng năm, Đoàn trường, Phòng CTHSSV thường xuyên phối hợp tổ chức các giải thi đấu thể thao và các trò chơi dân gian tạo nên sân chơi lành mạnh cho HSSV sau những giờ học tập căng thẳng. Trong năm 2019, 2020, 2021 khoa Điện tử điện lạnh đã cử trên 200 HSSV tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, luyện tập thể dục thể thao và tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động của Thanh niên tình nguyện của Đoàn thanh niên nhà trường, Đoàn thanh niên Huyện Đông Anh, Đoàn thanh niên Bộ LĐTBXH tổ chức. Nhiều em đã được tặng giấy khen của Đoàn thanh niên Bộ LĐTBXH.

(6.4.01 - Kế hoạch hoạt động ngoại khóa năm học 2018- 2019, 2019- 2020, 2020-2021; 6.4.02 - Kế hoạch thi đua học tập và rèn luyện, tổ chức hoạt động phong trào chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 năm 2019, 2020, 2021; 6.4.03 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào chào mừng ngày thành lập Đoàn 26/3, chương trình “Tuổi trẻ khởi nghiệp” và Kế hoạch tham gia Festival huyện Đông Anh, Sóc Sơn năm 2018, 2019; Kế hoạch tham gia Hội thao học sinh sinh viên, Giải chạy Báo Hà Nội mới...do cấp trên phát động, tổ chức; 6.4.04 - Kế hoạch tổ chức Hội thi kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ngày 19/5/2018; 6.4.05 - Kế

hoạch tổ chức giao lưu văn nghệ; 6.4.04 - Kế hoạch tổ chức cuộc thi “Rung chuông vàng” ngày 16/5/2019).

Nội dung khảo sát: Có không gian hoạt động thể dục thể thao, hoạt động ngoại khoá, hoạt động văn hoá văn nghệ, an toàn trong khuôn viên Nhà trường

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	36					1	2.778	5	13.89	30	83.33
2	2020	32					1	3.125	3	9.38	28	87.5
3	2021	24					1	4.17	3	12.5	20	83.33
4	2022	40					1	2.5	4	10	35	87.5

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 02 điểm

TIÊU CHÍ 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu:

Với mục đích thu nhận thông tin khách quan về sản phẩm đào tạo của nhà trường, từ đó căn cứ điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với yêu cầu xã hội. Hằng năm, nhà trường có khảo sát đánh giá sự hài lòng của các doanh nghiệp đối với các nghề nhà trường đang đào tạo trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; thực hiện chương trình khảo sát lần vết, khảo sát các doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị và khảo sát sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh dịch vụ. Thông qua kết quả khảo sát nhà trường năm bắt được mức độ đáp ứng của người học sau khi tốt nghiệp làm việc tại các doanh nghiệp, với kết quả trên nhà trường có kế hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình về kiến thức, kỹ năng cho người học để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. Thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Thực hiện thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH, hàng năm trường xây dựng kế hoạch và tổ chức tự đánh giá các nghề trọng điểm, trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, khoa đã xây dựng kế

hoạch khắc phục các điểm còn tồn tại để cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo.

** Những điểm mạnh*

Trong các năm từ 2019 đến 2021, Khoa Điện tử điện lạnh đều thực hiện hoạt động tự đánh giá nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí và xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn tại trên cơ sở kết quả tự đánh giá hàng năm.

** Những tồn tại: Không có*

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Hàng năm, tiếp tục duy trì hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí để có kế hoạch chỉnh sửa, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới, công nghệ mới của ngành, nghề và xã hội.

Nhà trường và Khoa cải tiến công tác điều tra, lần vết để thu thập được các thông tin của HSSV sau khi tốt nghiệp, thu thập được ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động để có kế hoạch nâng cao chất lượng chương trình đào tạo theo từng năm.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu của 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường hằng năm giao cho phòng Quan hệ doanh nghiệp phối hợp với Khoa xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ định kỳ 01 lần/năm. Hình thức khảo sát bằng phiếu (7.1.01 - Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp từ năm 2019 đến

2022; 7.1.02 - Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát ý kiến từ năm 2019 đến 2022). Các doanh nghiệp được Nhà trường thực hiện lấy ý kiến hàng năm về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ như sau:

- Năm 2019: Kế hoạch khảo sát ngày 28/10/2019; khảo sát 10 doanh nghiệp thông qua phiếu; kết quả báo cáo ngày 31/12/ 2019 thể hiện 10/10 doanh nghiệp có ý kiến phản hồi.

TT	Doanh nghiệp	Địa điểm	Số lượng SV nghề KTML&ĐHKK làm việc
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Mặt trời xanh	117/10 Đường Trần Cung, Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1
2	Công ty TNHH LS ELECTRIC Việt Nam	Nguyễn Khê, Đông Anh, Hà Nội	1
3	Công ty CP Thiết bị điện Đông Anh	Số 189, đường Lâm Tiên, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	1
4	Công ty CP Cơ điện lạnh Đông Anh	Tổ 4, TT Đông Anh, HN	1
5	Công ty TNHH OS Power Việt Nam	Số 8/80, Phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	1
6	Công ty Cổ phần tập đoàn TMS	Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	1
7	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Nam An	Hà Đông, Hà Nội	1
8	Công ty CP dụng cơ khí xuất khẩu	KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	1
9	Công ty TNHH Tuấn Ngọc	Đông Anh, Hà Nội	1
10	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch cung ứng lao động Toàn cầu tại Hà Nội	P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.	2

- Năm 2020: Kế hoạch ngày 30/9/2020; khảo sát 10 doanh nghiệp thông qua phiếu; kết quả báo cáo ngày 12/12/2020 thể hiện 10/10 doanh nghiệp có ý kiến phản hồi.

TT	Doanh nghiệp	Địa điểm	Số lượng SV nghề KTML&ĐHKK làm việc
1	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây lắp Cơ điện Thăng Long	Đông Anh, Hà Nội	1
2	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Mặt trời xanh	117/10 Đường Trần Cung, Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1

TT	Doanh nghiệp	Địa điểm	Số lượng SV nghề KTML&ĐHKK làm việc
3	Công ty CP Thiết bị điện Đông Anh	Số 189, đường Lâm Tiên, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	1
4	Công ty CP Cơ điện lạnh Đông Anh	Tổ 4, TT Đông Anh, HN	1
5	Công ty TNHH OS Power Việt Nam	Số 8/80, Phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	1
6	Công ty Cổ phần tập đoàn TMS	Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	1
7	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Nam An	Hà Đông, Hà Nội	1
8	Công ty CP dụng cơ khí xuất khẩu	KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	1
9	Công ty TNHH Tuấn Ngọc	Đông Anh, Hà Nội	1
10	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch cung ứng lao động Toàn cầu tại Hà Nội	P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.	1

- Năm 2021: Kế hoạch ngày 5/5/2021; khảo sát 10 doanh nghiệp thông qua phiếu; kết quả báo cáo ngày 17/7/2021 thể hiện 10/10 doanh nghiệp có ý kiến phản hồi.

TT	Doanh nghiệp	Địa điểm	Số lượng SV nghề KTML&ĐHKK làm việc
1	Công ty CPPT liên doanh Việt Nhật	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	1
2	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	220 Cao Nỗ, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	1
3	Công ty CP Thiết bị điện Đông Anh	Số 189, đường Lâm Tiên, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	1
4	Công ty CP Cơ điện lạnh Đông Anh	Tổ 4, TT Đông Anh, HN	1
5	Công ty TNHH OS Power Việt Nam	Số 8/80, Phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	1
6	Công ty Cổ phần tập đoàn TMS	Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	1
7	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Nam An	Hà Đông, Hà Nội	1
8	Công ty CP dụng cơ khí xuất khẩu	KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	1
9	Công ty TNHH Tuấn Ngọc	Đông Anh, Hà Nội	1

TT	Doanh nghiệp	Địa điểm	Số lượng SV nghề KTML&ĐHKK làm việc
10	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch cung ứng lao động Toàn cầu tại Hà Nội	P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.	1

- Năm 2022: Kế hoạch ngày 20/5/2022; khảo sát 10 doanh nghiệp thông qua phiếu; kết quả báo cáo ngày 22/7/2022 thể hiện 10/10 doanh nghiệp có ý kiến phản hồi.

TT	Doanh nghiệp	Địa điểm	Số lượng SV nghề KTML&ĐHKK làm việc
1	Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lải	Phúc Yên, Vĩnh Phúc.	1
2	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	220 Cao Nỗ, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	1
3	Công ty CP Thiết bị điện Đông Anh	Số 189, đường Lâm Tiên, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	1
4	Công ty CP Cơ điện lạnh Đông Anh	Tổ 4, TT Đông Anh, HN	1
5	Công ty TNHH OS Power Việt Nam	Số 8/80, Phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	1
6	Công ty Cổ phần tập đoàn TMS	Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	1
7	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Nam An	Hà Đông, Hà Nội	1
8	Công ty CP dụng cơ khí xuất khẩu	KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	1
9	Công ty TNHH Tuấn Ngọc	Đông Anh, Hà Nội	1
10	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch cung ứng lao động Toàn cầu tại Hà Nội	P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.	1

Đối với mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động: 100% các doanh nghiệp khảo sát đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên là tốt. Kết quả:

Năm		Mức đánh giá		
		1: Không đáp ứng	2: Cơ bản đáp ứng	3: Đáp ứng tốt
2019	Số lượng	0	0	10
	Tỷ lệ %	0	0	100%
2020	Số lượng	0	0	10
	Tỷ lệ %	0	0	100%
2021	Số lượng	0	0	10

	Tỷ lệ %	0	0	100%
2022	Số lượng	0	0	10
	Tỷ lệ %	0	0	100%

Về sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ tương ứng với mức độ đánh giá về kiến thức và kỹ năng của HSSV áp dụng vào thực tế sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp với 05 mức độ đánh giá: 1: Không phù hợp; 2: Chưa thực sự phù hợp; 3: Tương đối phù hợp; 4: Phù hợp; 5: Rất phù hợp (7.1.03 - Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp từ năm 2019 đến 2022; 7.1.04 - Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp từ năm 2019 đến 2022; 7.1.05 - Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát doanh nghiệp từ năm 2019 đến 2022).

Kết quả:

TT	Năm khảo sát		Tỷ lệ %				
			1	2	3	4	5
2	2019	Số phiếu: 10	0	0	0	08	02
		Tỷ lệ %				80%	20%
	2020	Số phiếu: 10	0	0	0	09	01
		Tỷ lệ %				90%	10%
	2021	Số phiếu: 10	0	0	0	09	01
		Tỷ lệ %				90%	10%
	2022	Số phiếu: 10	0	0	0	09	01
		Tỷ lệ %				90%	10%

Như vậy, qua khảo sát các doanh nghiệp đánh giá người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị đáp ứng được yêu cầu và chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc cũng được nhà trường giao cho Khoa điện tử điện lạnh là đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí theo các năm:

- Năm 2019: Kế hoạch ngày 12 tháng 12 năm 2019;

- Năm 2020: Kế hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2020;
- Năm 2021: Kế hoạch ngày 07 tháng 6 năm 2021.
- Năm 2022: Kế hoạch ngày 06 tháng 5 năm 2022.

Trường đã xây dựng phiếu hỏi để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp; qua các hình thức: phản hồi từ email, điện thoại lẫn vết trực tiếp đến các HSSV và các phiếu khảo sát khi HSSV nhận bằng tốt nghiệp (7.2.02 - Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp).

Nội dung hỏi tập trung vào nội dung một số các câu hỏi như sau:

TT	Nội dung bảng hỏi khảo sát lần vết sinh viên tốt nghiệp
1	Anh/Chị cho biết tình trạng việc làm của mình hiện nay?
2	Anh (Chị) đã nộp đơn và hồ sơ xin việc làm hay chưa?
3	Anh (Chị) cho biết lý do chưa có việc làm?
4	Anh (Chị) có muốn Nhà trường giới thiệu việc làm cho mình hay không?
5	Nếu đã có việc làm, Xin vui lòng cho biết Anh (Chị) đã tìm được việc làm bằng cách nào?
6	Khoảng thời gian mà Anh (Chị) tìm được việc làm kể từ khi tốt nghiệp là?
7	Công việc hiện nay của Anh (Chị) có liên quan đối với ngành nghề đã được đào tạo tại Nhà trường không?
8	Anh (Chị) đang làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc doanh nghiệp thuộc?
9	Anh (Chị) cho biết cụ thể về tên, địa chỉ và điện thoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc doanh nghiệp Anh (Chị) đang làm việc?
10	Vị trí công việc hiện nay của Anh (Chị) trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc doanh nghiệp?
11	Thu nhập (từ công việc chính) hàng tháng của Anh (Chị) hiện nay là?
12	Đánh giá Chương trình đào tạo
13	Đội ngũ nhà giáo
14	Tổ chức và quản lý đào tạo
15	Kiểm tra đánh giá
16	Dịch vụ người học
17	Đáp ứng của khóa học

Năm 2019: Căn cứ vào quyết định số 216/QĐ-CĐNKTCN ngày 01/08/2019 về việc công nhận tốt nghiệp sinh viên cao đẳng, trong đó có 15 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí hệ cao đẳng tốt nghiệp sinh viên Trường đã điều tra lần vết 15SV/15SV = 100% SV tốt nghiệp được khảo sát lần vết, số lượng sinh viên phản hồi là 15/15 = 100%. Kết quả được tổng hợp tại báo cáo ngày 27/12/2019 thể hiện 100% sinh viên (15 sinh viên có phản hồi) có việc làm trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp:

Thông tin việc làm Năm	Có việc làm		Chưa có việc làm		Đang thử việc	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %

2019	15	100	0	0	0	0
------	----	-----	---	---	---	---

Năm 2020: Căn cứ vào quyết định số 155/QĐ-CĐNKTCN ngày 25/8/2020 về việc công nhận tốt nghiệp sinh viên cao đẳng, trong đó có 14 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Căn cứ vào quyết định số 156/QĐ-CĐNKTCN ngày 25/8/2020 về việc công nhận tốt nghiệp sinh viên cao đẳng nghề liên thông khóa 12, trong đó có 1 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Tổng cộng 15 sinh viên tốt nghiệp. Trường đã điều tra lần vết 15SV/15SV = 100% SV tốt nghiệp được khảo sát lần vết. Số lượng sinh viên có phản hồi về việc làm: 15 SV/15 SV, đạt tỷ lệ 100%. Kết quả được tổng hợp tại báo cáo ngày 25/12/2020 như sau.

Thông tin việc làm năm	Có việc làm		Chưa có việc làm		Đang thử việc	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2020	15	100	0	0	0	0

Năm 2021: Căn cứ vào QĐ số 13/QĐ-CĐNKTCN ngày 19 tháng 1 năm 2021 về việc công nhận tốt nghiệp sinh viên cao đẳng liên thông khóa 13, trong đó có 07 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Trường đã điều tra lần vết 7SV/7SV = 100% SV tốt nghiệp được khảo sát lần vết. Số lượng sinh viên có phản hồi về việc làm: 7SV /7SV, đạt tỷ lệ 100%. Kết quả được tổng hợp tại báo cáo ngày 30/6/2021 như sau:

Thông tin việc làm Năm	Có việc làm		Chưa có việc làm		Đang thử việc	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2021	7	100	0	0	0	0

Năm 2022: Căn cứ vào QĐ số 316/QĐ-CĐNKTCN-ĐT ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp cho 66 sinh viên cao đẳng khóa 13 và cao đẳng liên thông khóa 13 niên khóa 2019-2021, trong đó có 15 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Trường đã điều tra lần vết 15SV/15SV = 100% SV tốt nghiệp được khảo sát lần vết. Số lượng sinh viên có phản hồi về việc làm: 15SV /15SV, đạt tỷ lệ 100%. Kết quả được tổng hợp tại báo cáo ngày 27/5/2022 như sau:

Thông tin việc làm Năm	Có việc làm		Chưa có việc làm		Đang thử việc	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2022	15	100	0	0	0	0

Về nội dung lấy ý kiến của sinh viên đã tốt nghiệp đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp (7.2.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp/danh sách người học tốt nghiệp nghề Kỹ thuật

máy lạnh và điều hòa không khí; 7.2.03 - Phiếu khảo sát điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp; 7.2.04 - Bảng tổng hợp thông tin việc làm đối với người học đã tốt nghiệp; 7.2.05 - Báo cáo kết quả điều tra lần vết). Kết quả như sau:

TT	Nội dung khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá						
				1	2	3	4	5		
1	Đánh giá chương trình đào tạo	2019	Số phiếu	0	0	0	15	0		
			Tỷ lệ %	0	0	0	100	0		
		2020	Số phiếu	0	0	0	14	1		
			Tỷ lệ %	0	0	0	93.3	6,7		
		2021	Số phiếu	0	0	0	7	0		
			Tỷ lệ %	0	0	0	100	0		
		2022	Số phiếu	0	0	0	15	0		
			Tỷ lệ %	0	0	0	100	0		
		2	Sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm	2019	Số phiếu	0	0	0	15	0
					Tỷ lệ %	0	0	0	100	0
2020	Số phiếu			0	0	0	14	1		
	Tỷ lệ %			0	0	0	93.3	6,7		
2021	Số phiếu			0	0	0	7	0		
	Tỷ lệ %			0	0	0	100	0		
2022	Số phiếu			0	0	0	15	0		
	Tỷ lệ %			0	0	0	100	0		

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Hài lòng; Mức 4. Khá hài lòng; Mức 5. Rất hài lòng).

Như vậy, nhà trường đã thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường hằng năm xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi đối với nhà giáo cán bộ quản lý. Việc lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan

đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý, hình thức khảo sát phát phiếu.

Năm 2019: Trường có kế hoạch số 64A/KH-CĐNKTCN ngày 21 tháng 5 năm 2019. lấy ý kiến 34/34 nhà giáo, cán bộ quản lý (đạt 100%).

Năm 2020: Trường có kế hoạch số 170/KH-CĐNKTCN-KĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, lấy ý kiến 33/33 nhà giáo, cán bộ quản lý (đạt 100%).

Năm 2021: Trường có kế hoạch số 159A /KH-CĐNKTCN ngày 14 tháng 7 năm 2021, lấy ý kiến 33/33 nhà giáo, cán bộ quản lý (đạt 100%)

Năm 2022: Trường có kế hoạch số 160 /KH-CĐNKTCN ngày 4 tháng 7 năm 2022, lấy ý kiến 33/33 nhà giáo, cán bộ quản lý (đạt 100%)

(7.3.01 - Kế hoạch khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021, 2022; 7.3.02 - Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động khoa Điện tử điện lạnh tham gia khảo sát từ năm 2019 đến 2022; 7.3.03 - Phiếu khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; 7.3.04 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về chính sách chất lượng đào tạo). Kết quả khảo sát:

TT	Nội dung	Năm khảo sát		Mức đánh giá						
				1	2	3	4	5		
1	Về nội dung liên quan đến công tác dạy và học	2019	Số phiếu	0	0	1	1	32		
			Tỷ lệ %	0	0	1.7	5.5	92.8		
		2020	Số phiếu	0	0	1	2	30		
			Tỷ lệ %	0	0	3.0	6.1	90.9		
		2021	Số phiếu	0	0	4	2	27		
			Tỷ lệ %	0	0	12.1	6.1	81.8		
		2022	Số phiếu	0	0	1	5	27		
			Tỷ lệ %	0	0	2.8	7.7	89.5		
		2	Chính sách tuyển dụng	2019	Số phiếu	0	0	0	2	32
					Tỷ lệ %	0	0	0	5.9	94.1
2020	Số phiếu			0	0	1	2	30		
	Tỷ lệ %			0	0	3.0	6.1	90.9		
2021	Số phiếu			0	0	5	2	26		
	Tỷ lệ %			0	0	15.2	6.1	78.7		
2022	Số phiếu			0	0	1	3	29		
	Tỷ lệ %			0	0	3.0	9.1	87.9		
3	Chính sách đào tạo, bồi dưỡng			2019	Số phiếu	0	0	1	1	32
					Tỷ lệ %	0	0	2.9	2.9	94.2
		2020	Số phiếu	0	0	1	2	30		

TT	Nội dung	Năm khảo sát	Mức đánh giá					
			1	2	3	4	5	
			Tỷ lệ %	0	0	3.0	6.1	90.9
		2021	Số phiếu	0	0	4	2	27
			Tỷ lệ %	0	0	12.1	6.1	81.8
		2022	Số phiếu	0	0	1	3	29
			Tỷ lệ %	0	0	3.0	9.1	87.9
4	Chính sách đánh giá, phân loại CB, VC, GV, NLD	2019	Số phiếu	0	0	1	1	32
			Tỷ lệ %	0	0	2.9	2.9	94.2
		2020	Số phiếu	0	0	0	2	31
			Tỷ lệ %	0	0	0	6.1	93.9
		2021	Số phiếu	0	0	0	2	31
			Tỷ lệ %	0	0	0	6.1	93.9
		2022	Số phiếu	0	0	1	1	31
			Tỷ lệ %	0	0	3.0	3.0	94
5	Chính sách bổ nhiệm CBQL	2019	Số phiếu	0	0	0	1	33
			Tỷ lệ %	0	0	0	2.9	97.1
		2020	Số phiếu	0	0	1	2	30
			Tỷ lệ %	0	0	3.0	6.1	90.9
		2021	Số phiếu	0	0	2	2	29
			Tỷ lệ %	0	0	6.1	6.1	87.8
		2022	Số phiếu	0	0	1	2	30
			Tỷ lệ %	0	0	3.0	6.1	90.9

(Mức 1: Rất kém; 2: Kém; 3: Bình thường; 4: Tốt; 5: Rất tốt);

Báo cáo kết quả tổng hợp đối với từng nội dung khảo sát là một trong những cơ sở quan trọng để Nhà trường để có những điều chỉnh, thay đổi chính sách phù hợp với điều kiện thực tế nhằm góp phần nâng cao chất lượng quản lý, đào tạo (7.3.05 - Biên bản hội nghị cán bộ viên chức năm 2019, 2020, 2021). Qua kết quả phân tích trên cho thấy, theo hàng năm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia thực hiện CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ Cao đẳng được tham gia lấy ý kiến. Ý kiến phản hồi của đội ngũ nhà giáo, CBQL đánh giá 90% ở mức tốt trở lên

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm Nhà trường đã tổ chức thực hiện khảo sát người học. Trường đã tổ chức lấy ý kiến người học thông qua hình thức khảo sát phiếu hỏi; nội dung khảo sát về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy; việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. Xác định việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học là công tác quan trọng, làm căn cứ cho các đơn vị liên quan đề xuất các giải pháp giúp Nhà trường nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo cũng như phục vụ công tác tự đánh giá, đảm bảo chất lượng tại Trường nên kế hoạch được xây dựng chi tiết với các mốc thời gian cụ thể đảm bảo cho việc lấy ý kiến người học được thực hiện một cách nghiêm túc, chính xác, trên nguyên tắc công khai, dân chủ (7.4.01 - Kế hoạch khảo sát HSSV). Sau khi thực hiện Nhà trường có báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát đối với người học trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí số liệu như sau:

- Năm 2019: Khảo sát 36/36 sinh viên cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí tham gia khảo sát, đạt tỉ lệ 100%;

- Năm 2020: Khảo sát 32/32 sinh viên cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí tham gia khảo sát, đạt tỉ lệ 100%;

- Năm 2021: Khảo sát 24/24 sinh viên cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí tham gia khảo sát, đạt tỉ lệ 100%

- Năm 2022: Khảo sát 40/40 sinh viên cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí tham gia khảo sát, đạt tỉ lệ 100% (7.4.02 - Phiếu khảo sát HSSV; 7.4.03 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học; 7.4.03 - Danh sách người học năm 2019, 2020, 2021,2022; 7.4.04 - Danh sách người học được thu thập ý kiến năm 2019, 2020, 2021,2022).

TT	Nội dung khảo sát	Năm khảo sát	Mức đánh giá					
			1	2	3	4	5	
1	Chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo	2019	Số phiếu	0	0	1	2	33
			Tỷ lệ %	0	0	2.77	5.56	91.67
		2020	Số phiếu	0	0	1	4	27
			Tỷ lệ %	0	0	3.125	12.5	84.375
		2021	Số phiếu	0	0	0	3	21
			Tỷ lệ %	0	0	0	12.5	87.5
2022	Số phiếu	0	0	0	5	35		
	Tỷ lệ %	0	0	0	12.5	87.5		
2	Giảng viên ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực, Có các hoạt động chia nhóm trong quá trình	2019	Số phiếu	0	0	2	4	30
			Tỷ lệ %	0	0	5.56	11.11	83.33
		2020	Số phiếu	0	0	1	3	28
			Tỷ lệ %	0	0	3.12	9.38	

TT	Nội dung khảo sát	Năm khảo sát	Mức đánh giá							
			1	2	3	4	5			
	luyện tập phần thực hành mỗi học phần, modul.						87.5			
		2021	Số phiếu	0	0	1	2	21		
			Tỷ lệ %	0	0	4.17	8.33	87.5		
		2022	Số phiếu	0	0	1	4	35		
			Tỷ lệ %	0	0	2.5	10	87.5		
		3	Chất lượng giảng dạy của giảng viên	2019	Số phiếu	0	0	0	5	31
Tỷ lệ %	0				0	0	13.89	86.11		
2020	Số phiếu			0	0	0	5	27		
	Tỷ lệ %			0	0	0	15.63	84.37		
2021	Số phiếu			0	0	0	2	22		
	Tỷ lệ %			0	0	0	8.33	91.67		
2022	Số phiếu			0	0	0	6	34		
	Tỷ lệ %			0	0	0	15	85		
4	Thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước ưu đãi cho người học khi học tập tại trường.			2019	Số phiếu	0	0	1	2	33
					Tỷ lệ %	0	0	2.77	5.56	91.67
				2020	Số phiếu	0	0	0	3	29
					Tỷ lệ %	0	0	0	9.38	90.62
		2021	Số phiếu	0	0	1	3	20		
			Tỷ lệ %	0	0	4.17	12.5	83.33		
		2022	Số phiếu	0	0	1	3	36		
			Tỷ lệ %	0	0	2.5	7.5	90		
5	Thực hiện học bổng khuyến khích học tập, các chế độ chính sách, khen thưởng động viên kịp thời từ nhà trường khi phù hợp với nội quy, quy chế và các văn bản quy định của nhà nước.	2019	Số phiếu	0	0	1	3	32		
			Tỷ lệ %	0	0	2.78	8.33	88.89		
		2020	Số phiếu	0	0	0	2	30		
			Tỷ lệ %	0	0	0	6.25	93.75		
		2021	Số phiếu	0	0	1	1	22		
			Tỷ lệ %	0	0	4.17	4.17	91.66		
		2022	Số phiếu	0	0	1	5	34		
			Tỷ lệ %	0	0	2.5	12.5	85		
6	Các dịch vụ của đối với người học	2019	Số phiếu	0	0	1	4	31		
			Tỷ lệ %	0	0	2.78	11.11	86.11		
		2020	Số phiếu	0	0	0	5	27		
			Tỷ lệ %	0	0	0	15.63	84.37		
		2021	Số phiếu	0	0	1	2	21		
			Tỷ lệ %	0	0	4.17	8.33	87.5		
		2022	Số phiếu	0	0	1	4	35		

TT	Nội dung khảo sát	Năm khảo sát	Mức đánh giá					
			1	2	3	4	5	
		Tỷ lệ %	0	0	2.5	10	87.5	
7	Có căng tin phục vụ nhu cầu của học sinh, sinh viên	2019	Số phiếu	0	0	0	4	32
			Tỷ lệ %	0	0	0	11.11	88.89
		2020	Số phiếu	0	0	0	6	26
			Tỷ lệ %	0	0	0	18.75	81.25
		2021	Số phiếu	0	0	1	3	20
			Tỷ lệ %	0	0	4.17	12.5	83.33
		2022	Số phiếu	0	0	1	6	33
			Tỷ lệ %	0	0	2.5	15	82.5

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện công văn số 639/TCGDNN-KĐCL ngày 05/4/2018 về việc tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Nhà trường đã thực hiện đánh giá chất lượng trường và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm trong đó có chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ Cao đẳng bắt đầu từ năm 2019. Hàng năm, trường thực hiện kiện toàn các Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, triển khai công tác tự đánh giá theo đúng quy định tại thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH.

Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng trường và tự đánh giá các chương trình đào tạo theo quy trình 4 bước:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

Trường thực hiện đầy đủ hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 08/6/2017;

Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Đối với chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Trường đã tự đánh giá cụ thể như sau:

- Năm 2019: Có Quyết định số 338/QĐ-CĐNKTCN-ĐBCL ngày 12 tháng 11 năm 2019 thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, trình độ cao đẳng năm 2019; Kế hoạch tự đánh giá số 136/KH-CĐNKTCN-ĐBCL ngày 12 tháng 11 năm 2019;

- Năm 2020: Có Quyết định số 145/QĐ-CĐNKTCN ngày 20 tháng 8 năm 2020 thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, trình độ cao đẳng năm 2020; Kế hoạch tự đánh giá số 188/KH-CĐNKTCN ngày 04 tháng 9 năm 2020;

- Năm 2021: Có Quyết định số 215/QĐ-CĐNKTCN ngày 15 tháng 9 năm 2021 thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, trình độ cao đẳng năm 2021; Kế hoạch tự đánh giá số 206/KH-HĐTĐGCTĐT ngày 15 tháng 9 năm 2021

- Năm 2022: Có Quyết định số 113/QĐ-CĐNKTCN ngày 06 tháng 5 năm 2022 thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, trình độ cao đẳng năm 2022; Kế hoạch tự đánh giá số 74/KH-HĐTĐGCTĐT ngày 06 tháng 5 năm 2022

(7.5.01 - Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2019, 2020, 2021,2022; 7.5.02 - Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2019, 2020, 2021,2022).

Theo quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2019, 2020, 2021,2022 cho thấy, thành phần Hội đồng tự đánh giá đảm bảo theo điều 16 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Hội đồng gồm 7 thành viên, Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng, Trưởng khoa là phó chủ tịch hội đồng, thư ký hội đồng là phó trưởng khoa, 02 giáo viên là thành viên, và có 02 đại diện doanh nghiệp tham gia vào hội đồng tự đánh giá (7.5.03 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021,2022; 7.5.04 - Hồ sơ về công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021,2022). Kết quả đánh giá cụ thể như sau:

Năm	Điểm tự đánh giá	Tự Đánh giá
2019	90	Đạt
2020	90	Đạt
2021	92	Đạt
2022	94	Đạt

Sau khi báo cáo tự đánh giá chất lượng được phê duyệt, Nhà trường họp công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thành phần dự họp đầy đủ các thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Trưởng, phó các đơn vị, đại diện người học và Đảng uỷ, Chủ tịch công đoàn, Bí thư đoàn thanh niên của trường (7.5.01 - *Kế hoạch tự đánh giá chất lượng năm 2019, 2020, 2021, 2022*). Báo cáo tự đánh giá sau đó được công bố công khai trên website của Trường theo đường link: <http://httc.edu.vn/bao-cao-tu-danh-gia-nam-2019.html>. Trường báo cáo kết quả thực hiện tự đánh giá cho Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội theo đúng quy định tại Điều 19 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (7.5.02 - *Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019, 2020, 2021*). Như vậy hàng năm cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có)

Mô tả, phân tích và nhận định:

Thông qua hoạt động tự đánh giá chất lượng Trường và chất lượng CTĐT các nghề trọng điểm, trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng GDNN, nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng GDNN hàng năm:

Trên cơ sở kế hoạch hoàn thiện nội hàm tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Trường (năm 2019 theo kế hoạch số 55a/KH-CĐNKTCN ngày 04/05/2019; năm 2020 theo kế hoạch số 01a/KH-CĐNKTCN ngày 09/01/2020; năm 2021 theo kế hoạch số 01^a/KH-CĐNKTCN ngày 07/01/2021, năm 2022 theo kế hoạch số

01a/KH-CĐNKTCN ngày 04/01/2020), Khoa Điện tử - Điện lạnh đã xây dựng kế hoạch cải thiện nâng cao chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trong từng năm, để cụ thể hoá những điểm tồn tại, đưa ra phương án và phân công các bộ phận thực hiện (7.5.03 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021, 2022; 7.6.01 - Kế hoạch khắc phục hạn chế sau tự đánh giá chất lượng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2019, 2020, 2021, 2022;).

Năm 2019, kế hoạch khắc phục những tồn tại trong quá trình thực hiện tự đánh giá trong báo cáo tự đánh giá CTĐT năm 2018, cụ thể:

Tiêu chí/ tiêu chuẩn	Những điểm hạn chế	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến hoàn thành	Cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện
Tiêu chuẩn 2.1. Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	Số lượng tuyển sinh trình độ cao đẳng chưa đạt tối thiểu 80%	Xây dựng kế hoạch tuyển sinh. Tăng cường công tác tuyển sinh trình độ cao đẳng và Cao đẳng liên thông	Trong năm 2019	P.QHDN; Phòng ĐT, khoa điện tử điện lạnh phối hợp thực hiện
Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	Chương trình mới thể hiện được sự liên thông ở 2 cấp trình độ TC và CĐ, chưa có đánh giá về việc thực hiện liên thông từ CĐ lên ĐH nên chưa có văn bản chấp thuận của cơ sở GD ĐH với nhà trường.	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình GDNN sau một thời gian đưa vào sử dụng. Xây dựng ngân hàng câu hỏi và đề kiểm tra để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy	Trong năm 2019	Phòng ĐT; Khoa điện tử điện lạnh phối hợp thực hiện
Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo	Một số thiết bị chưa đáp ứng về số lượng như (Mô đun Lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy lạnh	- Lập Bảng danh mục thiết bị của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. - Lập Bảng so	Trong năm 2019	Phòng TTSX&DV chủ trì; Khoa điện tử điện lạnh

	dân dụng và thương nghiệp, Lắp đặt, vận hành hệ thống máy lạnh công nghiệp...	sánh đối chiếu với danh mục thiết bị tối thiểu Lập phương án bổ xung thiết bị thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đào tạo theo chương trình đào tạo.		phối hợp thực hiện
Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	Bổ sung máy tính, sách, tài liệu tham khảo, số hóa tài liệu, chương trình, giáo trình	Máy tính, sách, tài liệu tham khảo đã đầy đủ, tài liệu, chương trình, giáo trình đã được số hóa 100%	Trong năm 2019	Phòng đào tạo, Phòng TCHC&QT phối hợp với Khoa

Báo cáo về kết quả khắc phục những tồn tại trong đánh giá nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2019, kết quả như sau:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Nội dung công việc đã triển khai	Đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện
Tiêu chuẩn 2.1. Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo	Xây dựng kế hoạch tuyển sinh. Tăng cường công tác tuyển sinh trình độ cao đẳng và Cao đẳng liên thông	P.QHDN; Phòng ĐT, khoa điện tử điện lạnh phối hợp thực hiện	Tuyển sinh được 18 sinh viên CĐ KTML&ĐHKK 12 Tuyển sinh được 3 sinh viên lớp CDLT KTML&ĐHKK 12

kế hoạch của cơ sở đào tạo.			
Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình GDNN sau một thời gian đưa vào sử dụng. Xây dựng ngân hàng câu hỏi và đề kiểm tra để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy	Phòng ĐT; Khoa điện tử điện lạnh phối hợp thực hiện	Đã rà soát chương trình GDNN sau một thời gian đưa vào sử dụng. Chương trình mới thể hiện được sự liên thông ở 2 cấp trình độ TC và CĐ
Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	Bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí cần bổ xung chỉnh sửa	Phòng ĐT; Khoa điện tử điện lạnh phối hợp thực hiện	Đã Rà soát, chỉnh sửa bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	Bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí cần bổ xung chỉnh sửa	Phòng ĐT; Khoa điện tử điện lạnh phối hợp thực hiện	Rà soát, chỉnh sửa bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo	- Lập Bảng danh mục thiết bị của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. - Lập Bảng so sánh đối chiếu với danh mục thiết bị tối thiểu Lập phương án bổ xung thiết bị thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đào tạo theo chương trình đào tạo.	Phòng TTSX&DV chủ trì; Khoa điện tử điện lạnh phối hợp thực hiện	- Bảng danh mục thiết bị của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. - Bảng so sánh đối chiếu với danh mục thiết bị tối thiểu theo với chương trình đào tạo

Kế hoạch ngày 16/1/2020 khắc phục những tồn tại trong quá trình thực hiện tự đánh giá trong báo cáo tự đánh giá CTĐT năm 2019, với các nội dung:

Tiêu chí/ tiêu chuẩn	Những điểm hạn chế	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện
-------------------------	--------------------	--------------------	----------------------	-----------------------------------

<p>Tiêu chuẩn 2.1. Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.</p>	<p>Số lượng tuyển sinh trình độ cao đẳng chưa đạt tối thiểu 80%</p>	<p>Xây dựng kế hoạch tuyển sinh. Tăng cường công tác tuyển sinh trình độ cao đẳng và Cao đẳng liên thông</p>	<p>Trong năm 2020</p>	<p>P.QHDN; Phòng ĐT, khoa điện tử điện lạnh phối hợp thực hiện</p>
<p>Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.</p>	<p>Chương trình mới thể hiện được sự liên thông ở 2 cấp trình độ TC và CĐ, chưa có đánh giá về việc thực hiện liên thông từ CĐ lên ĐH nên chưa có văn bản chấp thuận của cơ sở GD ĐH với nhà trường.</p>	<p>Liên hệ với các cơ sở giáo dục đại học về chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.</p>	<p>Trong năm 2020</p>	<p>Khoa Điện tử- Điện lạnh, Phòng ĐT, Phòng ĐBCL</p>
<p>Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.</p>	<p>Bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí cần bổ sung chỉnh sửa</p>	<p>Rà soát, chỉnh sửa bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí</p>	<p>Trong năm 2020</p>	<p>Các giáo viên trong khoa, Phòng ĐT, Phòng ĐBCL</p>
<p>Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.</p>	<p>Bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí cần bổ sung chỉnh sửa</p>	<p>Rà soát, chỉnh sửa bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí</p>	<p>Trong năm 2020</p>	<p>Các giáo viên trong khoa, Phòng ĐT, Phòng ĐBCL</p>
<p>Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo</p>	<p>Một số thiết bị chưa đáp ứng về số lượng như (Mô đun Lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy lạnh dân</p>	<p>- Lập Bảng danh mục thiết bị của nghề Kỹ thuật máy lạnh và</p>	<p>Trong năm 2020</p>	<p>Phòng TTSX&DV chủ trì; Khoa điện tử điện lạnh</p>

	dụng và thương nghiệp, Lắp đặt, vận hành hệ thống máy lạnh công nghiệp...	điều hòa không khí. - Lập Bảng so sánh đối chiếu với danh mục thiết bị tối thiểu Lập phương án bổ xung thiết bị thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đào tạo theo chương trình đào tạo.		phối hợp thực hiện
--	---	---	--	--------------------

Báo cáo về kết quả khắc phục những tồn tại trong đánh giá nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2020, kết quả như sau:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Nội dung công việc đã triển khai	Đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện
Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	Liên hệ với các cơ sở giáo dục đại học về chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.	Khoa Điện tử điện lạnh, Phòng ĐT, Phòng ĐBCL	Đã liên hệ với các cơ sở giáo dục đại học về chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.
Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	Rà soát, chỉnh sửa bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí	Các giáo viên trong khoa, Phòng ĐT, Phòng ĐBCL	Đã rà soát, chỉnh sửa bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí
Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	Rà soát, chỉnh sửa bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh	Các giáo viên trong khoa, Phòng ĐT,	Đã rà soát, chỉnh sửa bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí

	và Điều hòa không khí	Phòng ĐBCL	
Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo	- Lập Bảng danh mục thiết bị của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. - Lập Bảng so sánh đối chiếu với danh mục thiết bị tối thiểu Lập phương án bổ xung thiết bị thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đào tạo theo chương trình đào tạo.	Phòng TTSX&DV chủ trì; Khoa điện tử điện lạnh phối hợp thực hiện	- Bảng danh mục thiết bị của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. - Bảng so sánh đối chiếu với danh mục thiết bị tối thiểu theo với chương trình đào tạo
Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	Bổ sung máy tính, sách, tài liệu tham khảo, số hóa tài liệu, chương trình, giáo trình	Phòng đào tạo, Phòng TCHC&QT phối hợp với Khoa	Đã bổ sung máy tính, sách, tài liệu tham khảo nhưng chưa đủ số hóa hết 100% tài liệu, giáo trình

Kế hoạch ngày 05/3/2021 khắc phục những tồn tại trong quá trình thực hiện tự đánh giá trong báo cáo tự đánh giá CTĐT năm 2020, cụ thể:

Tiêu chí/ tiêu chuẩn	Những điểm hạn chế	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện
Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo	Chương trình mới thể hiện được sự liên thông ở 2 cấp	Liên hệ với các cơ sở giáo dục đại học về chương trình	Trong năm 2021	Khoa Điện tử- Điện lạnh, Phòng ĐT,

<p>tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.</p>	<p>trình độ TC và CD, chưa có đánh giá về việc thực hiện liên thông từ CD lên ĐH nên chưa có văn bản chấp thuận của cơ sở GD ĐH với nhà trường.</p>	<p>đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.</p>		<p>Phòng ĐBCL</p>
<p>Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.</p>	<p>Bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí cần bổ xung chỉnh sửa</p>	<p>Rà soát, chỉnh sửa bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí</p>	<p>Trong năm 2021</p>	<p>Các giáo viên trong khoa, Phòng ĐT, Phòng ĐBCL</p>
<p>Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.</p>	<p>Bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí cần bổ xung chỉnh sửa</p>	<p>Rà soát, chỉnh sửa bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí</p>	<p>Trong năm 2021</p>	<p>Các giáo viên trong khoa, Phòng ĐT, Phòng ĐBCL</p>
<p>Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo</p>	<p>Một số thiết bị chưa đáp ứng về số lượng như (Mô đun Lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp, Lắp đặt, vận hành hệ thống máy lạnh công nghiệp...</p>	<p>- Lập Bảng danh mục thiết bị của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. - Lập Bảng so sánh đối chiếu với danh mục thiết bị tối thiểu Lập phương án bổ xung thiết bị thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đào tạo</p>	<p>Trong năm 2021</p>	<p>Phòng TTSX&DV chủ trì; Khoa điện tử điện lạnh phối hợp thực hiện</p>

		theo chương trình đào tạo.		
Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	Bổ sung máy tính, sách, tài liệu tham khảo, số hóa tài liệu, chương trình, giáo trình	Máy tính, sách, tài liệu tham khảo đã đầy đủ, tài liệu, chương trình, giáo trình đã được số hóa 100%	Trong năm 2021	Phòng đào tạo, Phòng TCHC&QT phối hợp với Khoa

Báo cáo về kết quả khắc phục những tồn tại trong đánh giá nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2021 (7.6.01 - Kế hoạch khắc phục hạn chế sau tự đánh giá chất lượng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2019, 2020, 2021, 2022; 7.6.02 - Báo cáo kết quả khắc phục các tiêu chí không đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hệ cao đẳng ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí các năm 2019, 2020, 2021, 2022), kết quả như sau:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Nội dung công việc đã triển khai	Đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện
Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc	Các nhà giáo của khoa cần chú trọng việc ứng dụng công nghệ và ứng dụng các phần mềm hỗ trợ soạn giáo án, bài giảng, giáo	Các nhà giáo trong khoa điện tử điện lạnh	Các nhà giáo của khoa đã ứng dụng được công nghệ và ứng dụng các phần mềm hỗ trợ soạn giáo án, bài giảng, giáo trình, bài giảng điện tử; dựng video clip thực hành

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Nội dung công việc đã triển khai	Đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện
	trình, bài giảng điện tử; dựng video clip thực hành		
Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	Tuyển dụng thêm giáo viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí	Phòng TCHC, Phòng ĐT cùng khoa tuyển thêm GV	Đa đảm bảo số lượng giáo viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí
Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	Liên hệ với các cơ sở giáo dục đại học về chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.	Khoa Điện tử điện lạnh, Phòng ĐT, Phòng ĐBCL	Đã liên hệ với các cơ sở giáo dục đại học về chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.
Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Lập Bảng danh mục thiết bị của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. - Lập Bảng so sánh đối chiếu với danh mục thiết bị tối thiểu Lập phương án bổ xung thiết bị thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đào tạo theo chương trình đào tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> Phòng TTSX&DV chủ trì; Khoa điện tử điện lạnh phối hợp thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng danh mục thiết bị của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. - Bảng so sánh đối chiếu với danh mục thiết bị tối thiểu theo với chương trình đào tạo

Trong các báo cáo tổng kết của Khoa Điện tử - Điện lạnh và của Trường cũng chỉ ra những điểm còn tồn tại trong các hoạt động đào tạo và kết quả khắc phục để nâng cao chất lượng đào tạo:

Năm	Các điểm tồn tại	Kết quả khắc phục
Năm 2019	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa sử dụng phần mềm chuyên dụng quản lý quá trình đào tạo tại trường; - Hiện nay, Nhà trường chưa thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình GDNN sau một thời gian đưa vào sử dụng. - Chương trình mới thể hiện được sự liên thông ở 2 cấp trình độ TC và CĐ, chưa có đánh giá về việc thực hiện liên thông từ CĐ lên ĐH nên chưa có văn bản chấp thuận của cơ sở GD ĐH với nhà trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã sử dụng phần mềm Eduman quản lý quá trình đào tạo tại trường; - Chưa thực hiện - Chương trình mới thể hiện được sự liên thông ở 2 cấp trình độ TC và CĐ, chưa có đánh giá về việc thực hiện liên thông từ CĐ lên ĐH nên chưa có văn bản chấp thuận của cơ sở GD ĐH với nhà trường.
Năm 2020	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình mới áp dụng, chưa kết thúc một khóa đào tạo nên chưa có sự đánh giá về chất lượng của người người học sau khi tốt nghiệp và các bên liên quan. - Chương trình mới thể hiện được sự liên thông ở 2 cấp trình độ TC và CĐ, chưa có đánh giá về việc thực hiện liên thông từ CĐ lên ĐH nên chưa có văn bản chấp thuận của cơ sở GD ĐH với nhà trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã và đang đánh giá về chất lượng của người người học sau khi tốt nghiệp và các bên liên quan đến chương trình đào tạo. - Chương trình mới thể hiện được sự liên thông ở 2 cấp trình độ TC và CĐ, chưa có đánh giá về việc thực hiện liên thông từ CĐ lên ĐH nên chưa có văn bản chấp thuận của cơ sở GD ĐH với nhà trường.
Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> Chương trình mới thể hiện được sự liên thông ở 2 cấp trình độ TC và CĐ, chưa có đánh giá về việc thực hiện liên thông từ CĐ lên ĐH nên chưa có văn bản chấp thuận của cơ sở GD ĐH với nhà trường. 	<ul style="list-style-type: none"> Đã liên hệ với các cơ sở giáo dục đại học về chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.

(7.6.03 - Báo cáo tổng kết các năm 2019 đến 2022 của khoa Điện tử - Điện lạnh; 7.6.04 - Báo cáo tổng kết các năm từ 2019, 2020, 2021 của Trường). Báo cáo tự đánh giá chất CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng năm 2022 có đầy đủ nội dung tổng hợp kế hoạch nâng cao chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. Nhà trường có kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng giai đoạn cụ thể:

1. Kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trong giai đoạn 2019 - 2022:

- Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học đáp ứng được nhu cầu của người học và xã hội;

- Tăng cường về số lượng, nâng cao về chất lượng đội ngũ nhà giáo của khoa Điện tử điện lạnh về chuyên môn, ngoại ngữ và tin học;

- Đáp ứng được nhu cầu của giáo viên và học sinh về giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt là tài liệu nâng cao, công nghệ mới về lĩnh vực nhiệt lạnh;

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên và Học sinh sinh viên trong Khoa;

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng công nghệ số (có kết hợp sử dụng các thiết bị nghe nhìn);

- Xây dựng, chỉnh sửa và hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí theo chuẩn khu vực.

2. Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025:

2.1. Về cơ sở vật chất

Tiếp tục đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn của ngành/nghề và chuẩn khu vực.

2.2. Về nguồn nhân lực

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo đủ về số lượng và có chất lượng, có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn tay nghề và nghiệp vụ đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

2.3. Về khoa học và công nghệ

Hiện tại, công tác nghiên cứu khoa học của nhà giáo và sinh viên trong khoa chưa nhiều. Nhà trường cần phối hợp với các tổ chức giáo dục nghề nghiệp tạo điều kiện cho nhà giáo và sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, tăng cường tham gia các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm.

Tăng cường phát triển thêm các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy trong thực tế, giúp HSSV có thể tiếp cận kiến thức tốt hơn và khơi dậy sáng tạo cho HSSV.

2.4. Về chương trình, giáo trình

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình, đáp ứng được nhu cầu của HSSV và phát triển của xã hội.

Tăng cường bổ sung sách, tài liệu tham khảo chuyên ngành để HSSV có thể tiếp cận được với kiến thức và công nghệ mới trong nước và khu vực.

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí phải đảm bảo liên thông giữa các trình độ từ trung cấp lên cao đẳng và đại học.

2.5. Về công tác học sinh sinh viên

Tạo môi trường học tập, rèn luyện để sinh viên tích cực trong học tập và sáng tạo tiếp cận với nghiên cứu khoa học. HSSV phải phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và trình độ để tự tin tham gia các cuộc thi cho sinh viên trong nước và khu vực. Nâng cao vị thế đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ (7.5.03 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với nghề được đào tạo.

Mô tả, phân tích và nhận định:

Căn cứ vào kết quả công nhận tốt nghiệp (7.2.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp/danh sách người học tốt nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí). Hằng năm, Nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp (7.2.02 - Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp). Việc khảo sát được thực hiện đối với 100% sinh viên tốt nghiệp bằng hình thức lấy phiếu khảo sát. Thời điểm khảo sát của Trường được thực hiện sau khi tốt nghiệp các em đến nhận bằng tốt nghiệp và số còn lại nhà trường liên hệ qua điện thoại, zalo, facebook (7.2.03 - Phiếu khảo sát điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp).

Năm 2019: Căn cứ vào quyết định số 216/QĐ-CĐNKTCN ngày 01/08/2019 về việc công nhận tốt nghiệp sinh viên cao đẳng, trong đó có 15 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí hệ cao đẳng tốt nghiệp. Trường đã khảo sát 15SV/15SV = 100% SV tốt nghiệp, số lượng sinh viên phản hồi là 15/15 = 100%.

Năm 2020: Căn cứ vào quyết định số 155/QĐ-CĐNKTCN ngày 25/8/2020 về việc công nhận tốt nghiệp sinh viên cao đẳng, trong đó có 14 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Căn cứ vào quyết định số 156/QĐ-CĐNKTCN ngày 25/8/2020 về việc công nhận tốt nghiệp sinh viên cao đẳng nghề liên thông khóa 12, trong đó có 1 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Tổng cộng 15 sinh viên tốt nghiệp.

Trường đã khảo sát 15SV/15SV = 100% SV tốt nghiệp. Số lượng sinh viên có phản hồi là: 15 SV/15 SV, đạt tỷ lệ 100%.

Năm 2021: Căn cứ vào QĐ số 13/QĐ-CĐNKTCN ngày 19 tháng 1 năm 2021 về việc công nhận tốt nghiệp sinh viên cao đẳng liên thông khóa 13, trong đó có 07 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Trường đã khảo sát 7SV/7SV = 100% SV tốt nghiệp được. Số lượng sinh viên có phản hồi là: 7SV /7SV, đạt tỷ lệ 100%.

Năm 2022: Căn cứ vào QĐ số 316/QĐ-CĐNKTCN-ĐT ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp cho 66 sinh viên cao đẳng khóa 13 và cao đẳng liên thông khóa 13 niên khóa 2019-2021, trong đó có 15 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, trong đó có 15 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Trường đã khảo sát 15SV/15SV = 100% SV tốt nghiệp. Số lượng sinh viên có phản hồi là: 15SV /15SV, đạt tỷ lệ 100%.

(7.2.04 - Bảng tổng hợp thông tin việc làm đối với người học đã tốt nghiệp; 7.2.05 - Báo cáo kết quả điều tra lần vết). Cụ thể:

Năm	Số lượng SV tốt nghiệp	Số lượng sinh viên khảo sát		Số lượng SV có phản hồi		Số lượng SV có việc làm trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp phù hợp với ngành, nghề đào tạo		Ghi chú
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Năm 2019	15	15	100%	15	100%	15	100%	
Năm 2020	15	15	100%	15	100%	15	100%	
Năm 2021	7	7	100%	7	100%	7	100%	
Năm 2022	15	15	100%	15	100%	15	100%	

Như vậy căn cứ kết quả khảo sát của Nhà trường thông qua hoạt động lần vết HSSV, cho thấy trong 4 năm từ 2019- 2022, số HSSV có việc làm phù hợp với nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ trên 100% HSSV. Người học tốt nghiệp sau khi ra trường đều được nhà trường lấy ý kiến về thông tin việc làm, đồng thời các em đều nhận định có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích và nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch khảo sát và gửi phiếu đánh giá thu thập ý kiến đến 10 đơn vị sử dụng lao động có sinh viên của trường làm việc để lấy ý kiến về mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. Trường có các kế hoạch về tổ chức lấy ý kiến phản hồi trong các năm 2019, 2020, 2021, 2022 (7.1.01 - Kế hoạch khảo sát; 7.1.02 - Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát ý kiến; 7.1.03 - Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp). Các doanh nghiệp được nhà trường thực hiện lấy ý kiến hàng năm như sau:

- Năm 2019: Kế hoạch khảo sát ngày 28/10/2019; khảo sát 10 doanh nghiệp thông qua phiếu; kết quả báo cáo ngày 31/12/ 2019 thể hiện 10/10 doanh nghiệp có ý kiến phản hồi.

TT	Doanh nghiệp	Địa điểm	Số lượng SV nghề KTML&ĐHKK làm việc
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Mặt trời xanh	117/10 Đường Trần Cung, Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1
2	Công ty TNHH LS ELECTRIC Việt Nam	Nguyễn Khê, Đông Anh, Hà Nội	1
3	Công ty CP Thiết bị điện Đông Anh	Số 189, đường Lâm Tiên, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	1
4	Công ty CP Cơ điện lạnh Đông Anh	Tổ 4, TT Đông Anh, HN	1
5	Công ty TNHH OS Power Việt Nam	Số 8/80, Phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	1
6	Công ty Cổ phần tập đoàn TMS	Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	1
7	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Nam An	Hà Đông, Hà Nội	1
8	Công ty CP dụng cơ khí xuất khẩu	KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	1
9	Công ty TNHH Tuấn Ngọc	Đông Anh, Hà Nội	1
10	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch cung ứng lao động Toàn cầu tại Hà Nội	P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.	2

- Năm 2020: Kế hoạch ngày 30/9/2020; khảo sát 10 doanh nghiệp thông qua phiếu; kết quả báo cáo ngày 12/12/2020 thể hiện 10/10 doanh nghiệp có ý kiến phản hồi.

TT	Doanh nghiệp	Địa điểm	Số lượng SV nghề KTML&ĐHKK làm việc
1	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây lắp Cơ điện Thăng Long	Đông Anh, Hà Nội	1
2	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Mặt trời xanh	117/10 Đường Trần Cung, Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1
3	Công ty CP Thiết bị điện Đông Anh	Số 189, đường Lâm Tiên, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	1
4	Công ty CP Cơ điện lạnh Đông Anh	Tổ 4, TT Đông Anh, HN	1
5	Công ty TNHH OS Power Việt Nam	Số 8/80, Phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	1
6	Công ty Cổ phần tập đoàn TMS	Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	1
7	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Nam An	Hà Đông, Hà Nội	1
8	Công ty CP dụng cơ khí xuất khẩu	KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	1
9	Công ty TNHH Tuấn Ngọc	Đông Anh, Hà Nội	1
10	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch cung ứng lao động Toàn cầu tại Hà Nội	P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.	1

- Năm 2021: Kế hoạch ngày 5/5/2021; khảo sát 10 doanh nghiệp thông qua phiếu; kết quả báo cáo ngày 17/7/2021 thể hiện 10/10 doanh nghiệp có ý kiến phản hồi.

TT	Doanh nghiệp	Địa điểm	Số lượng SV nghề KTML&ĐHKK làm việc
1	Công ty CPPT liên doanh Việt Nhật	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	1
2	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	220 Cao Nỗ, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	1
3	Công ty CP Thiết bị điện Đông Anh	Số 189, đường Lâm Tiên, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	1
4	Công ty CP Cơ điện lạnh Đông Anh	Tổ 4, TT Đông Anh, HN	1
5	Công ty TNHH OS Power Việt Nam	Số 8/80, Phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	1
6	Công ty Cổ phần tập đoàn TMS	Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	1

TT	Doanh nghiệp	Địa điểm	Số lượng SV nghề KTML&ĐHKK làm việc
7	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Nam An	Hà Đông, Hà Nội	1
8	Công ty CP dụng cơ khí xuất khẩu	KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	1
9	Công ty TNHH Tuấn Ngọc	Đông Anh, Hà Nội	1
10	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch cung ứng lao động Toàn cầu tại Hà Nội	P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.	1

- Năm 2022: Kế hoạch ngày 20/5/2022; khảo sát 10 doanh nghiệp thông qua phiếu; kết quả báo cáo ngày 22/7/2022 thể hiện 10/10 doanh nghiệp có ý kiến phản hồi.

TT	Doanh nghiệp	Địa điểm	Số lượng SV nghề KTML&ĐHKK làm việc
1	Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lải	Phúc Yên, Vĩnh Phúc.	1
2	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	220 Cao Nỗ, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	1
3	Công ty CP Thiết bị điện Đông Anh	Số 189, đường Lâm Tiên, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	1
4	Công ty CP Cơ điện lạnh Đông Anh	Tổ 4, TT Đông Anh, HN	1
5	Công ty TNHH OS Power Việt Nam	Số 8/80, Phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	1
6	Công ty Cổ phần tập đoàn TMS	Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	1
7	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Nam An	Hà Đông, Hà Nội	1
8	Công ty CP dụng cơ khí xuất khẩu	KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	1
9	Công ty TNHH Tuấn Ngọc	Đông Anh, Hà Nội	1
10	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch cung ứng lao động Toàn cầu tại Hà Nội	P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.	1

Kết quả khảo sát doanh nghiệp về mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp (7.1.04 - Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp từ năm 2019 đến 2022; 7.1.05 - Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát doanh nghiệp từ năm 2019 đến 2022) như sau:

Mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp							
Năm khảo sát		Về kiến thức		Về kỹ năng		Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		Hài lòng	Không hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng
2019	Số lượng	10	0	10	0	10	0
	Tỷ lệ %	100%	0%	100%	0%	100%	0%
2020	Số lượng	10	0	10	0	10	0
	Tỷ lệ %	100%	0%	100%	0%	100%	0%
2021	Số lượng	10	0	10	0	10	0
	Tỷ lệ %	100%	0%	100%	0%	100%	0%
2022	Số lượng	10	0	10	0	10	0
	Tỷ lệ %	100%	0%	100%	0%	100%	0%

Như vậy, căn cứ vào nội hàm tiêu chuẩn, Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 02 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trong giai đoạn 2019-2021

- Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học đáp ứng được nhu cầu của người học và xã hội.

- Tăng cường về số lượng, nâng cao về chất lượng đội ngũ nhà giáo của khoa Điện tử điện lạnh về chuyên môn, ngoại ngữ và tin học.

- Đáp ứng được nhu cầu của giáo viên và học sinh về giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt là tài liệu nâng cao, công nghệ mới về lĩnh vực nhiệt lạnh.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên và Học sinh sinh viên trong Khoa.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng công nghệ số (có kết hợp sử dụng các thiết bị nghe nhìn)

- Xây dựng, chỉnh sửa và hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí theo chuẩn khu vực.

2. Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025

2.1. Về cơ sở vật chất

Tiếp tục đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn của ngành/nghề và chuẩn khu vực.

2.2. Về nguồn nhân lực

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo đủ về số lượng và có chất lượng, có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn tay nghề và nghiệp vụ đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

2.3. Về khoa học và công nghệ

Hiện tại, công tác nghiên cứu khoa học của nhà giáo và sinh viên trong khoa chưa nhiều. Nhà trường cần phối hợp với các tổ chức giáo dục nghề nghiệp tạo điều kiện cho nhà giáo và sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, tăng cường tham gia các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm.

Tăng cường phát triển thêm các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy trong thực tế, giúp HSSV có thể tiếp cận kiến thức tốt hơn và khơi dậy sáng tạo cho HSSV.

2.4. Về chương trình, giáo trình

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình, đáp ứng được nhu cầu của HSSV và phát triển của xã hội.

Tăng cường bổ sung sách, tài liệu tham khảo chuyên ngành để HSSV có thể tiếp cận được với kiến thức và công nghệ mới trong nước và khu vực.

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí phải đảm bảo liên thông giữa các trình độ từ trung cấp lên cao đẳng và đại học.

2.5. Về công tác học sinh sinh viên

Tạo môi trường học tập, rèn luyện để sinh viên tích cực trong học tập và sáng tạo tiếp cận với nghiên cứu khoa học. HSSV phải phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và trình độ để tự tin tham gia các cuộc thi cho sinh viên trong nước và khu vực. Nâng cao vị thế đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí của trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ.

PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Nhà trường tăng cường mở rộng liên kết đào tạo trong nước và khu vực để có điều kiện cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

- Tạo điều kiện và hỗ trợ hơn nữa cho nhà giáo nâng cao trình độ nghiệp vụ, sư phạm, tin học và ngoại ngữ bằng các chính sách phù hợp. Đặc biệt là công tác đào tạo đội ngũ giảng viên/giáo viên trẻ.

- Có nhiều chính sách, biện pháp hơn nữa khuyến khích cán bộ, nhà giáo và học sinh sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình đào tạo để kịp thời khắc phục cho phù hợp;

- rà soát hệ thống văn bản, chỉnh sửa và thống nhất mẫu chung, đưa vào vận hành các quy trình để đồng bộ trong toàn trường.

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: MB/QĐ-CĐNKTCN

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng, năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Căn cứ quyết định số 1983/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ;

Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 về việc quy định hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư 27/2018/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2018 về việc quy định quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 1323/TCGDNN-KĐCL ngày 23/6/2021 về việc thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Công văn số 4034/SLĐTBXH-DN ngày 12/7/2021 về việc thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Phòng Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, trình độ cao đẳng, năm 2022 gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, trình độ cao đẳng, năm 2022 theo quy định của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, gồm:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK, trình độ cao đẳng, năm 2022;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, trình độ cao đẳng, năm 2022 và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;

- Phối hợp đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, trình độ cao đẳng, năm 2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường các phòng, khoa, đơn vị có liên quan và các Ông/bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: Văn thư, ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG NGHỀ
KỸ THUẬT
CÔNG NGHỆ
Đặng An Bình



DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT MÁY LẠNH & ĐHKK, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-CDNKTCN ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong Hội đồng
1.	Ông Đặng An Bình	- Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Ông Chu Đức Khoan	Trưởng khoa ĐT-ĐL	Phó Chủ tịch
3.	Ông Lê Văn Dũng	Giảng viên nghề ĐT-ĐL	Ủy viên thư ký
4.	Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
5.	Ông Nguyễn Công Hùng	Phụ trách phòng ĐBCL	Ủy viên
6.	Bà Phạm Thị Mai Hương	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
7.	Ông Phạm Kim Thu	Trưởng phòng TTSX&DV	Ủy viên
8.	Ông Phạm Minh Vỹ	Phó Trưởng khoa ĐT-ĐL	Ủy viên
9.	Ông Trần Ích Bảo	Giảng viên nghề ĐT-ĐL	Ủy viên
10.	Ông Nguyễn Văn Tùng	Giảng viên nghề ĐT-ĐL	Ủy viên
11.	Bà Nguyễn Thị Hải	Giảng viên nghề ĐT-ĐL	Ủy viên
12.	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Giám đốc Công ty CP Cơ điện lạnh Đông Anh	Ủy viên
13.	Ông Lê Hồng Ngọc	Trưởng phòng kỹ thuật, Công ty CP Đầu tư quốc tế Hoàng Gia ABS	Ủy viên

(Danh sách này có 13 thành viên)

-/-

2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT
LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH
VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Số: *Hj*/KH-HĐTĐGCTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày *11* tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, trình độ cao đẳng-Năm 2022

1. Mục tiêu tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên về tầm quan trọng của quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển đào tạo nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá

Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động-Thương Binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị.

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí và gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội Hà Nội và gửi về Tổ chức kiểm định chất lượng GDNN.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK trình độ Cao đẳng

- Phân công Khoa Điện tử-Điện lạnh chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng, năm 2022;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại Trường.

4.2. Đối với Khoa Điện tử-Điện lạnh

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình Chủ tịch hội đồng phê duyệt;
- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng tiêu chí, đồng thời mô tả, phân tích, nhận định các tiêu chuẩn, xác định thực trạng cho điểm tự đánh giá tiêu chuẩn;
- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng của đơn vị theo mẫu quy định tại phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Gửi dự thảo báo cáo tới các đơn vị có liên quan để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng họp thông qua.

4.3. Đối với các Phòng, Khoa trong Nhà trường

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp cho Khoa Điện tử-Điện lạnh tổng hợp.

5. Phân công các đơn vị thực hiện thu thập minh chứng, cung cấp nội dung, số liệu theo tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp cung cấp số liệu và minh chứng
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính		
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện tử-Điện lạnh	

TH
 7
 CAC
 1
 C
 8

2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện tử-Điện lạnh	
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện tử-Điện lạnh	
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo		
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo - Phòng QHDN
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo - Phòng ĐBCL
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
III	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên		
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
IV	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình		
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo - Phòng QHDN
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Điện tử-Điện lạnh	
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Điện tử-Điện lạnh	
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Điện tử-Điện lạnh	
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo - Phòng QHDN
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
9	Tiêu chuẩn 9	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
10	Tiêu chuẩn 10	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
11	Tiêu chuẩn 11	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
12	Tiêu chuẩn 12	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo

V Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng TTSX&DV - Phòng TC-HC-QT
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng TTSX&DV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng TTSX&DV
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng TTSX&DV
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng TTSX&DV
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng TTSX&DV - Phòng TC-HC-QT
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
VI Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV
VII Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng QHDN
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng ĐBCL
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng ĐBCL
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng ĐBCL
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng đào tạo - Phòng ĐBCL
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Điện từ-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV

6. Nội dung công việc, thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện	Nội dung công việc thực hiện
Từ ngày 06/5/2022 đến ngày 19/5/2022	Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ Trung cấp năm 2022 và triển khai đến các đơn vị trong toàn trường.
Từ ngày 20/5/2022 đến ngày 30/6/2022	Thu thập thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn và viết dự thảo báo cáo tự đánh giá.
Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 10/07/2022	Đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn; chỉ rõ điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng.
Từ ngày 11/07/2022	Tổng hợp Dự thảo báo cáo và gửi các thành viên Hội đồng và

đến ngày 20/07/2022	các đơn vị xin ý kiến góp ý.
Từ ngày 21/07/2022 đến ngày 30/07/2022	Tổng hợp các ý kiến góp ý và hoàn thiện Dự thảo báo cáo
Từ ngày 01/08/2022 đến ngày 04/08/2022	Họp hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để thông qua và trình Hiệu trưởng phê duyệt Báo cáo tự đánh giá chất lượng.
Từ ngày 05/08/2022 đến ngày 17/08/2022	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.
Từ ngày 18/08/2022 đến ngày 25/08/2022	Gửi báo cáo tự đánh giá về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và gửi về Tổ chức kiểm định chất lượng GDNN.
Từ ngày 26/08/2022 đến ngày 05/09/2022	Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện đánh giá ngoài.
Từ ngày 13/9/2022 đến ngày 17/9/2022	Thực hiện đánh giá ngoài.

7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng, năm 2022 từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng, năm 2022. Đề nghị các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc kế hoạch này./

Nơi nhận:

- Sở LĐTB&XH (để báo cáo);
- Tổng cục GDNN (để báo cáo);
- Hội đồng TĐGCLCTĐT (để t/h);
- Các phòng, khoa chuyên môn (để t/h);
- Lưu: VT; P.ĐBCL.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH



* Đặng An Bình

PHỤ LỤC 3
BẢNG MÃ MINH CHỨNG TĐGCL CTĐT NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ
NĂM 2021 (TỪ 2018-2021)

<i>TT</i>	<i>Tiêu chí</i>	<i>Tiêu chuẩn</i>	<i>Mã minh chứng</i>	<i>MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn</i>	<i>Tên minh chứng</i>
I	MỤC TIÊU QUẢN LÝ VÀ TÀI CHÍNH				
1.	1	1	1.1.01		<i>Đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo QĐ Số 1488/QĐ-BLDTBXH ngày 15/10/2015</i>
2.			1.1.02		<i>Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ, Quyết định ban hành số 1299/QĐ-BLDTBXH ngày 11/9/2015</i>
3.			1.1.03		<i>Giấy phép đăng ký hoạt động GDNN; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 15/2017/GCNDKHH-TCDN</i>
4.			1.1.04		<i>Quyết định ban hành chương trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, chương trình chi tiết kèm theo</i>
5.			1.1.05		<i>Kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
6.			1.1.06		<i>Báo cáo công tác tuyển sinh các năm học; phiếu đăng ký học nghề</i>

7.			1.1.07		http://www.httc.edu.vn
8.			1.1.08		Các tài liệu tuyên truyền tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022
9.			1.1.09		Bộ chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí điều chỉnh năm 2020, kèm theo hồ sơ thực hiện quá trình rà soát, điều chỉnh
10.	1	2		1.1.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường
11.			1.2.01		Tiến độ, khối lượng đào tạo theo từng năm học từ 2019 đến 2022
12.			1.2.02		Báo cáo tổng kết công tác các năm 2018 – 2019 đến 2021 – 2022 của khoa
13.			1.2.03		Báo cáo tổng kết công tác các năm 2019, 2020, 2021 của nhà trường
14.			1.2.04		Các quyết định xếp loại thi đua của đơn vị năm 2019, 2020, 2021
15.			1.2.05		Các quyết định khen thưởng tập thể và cá nhân năm 2019, 2020, 2021
16.	1	3	1.3.01		Quyết định về định mức chi tối thiểu đối với các nghề đào tạo của trường
17.			1.3.02		Quyết định số 389/QĐ-CĐNKTCN ngày 29/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ về qui định mức thu học phí từ năm học 2018-2019 đến 2021-2022;
18.			1.3.03		Quyết định về qui định mức thu học phí năm học 2021-2022;
19.			1.3.04		Báo cáo tài chính các năm 2019, 2020, 2021

<i>II</i>	HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO			
20.	2	1	2.1.01	<i>Quy chế tuyển sinh của trường năm 2019, 2020, 2021</i>
21.			1.1.05	<i>Kế hoạch tuyển sinh 2019, 2020, 2021</i>
22.			2.1.02	<i>Quyết thành lập hội đồng Tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021</i>
23.			1.1.06	<i>Báo cáo kết quả tuyển sinh</i>
24.			2.1.03	<i>Biên bản họp hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021</i>
25.			2.1.04	<i>Quyết định công nhận trúng tuyển năm hệ trung cấp 2019, 2020, 2021</i>
26.			2.1.05	<i>Quyết định công nhận trúng tuyển hệ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021</i>
27.			2.1.06	<i>Hồ sơ tuyển sinh các năm 2019, 2020, 2021</i>
28.			2.1.07	<i>Quyết định biên chế các lớp, danh sách học sinh các lớp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí</i>
29.	2	2	2.2.01	<i>Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
30.			2.2.02	<i>Kế hoạch giáo viên năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
31.			2.2.03	<i>Thời khóa biểu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
32.			2.2.04	<i>Lịch giảng dạy của giáo viên năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>

33.			2.2.05		<i>Quyết định giáo viên chủ nhiệm năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
34.			2.2.06		<i>Hồ sơ giảng dạy của Nhà giáo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
35.			2.2.07		<i>Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
36.			2.2.08		<i>Phiếu kiểm tra về công tác đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
37.			2.2.09		<i>Các biên bản họp của đơn vị năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
38.			2.2.10		<i>Các phiếu khảo sát năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
39.	2	3		1.1.04	<i>Quyết định số 344/QĐ-CĐNKTCN ngày 28/11/2017 về ban hành chương trình Giáo dục nghề nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí – trình độ cao đẳng, chương trình chi tiết kèm theo và Quyết định số 215/QĐ-CĐNKTCN ngày 07/10/2020 về ban hành chương trình Giáo dục nghề nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí – trình độ cao đẳng, chương trình chi tiết kèm theo</i>
40.				2.2.06	<i>Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
41.			2.3.01		<i>Biên bản dự giờ nhà giáo khoa Điện tử - Điện lạnh</i>

42.			2.3.02		<i>Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của người học</i>
43.			2.3.03		<i>Danh sách MH/MĐ sử dụng phần mềm mô phỏng, các phần mềm dạy học và phần mềm quản lý đào tạo Eduman 7.0.0.11</i>
44.	2	4		1.1.04	<i>Quyết định số 344/QĐ-CDNKTCN ngày 28/11/2017 về ban hành chương trình Giáo dục nghề nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí – trình độ cao đẳng, chương trình chi tiết kèm theo và Quyết định số 215/QĐ-CDNKTCN ngày 07/10/2020 về ban hành chương trình Giáo dục nghề nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí – trình độ cao đẳng, chương trình chi tiết kèm theo</i>
45.			2.4.01		<i>Chương trình MĐ TTNN, TTTN (Nằm trong CT đào tạo)</i>
46.			2.4.02		<i>Kế hoạch thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp</i>
47.			2.4.03		<i>Quyết định thực tập và danh sách các lớp kèm theo</i>
48.			2.4.04		<i>Nhật ký thực tập của HSSV</i>
49.			2.4.05		<i>Báo cáo kết quả thực tập của học sinh sinh viên</i>
50.			2.4.06		<i>Bảng điểm thực tập của học sinh sinh viên</i>
51.	2	5	2.5.01		<i>Quy chế đào tạo theo niên chế của trường</i>
52.			2.5.02		<i>Quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ. Ban hành kèm theo QĐ số 362/ QĐ – CDNKTCN ngày 04/12/2017</i>

53.			2.5.03		<i>Lịch thi kết thúc MĐ/MH</i>
54.			2.5.04		<i>Biểu mẫu đề thi, đáp án, barem chấm điểm thi kết thúc MH/MĐ,</i>
55.			2.5.05		<i>Bài thi, barem chấm điểm thi kết thúc MH/MĐ</i>
56.			2.5.06		<i>Bảng điểm thi kết thúc MĐ/MH</i>
57.			2.5.07		<i>Kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021</i>
58.			2.5.08		<i>Quyết định thành lập Hội đồng thi và Các ban giúp việc Hội đồng thi tốt nghiệp và Ban giám sát thực hiện tổ chức thi tốt nghiệp các năm 2019, 2020,2021</i>
59.			2.5.09		<i>Các biên bản làm việc của Hội đồng thi tốt nghiệp và các ban giúp việc các năm 2019, 2020,2021</i>
60.			2.5.10		<i>Báo cáo kết quả tốt nghiệp</i>
61.			2.5.11		<i>Biên bản họp xét công nhận kết quả tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp.</i>
62.			2.5.12		<i>Quyết định công nhận tốt nghiệp 2018, 2019, 2020 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí ;</i>
63.			2.5.13		<i>Báo cáo kết quả giám sát kỳ thi tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021</i>
64.			2.5.14		<i>Quy trình tổ chức thi tốt nghiệp</i>

65.			2.5.15		<i>Kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên năm học 2019 -2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
66.			2.5.16		<i>Số cấp phát bằng tốt nghiệp cho người học các năm 2019, 2020, 2021</i>
67.			2.5.17		<i>Báo cáo về việc cấp phát văn bằng chứng chỉ các năm 2019, 2020, 2021;</i>
68.			2.5.18		<i>Quy trình cấp văn bằng chứng chỉ</i>
69.	2	6	2.6.01		<i>Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm 2019, 2020, 2021</i>
70.			2.6.02		<i>Phiếu kiểm tra giáo viên và phiếu kiểm tra đơn vị</i>
71.			2.6.03		<i>Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học từ năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
72.			2.6.04		<i>Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí</i>
73.	2	7	2.7.01		<i>Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông của Trường</i>
74.			2.7.02		<i>Chương trình đào tạo CĐ liên thông nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí</i>
75.			2.7.03		<i>Quyết định thành lập các lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí kèm theo danh sách sinh viên từ năm 2019 đến 2021</i>

76.			2.7.04		Hồ sơ sinh viên học liên thông
77.			2.7.05		Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ đào tạo liên thông
III	NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN				
78.	3	1	3.1.01		Hồ sơ lý lịch kèm theo danh sách trích ngang viên chức, người lao động của nhà trường
79.			3.1.02		Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí
80.	3	2	3.2.01		Quy chế nhà giáo GDNN trường CDN KTCN
81.			3.2.02		Quyết định về việc quy định thời giờ nghỉ ngơi của công chức, viên chức, người lao động trường CDN KTCN
82.				2.2.02	Kế hoạch giáo viên năm học 2018 – 2019 đến 2021 – 2022
83.				2.2.03	Thời khóa biểu năm học 2018 – 2019 đến 2021 – 2022
84.			3.2.03		- Bảng phân công nhiệm vụ của giáo viên trong khoa
85.			3.2.04		Quyết định giao quản lý thiết bị cho giáo viên;
86.			3.2.05		Quyết định cử giáo viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
87.			3.2.06		Kế hoạch huấn luyện học sinh giỏi;
88.			3.2.07		Quyết định tham gia hội thi thiết bị tự làm
89.				2.2.05	Quyết định giáo viên chủ nhiệm

90.			3.2.08		<i>Bảng tổng hợp giờ giảng các năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020 – 2021, 2021 – 2022</i>
91.			3.2.09		<i>Kế hoạch hội giảng các năm học; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường;</i>
92.			3.2.10		<i>Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp Thành phố</i>
93.			3.2.11		<i>Hồ sơ nghiên cứu khoa học của nhà giáo</i>
94.			3.2.12		<i>Các văn bản giao nhiệm vụ bồi dưỡng học sinh cho nhà giáo</i>
95.			3.2.13		<i>Kết quả xếp loại lao động nhà giáo 2019 – 2021</i>
96.			3.2.14		<i>Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo</i>
97.			3.2.15		<i>Phiếu tổng hợp đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo của khoa năm học 2019 – 2021</i>
98.				1.2.02	<i>Báo cáo tổng kết công tác các năm 2019 - 2022 của khoa</i>
99.				1.2.03	<i>Báo cáo tổng kết công tác các năm 2019 – 2021 của nhà trường</i>
100.	3	3		2.2.01	<i>Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo;</i>
101.				2.2.02	<i>Kế hoạch giáo viên năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020 – 2021, 2021 – 2022</i>
102.				2.2.03	<i>Thời khóa biểu năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020 – 2021, 2021 – 2022</i>
103.				2.2.04	<i>Lịch giảng dạy của giáo viên năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020 – 2021, 2021 – 2022</i>

104.			3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020 – 2021, 2021 – 2022
105.				3.2.07	Bảng tổng hợp giờ giảng các năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020 – 2021, 2021 – 2022
106.				2.1.07	Quyết định biên chế các lớp học sinh của các năm học năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020 – 2021, 2021 – 2022
107.			3.3.02		Bảng tính quy đổi nhà giáo/người học
108.	3	4		3.2.08	Kế hoạch hội giảng các năm học; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường;
109.				3.2.09	Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp Thành phố, toàn Quốc;
110.				3.2.10	Hồ sơ nghiên cứu khoa học, thiết bị tự làm của nhà giáo
111.			3.4.01		Quyết định khen thưởng thi thiết bị tự làm thành phố
112.	3	5	3.5.01		Danh sách trích ngang đội ngũ VC, NLD của trường
113.			3.5.02		Kế hoạch học tập bồi dưỡng của đơn vị
114.			3.5.03		Các Quyết định cử nhà giáo đi học tập bồi dưỡng
115.			3.5.04		Tài liệu/ văn bằng chứng chỉ, báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng
116.	3	6	3.6.01		Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp hàng năm
117.			3.6.02		Báo cáo kết quả thực tập tại Doanh nghiệp
118.			3.6.03		Hình ảnh nhà giáo tham gia thực tập tại các doanh nghiệp

119.	3	7	3.7.01		Danh sách trích ngang trưởng, phó các đơn vị phòng khoa của trường
120.			3.7.02		Danh sách trích ngang, hồ sơ cán bộ quản lý, nhân viên khoa Điện tử điện lạnh
121.	3	8	3.8.01		Quyết định bổ nhiệm trưởng khoa, P.Trưởng khoa, Quyết định giao nhiệm vụ Thư ký khoa
122.			3.8.02		Quy định đánh giá, phân loại đối với CC, VC, NLD của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ;
123.			3.8.03		Kế hoạch phân loại CC, VC, người lao động và tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm 2019, 2020,2021;
124.			3.8.04		Biên bản họp phân loại CC, VC, và người lao động của khoa năm 2019, 2020,2021;
125.			3.8.05		Biên bản họp bình xét thi đua của khoa năm 2019, 2020,2021;
126.			3.8.06		Quyết định phân loại CC, CV, NLD của trường năm học 2019, 2020,2021
127.			3.8.07		Quyết định thi đua khen thưởng của trường năm học 2019, 2020,2021
IV	CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH				
128.	4	1	4.1.01		Quyết định số 67/QĐ-CDNKTCN-ĐL ngày 24/4/2017 về thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình đào tạo và danh sách ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào

					<i>tạo, biên soạn giáo trình đào tạo năm 2017 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí</i>
129.			4.1.02		<i>Quyết định số 99A/QĐ-CĐNKTCN ngày 16/6/2020 về thành lập các ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, GTĐT năm 2020 và danh sách ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, GTĐT năm 2020 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí</i>
130.			4.1.03		<i>Kế hoạch số 15/KH_CĐNKTCN-ĐT ngày 07/3/2017 về xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình năm 2017; Quyết định 282/QĐ-CĐNKTCN ngày 29/9/2017 về thành lập hội đồng thẩm định CTĐT, GTĐT năm 2017 và danh sách hội đồng thẩm định CTĐT, GTĐT năm 2017 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; Biên bản hội thảo lấy ý kiến góp ý về chương trình đào tạo; Báo cáo số 219A/BC-CĐNKTCN ngày 26/12/2017 báo cáo kết quả tham khảo, cập nhập những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài liên quan đến nghề đào tạo năm 2017</i>
131.			4.1.04		<i>Các bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt</i>
132.			4.1.05		<i>Kế hoạch số 56/KH-CĐNKTCN ngày 15/6/2020 về chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo năm 2020; Quyết định 99A/QĐ-CĐNKTCN ngày 16/6/2020 về thành lập các ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, GTĐT năm 2020 và Danh sách ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, GTĐT năm 2020 nghề Kỹ</i>

					<i>thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; Biên bản họp thẩm định chương trình chỉnh sửa, bổ sung năm 2020; Báo cáo số 310/BC-CĐNKTCN ngày 31/12/2017 báo cáo kết quả tham khảo, cập nhập những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài liên quan đến nghề đào tạo năm 2020</i>
133.			4.1.06		<i>Bộ chương trình đã điều chỉnh năm 2020 kèm theo Quyết định ban hành</i>
134.	4	2	4.1.01		<i>Quyết định số 67/QĐ-CĐNKTCN-ĐT ngày 24/4/2017 về thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình đào tạo và danh sách ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình đào tạo năm 2017 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí</i>
135.			4.1.02		<i>Quyết định số 99A/QĐ-CĐNKTCN ngày 16/6/2020 về thành lập các ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, GTĐT năm 2020 và danh sách ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, GTĐT năm 2020 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí</i>
136.			4.2.01		<i>Quyết định 282/QĐ-CĐNKTCN ngày 29/9/2017 về thành lập hội đồng thẩm định CTĐT, GTĐT năm 2017 và danh sách hội đồng thẩm định CTĐT, GTĐT năm 2017 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí</i>

137.			4.2.02		<i>Quyết định số 140A/QĐ-CĐNKTCN ngày 06/8/2020 về thành lập hội đồng thẩm định CTĐT, GTĐT chỉnh sửa, bổ sung năm 2020 và danh sách hội đồng thẩm định CTĐT, GTĐT năm 2020 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí</i>
138.			4.2.03		<i>Phiếu khảo sát doanh nghiệp</i>
139.	4	3	4.3.01		<i>Quyết định số 215/QĐ-CĐNKTCN ngày 06/8/2019 về ban hành chuẩn đầu ra của 13 nghề Nhà trường đang đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí</i>
140.				4.1.06	<i>Bộ chương trình đã điều chỉnh năm 2020 kèm theo Quyết định ban hành</i>
141.			4.3.02		<i>Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
142.				2.2.08	<i>Hồ sơ khảo sát HSSV</i>
143.			4.3.03		<i>Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát</i>
144.			4.3.04		<i>Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp</i>
145.			4.3.05		<i>Biên bản họp khoa Điện tử - Điện lạnh</i>
146.	4	4		4.1.05	<i>Các bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt</i>
147.				4.3.02	<i>Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021</i>

148.				2.2.08	Hồ sơ khảo sát HSSV
149.	4	5		4.1.05	Bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt
150.			4.5.01		Kế hoạch phân bổ phòng học các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
151.			4.5.02		Dự trữ nguyên vật liệu thực tập nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
152.			4.5.03		Danh sách tổng hợp danh mục các thiết bị và phần mềm mô phỏng phục giảng dạy
153.				2.2.02	Kế hoạch giáo viên năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
154.				2.2.03	Thời khóa biểu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
155.				2.2.04	Lịch giảng dạy của giáo viên
156.				4.3.02	Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021,2022
157.	4	6		4.1.05	Các bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt;
158.			4.6.01		Các bộ đề thi kết thúc MH/MĐ
159.			4.6.02		Các bộ đề thi tốt nghiệp
160.				4.3.02	Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021,2022
161.				2.2.08	Hồ sơ khảo sát HSSV

162.	4	7	4.7.01	<i>Nghị quyết HĐND thành phố Hà Nội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội năm 2020; Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về việc phê duyệt chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030</i>
163.			4.7.02	<i>Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp;</i>
164.			4.7.03	<i>Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp 2019, 2020, 2021</i>
165.			4.7.04	<i>Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp hàng năm;</i>
166.			4.7.05	<i>Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập tại Doanh nghiệp;</i>
167.			4.7.06	<i>Báo cáo kết quả thực tập tại Doanh nghiệp;</i>
168.			1.1.01	<i>Quyết định ban hành kèm theo danh sách chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí)</i>
169.			4.1.06	<i>Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí;</i>
170.			2.2.08	<i>Hồ sơ khảo sát HSSV; 2.6.04 - Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020,2021,2022</i>
171.			4.1.01	<i>Các quyết định phê duyệt kế hoạch xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo</i>
172.			4.1.06	<i>Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2020</i>
173.	4	8	4.1.04	<i>Hồ sơ xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao</i>

					<i>đăng, trung cấp và sơ cấp năm 2017;</i>
174.				4.1.05	<i>Các bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt;</i>
175.				4.1.06	<i>Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2020;</i>
176.				4.1.07	<i>Bộ chương trình đã điều chỉnh năm 2020 kèm theo Quyết định ban hành</i>
177.	4	9	4.9.01		<i>Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình năm 2019</i>
178.			4.9.02		<i>Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019</i>
179.	4	10		4.1.02	<i>Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm, tiểu ban biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2017;</i>
180.				4.1.03	<i>Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2017;</i>
181.				4.9.01	<i>Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình năm 2019</i>
182.				4.9.02	<i>Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019</i>
183.	4	11		4.9.01	<i>Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình năm 2019</i>
184.				4.9.02	<i>Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019</i>

185.				4.3.02	Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021,2022
186.				2.2.08	Hồ sơ khảo sát HSSV
187.	4	12		4.9.01	Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình năm 2019
188.				4.9.02	Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019
189.				4.3.02	Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021,2022
190.				2.2.08	Hồ sơ khảo sát HSSV
V	CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN				
191.	5	1	5.1.01		Hồ sơ thiết kế bản vẽ hoàn công
192.			5.1.02		Bảng thống kê các phòng học, giảng đường, phòng xưởng thực hành
193.			5.1.03		Bảng thống kê các phòng học, giảng đường, phòng chuyên môn hóa, xưởng thực hành, kho
194.			5.1.04		Quyết định giao tài sản (thiết bị, dụng cụ) nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí
195.			5.1.05		Hồ sơ thiết kế cơ sở phòng cháy chữa cháy
196.			5.1.06		Hồ sơ thiết kế cơ sở kiến trúc kết cấu điện nước
197.			5.1.07		Hợp đồng mua bán điện

198.			5.1.08		<i>Hợp đồng dịch vụ cấp nước cơ quan, doanh nghiệp</i>
199.	5	2		1.1.04	<i>Quyết định ban hành chương trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, chương trình chi tiết kèm theo</i>
200.			5.2.01		<i>Hồ sơ quản lý thiết bị của Khoa Điện tử điện lạnh;</i>
201.			5.2.02		<i>Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề hiện có của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH;</i>
202.			5.2.03		<i>Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019, 2020, 2021</i>
203.	5	3		2.2.01	<i>Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo 2019 – 2022</i>
204.				2.2.02	<i>Kế hoạch giáo viên các năm học 2018 – 2019 đến 2021 -2022</i>
205.				2.2.03	<i>Thời khóa biểu các năm học 2018 – 2019 đến 2021 -2022</i>
206.				2.2.04	<i>Lịch giảng dạy của giáo viên</i>
207.				5.2.01	<i>Hồ sơ quản lý thiết bị của khoa;</i>
208.				5.2.02	<i>Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề hiện có của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH;</i>
209.				5.2.03	<i>Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019, 2020, 2021</i>

210.			5.3.01		<i>Bảng tổng hợp số lượng HSSV giai đoạn 2019 – 2022 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí ;</i>
211.			5.3.02		<i>Danh mục thiết bị của các phòng học chuyên môn của khoa</i>
212.	5	4	5.4.01		<i>Sơ đồ bố trí phòng học, xưởng thực hành khoa Điện tử điện lạnh</i>
213.			5.4.02		<i>Bộ ảnh chụp xưởng thực hành khoa Điện tử điện lạnh</i>
214.				5.2.01	<i>Hồ sơ quản lý thiết bị khoa Điện tử điện lạnh</i>
215.			5.4.03		<i>Quy chế quản lý tài sản của trường;</i>
216.				5.2.03	<i>Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019, 2020,2021</i>
217.				5.3.02	<i>Danh mục các thiết bị của các phòng học chuyên môn của khoa</i>
218.			5.4.04		<i>Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đào tạo từ năm 2019 đến 2021;</i>
219.			5.4.05		<i>Báo cáo công tác quản lý bảo dưỡng thiết bị 2019 - 2021;</i>
220.	5	5	5.5.01		<i>Hồ sơ xây dựng kho;</i>
221.			5.5.02		<i>Hình ảnh kho;</i>
222.			5.5.03		<i>Các biên bản kiểm tra hệ thống kho, PCCC</i>
223.			5.5.04		<i>Quy trình quản lý sử dụng vật tư</i>
224.			5.5.05		<i>Hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo khoa Điện tử điện lạnh</i>
225.			5.5.06		<i>Định mức tiêu hao vật tư nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không</i>

					<i>khí</i>
226.			5.5.07		<i>Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học</i>
227.	5	6	5.6.01		<i>Bảng thống kê diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ thư viện;</i>
228.			5.6.02		<i>Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019, 2019, 2020, 2021;</i>
229.			5.6.03		<i>Nội quy thư viện;</i>
230.			5.6.04		<i>Kế hoạch hoạt động của thư viện;</i>
231.			5.6.05		<i>Thông báo tuyên truyền giới thiệu sách mới năm học từ 2018 – 2019 đến 2020 – 2021;</i>
232.			5.6.06		<i>Sổ theo dõi mượn, trả tài liệu thư viện năm học từ 2018 – 2019 đến 2020 – 2021;</i>
233.			5.6.07		<i>Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện năm học từ 2018 – 2019 đến 2020 – 2021</i>
234.			5.6.08		<i>Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử</i>
235.			5.6.09		<i>Biên bản ghi nhớ hợp tác chương trình hợp tác đào tạo giữa trường cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ và công ty cp xây dựng và công nghệ Bình Định</i>

236.			5.6.10		Hình ảnh cơ sở dữ liệu điện tử - Lưu trên thư viện
237.	5	7	5.7.01		Ảnh chụp phòng máy tính;
238.			5.7.02		Hồ sơ sổ sách quản lý các phòng máy tính;
239.			5.7.03		Phần mềm quản lý thư viện, thư viện điện tử trên website http://210.245.74.86:1211/
240.	5	8	5.8.01		Danh sách mh/mã ứng dụng các phần mềm mô phỏng, thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo
241.			5.8.02		Hình ảnh Phần mềm mô phỏng proteus 8.6
242.					
VI	DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC				
243.	6	1	6.1.01		Chương Trình Giáo Dục Đầu Khóa
244.			6.1.02		Bài thu hoạch của HSSV khoa Điện tử điện lạnh năm 2019, 2020,2021
245.			6.1.03		Hướng dẫn chế độ miễn, giảm học phí
246.			6.1.04		Hướng dẫn về chính sách nội trú cho HSSV
247.			6.1.05		Hướng dẫn trợ cấp xã hội cho HSSV
248.			6.1.06		Hình ảnh Zalo các nhóm lớp thuộc khoa Điện tử điện lạnh
249.			6.1.07		Hình ảnh thông tin trên trang Web của trường
250.	6	2	6.2.01		Hướng dẫn về chính sách khen thưởng

251.			6.2.02	<i>Các Quyết định danh sách HSSV được miễn, giảm học phí trong các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021,2021- 2022</i>
252.			6.2.03	<i>Quyết định danh sách HSSV được cấp học bổng, khen thưởng, trợ cấp xã hội, chính sách nội trú năm học 2018-2019, 2019-2020,2020-2021, kỳ I năm học 2021- 2022;</i>
253.			6.2.04	<i>Hồ sơ tài chính chi trả chế độ cho HSSV.</i>
254.			6.2.05	<i>Quyết định danh sách HSSV được khen thưởng từ Hội thi tay nghề cấp Trường, cấp Thành phố năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021;</i>
255.			6.2.06	<i>Quyết định danh sách HSSV được khen thưởng đạt loại giỏi toàn khóa, xếp loại rèn luyện xuất sắc;</i>
256.			6.2.07	<i>Danh sách đề cử, hình ảnh các sinh viên nhận học bổng “Chung tay chia sẻ” của Hiệp Hội doanh nghiệp Hàn Quốc năm 2019, 2020).</i>
257.	6	3	6.3.01	<i>Quyết định thành lập phòng quan hệ doanh nghiệp</i>
258.			6.3.02	<i>Quy chế tổ chức hoạt động của Phòng quan hệ doanh nghiệp</i>
259.			6.3.03	<i>Danh sách cán bộ làm nhiệm vụ cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm</i>
260.			6.3.04	<i>Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp năm 2019, 2020,2021,2022;</i>

261.			6.3.05		<i>Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp;</i>
262.			6.3.06		<i>Báo cáo tổng kết năm 2019, 2020,2021 của Phòng QHDN</i>
263.			6.3.07		<i>Báo cáo tổng kết năm 2019, 2020,2021 của phòng CTSSV</i>
264.				1.1.07	www.httc.edu.vn .
265.			6.3.08		<i>Kế hoạch tổ chức “Hội nghị hướng nghiệp, việc làm năm 2019,2020, 2021”;</i>
266.			6.3.09		<i>Kế hoạch tổ chức Lễ bế giảng khóa học năm 2019, 2020,2021</i>
267.			6.3.10		<i>Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp;</i>
268.			6.3.11		<i>Kế hoạch công tác phòng Công tác HSSV</i>
269.	6	4	6.4.01		<i>Kế hoạch hoạt động ngoại khóa năm học 2018- 2019, 2019- 2020, 2020-2021</i>
270.			6.4.02		<i>Kế hoạch thi đua học tập và rèn luyện, tổ chức hoạt động phong trào chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 năm 2019, 2020,2021;</i>
271.			6.4.03		<i>Kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào chào mừng ngày thành lập Đoàn 26/3, chương trình “Tuổi trẻ khởi nghiệp” và Kế hoạch tham gia Festival huyện Đông Anh, Sóc Sơn năm 2018, 2019; Kế</i>

					<i>hoạch tham gia Hội thao học sinh sinh viên, Giải chạy Báo Hà Nội mới...do cấp trên phát động, tổ chức;</i>
272.			6.4.04		<i>Kế hoạch tổ chức Hội thi kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ngày 19/5/2018;</i>
273.			6.4.05		<i>Kế hoạch tổ chức giao lưu văn nghệ</i>
274.			6.4.06		<i>Kế hoạch tổ chức cuộc thi “Rung chuông vàng” ngày 16/5/2019</i>
VII	GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG				
275.	7	1	7.1.01		Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp từ năm 2019 đến 2022
276.			7.1.02		Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát ý kiến từ năm 2019 đến 2022
277.			7.1.03		Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp từ năm 2019 đến 2022
278.			7.1.04		Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp từ năm 2019 đến 2022
279.			7.1.05		Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát doanh nghiệp từ năm 2019 đến 2022
280.	7	2	7.2.01		Quyết định công nhận tốt nghiệp/danh sách người học tốt nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
281.			7.2.02		Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp
282.			7.2.03		Phiếu khảo sát điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp
283.			7.2.04		Bảng tổng hợp thông tin việc làm đối với người học đã tốt nghiệp
284.			7.2.05		Báo cáo kết quả điều tra lần vết

285.	7	3	7.3.01	Kế hoạch khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021, 2022
286.			7.3.02	Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động khoa Điện tử điện lạnh tham gia khảo sát từ năm 2019 đến 2022
287.			7.3.03	Phiếu khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động
288.			7.3.04	Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về chính sách chất lượng đào tạo
289.			7.3.05	Biên bản hội nghị cán bộ viên chức năm 2019, 2020, 2021
290.	7	4	7.4.01	Kế hoạch khảo sát HSSV
291.			7.4.02	Phiếu khảo sát HSSV
292.			7.4.03	Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học
293.			7.4.04	Danh sách người học năm 2019, 2020, 2021,2022
294.			7.4.05	Danh sách người học được thu thập ý kiến năm 2019, 2020, 2021,2022
295.	7	5	7.5.01	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng năm 2019, 2020, 2021,2022
296.			7.5.02	Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí năm 2019, 2020, 2021,2022

297.			7.5.03		Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021,2022;
298.	7	6	7.6.01		Kế hoạch khắc phục hạn chế sau tự đánh giá chất lượng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2019, 2020, 2021,2022
299.			7.6.02		Báo cáo kết quả khắc phục các tiêu chí không đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hệ cao đẳng ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí các năm 2019, 2020, 2021
300.			7.6.03		Báo cáo tổng kết các năm 2019 đến 2022 của khoa Điện tử - Điện lạnh
301.			7.6.04		Báo cáo tổng kết các năm từ 2019, 2020, 2021 của Trường
302.	7	7		7.2.01	Quyết định công nhận tốt nghiệp/danh sách người học tốt nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
303.				7.2.02	Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp
304.				7.2.03	Phiếu khảo sát điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp
305.				7.2.04	Bảng tổng hợp thông tin việc làm đối với người học đã tốt nghiệp
306.				7.2.05	Báo cáo kết quả điều tra lần vết
307.	7	8		7.1.01	Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp từ năm 2019 đến 2022
308.				7.1.02	Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát ý kiến từ năm 2019 đến 2022

309.				7.1.03	Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp từ năm 2019 đến 2022
310.				7.1.04	Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp từ năm 2019 đến 2022
311.				7.1.05	Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát doanh nghiệp từ năm 2019 đến 2022

Nơi nhận:

- TCGDNN (để b/c);
- Sở LĐ-TBXH HN (để b/c);
- Bộ LĐTBXH (để b/c);
- Lưu ...

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2022

TM. HĐ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG



Dặng An Bình